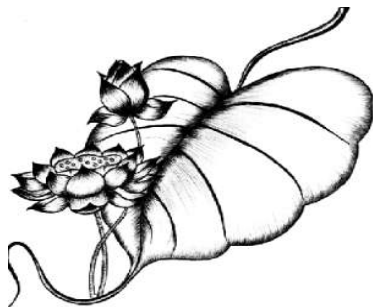


**Chú Giải**  
**Kinh Phật Thuyết**  
**Đại Thừa Vô Lượng Thọ**  
**Trang Nghiêm Thanh Tịnh**  
**Bình Đăng Giác**



*thắng thì chẳng biết, chẳng hay, trâm luân muôn kiếp. Nếu có thể trong nhất niệm xoay trở lại nhận rõ cái tánh sáng suốt thì mới hay của gia bảo sẵn có như vào núi báu nhật của cải vô tận, như vào Hương quốc chạm vào chỗ nào cũng thơm ngát. Phải đạt đến nơi mới ngơi nghỉ, chứ đừng nửa đường bỏ cuộc’.*

### **23. Mười phương Phật ngợi khen**

Phẩm này gồm ba ý chính:

- \* Mười phương chư Phật ngợi khen ngợi.
- \* Thâm ý những lời khen của chư Phật.
- \* Công đức chẳng thể nghĩ bàn của nhất niệm tinh tín.

#### **Chánh kinh:**

**Lại này A Nan! Hằng hà sa số thế giới ở phương Đông, trong mỗi một thế giới, [các vị] Phật như hằng hà sa, mỗi vị đều hiện tướng lưới rộng dài, phóng vô lượng quang nói lời thành thực khen ngợi Vô Lượng Thọ Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chư Phật trong hằng sa thế giới nơi phương Nam, Tây, Bắc cũng khen ngợi như thế. Chư Phật trong hằng sa thế giới ở bốn phương bàng, trên, dưới cũng khen ngợi như vậy.**

Giải:

Trước hết nói đến phương Đông là thuận theo thế tục: mặt trời mọc từ phương Đông. Các thế giới trong phương Đông nhiều như số cát sông Hằng (hằng hà sa số). Trong mỗi một thế giới đều có hằng hà sa số Phật. Mỗi đức Phật *‘đều hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang nói lời thành thật’*.

*‘Tướng lưỡi rộng dài’* chính là một trong năm hai tướng hảo. Lưỡi to, dài, mềm mại, đỏ tươi, mỏng mảnh, thè ra có thể che cả mặt đến tận mí tóc. Trong sách Viên Trung Sao, đại sư Cừ Am viết: *‘Hiện tướng lưỡi rộng dài nhằm biểu thị chẳng hư vọng. Từ vô lượng kiếp đến nay, miệng không có bốn lỗ nên cảm được tướng này’*. Sách Số Sao cũng nói: *‘Bởi Thế Tôn nhiều kiếp nói lời thành thật nên tướng lưỡi rộng dài khác lạ thường nhân. Nhưng [tướng lưỡi của Phật] lại có thường tướng và hiện tướng khác biệt. Nếu là thường tướng thì ngậm vào vừa khít trong miệng, thè ra thì che cả mặt đến tận mí tóc. Để làm cho ngoại đạo sanh lòng tin, Phật đã từng hiện bày tướng như vậy. Còn nếu là hiện tướng thì có lớn, nhỏ sai khác’*. Kinh A Di Đà chép: *‘Hằng hà sa số chư Phật như thế, mỗi vị ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới,*

nói lời thành thật: ‘Chúng sanh các ngươi nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức được hết thảy chư Phật hộ niệm này’.

Kinh bảo: ‘Che khắp tam thiên đại thiên thế giới’, đây chính là ‘hiện tướng’ thù thắng. Dem so kinh này với Tiểu Bản thì Đại kinh chẳng nói ‘che khắp’ nhưng nói ‘phóng vô lượng quang’ thì biết là tướng lưỡi này chính là quang minh ấy, quang minh ấy chính là tướng lưỡi này chẳng hai, chẳng khác. Kinh nói: ‘Phóng vô lượng quang’ nên ta biết rằng pháp âm vang vọng vượt khỏi cả tam thiên đại thiên thế giới.

Sách Viên Trung Sao còn viết tiếp rằng: ‘Kinh Pháp Hoa chỉ nói đến cao nhưng không nói đến rộng nên kinh ấy chỉ nói [pháp âm] thấu đến trời Phạm Thế. Kinh này nói về rộng nhưng chẳng nói đến cao nên bảo là “che khắp tam thiên đại thiên thế giới”. Cần biết rằng hai kinh nói giống nhau, chỉ vì kinh văn giản lược nên chỉ riêng nêu một phương diện, nhưng đều cùng biểu thị chẳng hư vọng; hiện tướng này để người nghe mau sanh lòng tin mà thôi. Lại xét về nghĩa, thì kinh Pháp Hoa nói đến việc vượt ra ngoài tam giới theo chiều dọc nên chỉ nói đến cao. Kinh này nói cách vượt ngang khỏi tam giới nên chỉ bàn về rộng. Nhưng ngang chính là dọc, dọc chính là ngang, văn tuy giản lược nhưng ý nghĩa tương đồng’. Giáo nghĩa này của

sách Viên Trung Sao thật là tinh diệu khiến người sanh lòng tin sâu xa.

Từ Ân pháp sư lại bảo: *‘Để chứng thực việc nhỏ thì Phật hiện tướng lưỡi hiện che cả mặt đến tận mí tóc. Nay kinh đây nói che khắp đại thiên là để chứng thực đại sự’*. Ngài còn bảo: *‘Bồ Tát đấng tướng lưỡi che mặt nên chẳng nói hai lời, toàn nói lời chơn thật. Lưỡi mới chỉ che mặt thì đã chẳng hư vọng, huống là che được cả đại thiên!’* Vì vậy, bọn chúng ta phải nên sanh lòng tin chơn thật đối với lời khen ngợi của chư Phật.

*‘Nói lời thành thật’*: nói lời chí thành, chơn thật, chẳng dối. Sách Di Đà Sớ Sao nói: *‘Thành thật ắt là đáng tin vì thành là chơn thật, khẩn thiết, không trá ngụy. Thật là chắc chắn đúng, chẳng dối. Đó là sự tử hống, vô úy thuyết, dấu ngàn thánh nhân xuất hiện cũng chẳng thay đổi được, muôn đời giữ lấy làm khuôn phép vậy’*. Sách còn viết: *‘Thuần chơn, dứt vọng, vạn kiếp vẫn như thế. Nói lời thành thật còn gì hơn thế’*. Như vậy, lời chư Phật khen *‘Vô Lượng Thọ Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn’* chính là lời cực chơn, cực thật, ngàn đức Phật xuất thế cũng chẳng thể biến cải, muôn đời tuân thủ chẳng thể trái nghịch; thuần là chơn thật chẳng hề hư vọng. Do vậy, bọn chúng ta đều phải nên tin chắc, chớ ôm lòng nghi.

Về chữ ‘*công đức chẳng thể nghĩ bàn*’ xin xem lại lời giải thích trong phẩm mười một.

Kể đó, kinh nói mười phương hằng sa chư Phật cũng đều khen ngợi đức Di Đà như thế. Sách Hội Sớ nói: ‘*Tuy chư Phật chứng đắc bình đẳng như một, nhưng cái lợi ích Niệm Phật được vãng sanh là diệu pháp bất cộng của Phật Di Đà nên chư Phật nhường đức, dạy quy về một đức Phật. Đây là kết quả của lời nguyện mười bảy vậy*’. Ý nói: Phật, Phật đạo đồng, chẳng có cao, thấp. Nhưng pháp môn niệm Phật vãng sanh chính là diệu pháp bất cộng của Phật Di Đà nên cái lợi ích đó cũng là bất cộng. Vì vậy, chư Phật kính nhường đức ngài, nhằm hiển thị công đức vô biên của hết thầy chư Phật đều quy về một đức Phật Di Đà ngõ hầu mười phương chúng sanh đều nhập Di Đà nguyện hải, vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đây chính là nguyện thứ mười bảy ‘*chư Phật khen ngợi*’ được thành tựu. Mười phương khen ngợi thì danh hiệu mới có thể vang khắp mười phương, phổ nhiếp vô biên chúng sanh cùng quy hướng Cực Lạc.

### **Chánh kinh:**

**Vì sao thế? Muốn khiến cho tất cả chúng sanh trong các phương khác nghe danh hiệu Phật ấy phát tâm thanh tịnh, ức niệm, thọ trì, quy y, cúng dường, cho đến phát sanh được một niệm tịnh tín, [đem] tất cả thiện căn chí tâm hồi**

**hướng nguyện sanh cõi kia, tùy nguyện đều sanh, đắc bất thoái chuyển cho đến thành Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.**

Giải:

Đoạn này giảng rõ nguyên nhân chủ yếu vì sao chư Phật khen ngợi: vì muốn cho chúng sanh nghe danh hiệu sanh lòng tin, phát nguyện cầu sanh, ắt chứng Vô Thượng Bồ Đề.

Sách Hội Sớ nói: *‘Đây chính là nguyện mười tám được thành tựu. Chỗ quy thú của cả bộ kinh chỉ là ở điểm này. Vì sao vậy? Tuy cả bốn mươi tám nguyện đều thù thắng, nhưng Niệm Phật Vô Lượng Sanh là cốt yếu nhất. Tuy thành tựu của mỗi nguyện đều là khó nghĩ tưởng nổi, nhưng nguyện này thành tựu mới là bất cộng; vì vậy chư Phật ngợi khen’.*

Sách Giáo Hạnh Tín Chứng giảng câu ‘nghe danh hiệu Phật ấy’ như sau: *‘Chữ “Nghe” có nghĩa là chúng sanh nghe gốc ngọn sanh khởi của lời Phật nguyện mà chẳng có tâm nghi thì đó mới là ‘nghe’. Nghe danh hiệu được phước nên có thể phát sanh lòng tin thanh tịnh. ‘Tâm thanh tịnh’ chính là lòng tin chẳng nghi, còn có nghĩa là lòng tin trong sạch chẳng cấu nhiễm. Sách Thắng Man Bảo Quật, quyển thượng nói: ‘Thanh tịnh tâm là*

*lòng tin trong sạch, khởi tâm tin trong sạch, lại còn có nghĩa là tâm chẳng có phiền não lẫn vào thì gọi là tâm thanh tịnh’.*

‘*Ức niệm thọ trì*’: Thọ là tin nhận, Trì là giữ vững. Ức là nhớ đến công đức của Phật. Niệm là niệm danh hiệu Phật. ‘*Quy y*’ là thân tâm quy hướng, nương theo chẳng bỏ. ‘*Cúng dường*’ là như sách Huyền Tán bảo: ‘*Dâng tài, hạnh là cúng; giữ gìn, giúp đỡ là dường*’. Chữ ‘*tài, hạnh*’ chỉ hai thứ cúng dường:

a. Một là tài cúng dường tức là cúng những vật như: hương, hoa, thuốc men, tài vật, đầu, mắt, tủy, não, núi, sông, đại địa...

b. Hai là pháp cúng dường: tu hành đúng như lời dạy để cúng dường.

Sách Di Đà Sớ Sao viết: ‘*Thanh Lương đại sư nói: ‘Đại Hạnh hòa thượng đời Cao Tề tôn sùng niệm Phật, dùng bốn chữ để dạy dỗ: hai chữ **ức niệm** chẳng rời nơi tâm; hai chữ **xưng kính** chẳng rời nơi miệng*’. Đây chính là ý chỉ của câu ‘*ức niệm thọ trì, quy y cúng dường*’ trong kinh này.

Sách Sớ Sao còn nói: ‘*Để vãng sanh Tịnh Độ phải có lòng tin. Ngàn người tin ngàn người sanh, vạn người tin vạn người sanh. Tin vào danh hiệu Phật thì chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ trì. Tâm luôn nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân*



*luôn kính Phật thì mới gọi là thâm tín. Dù phát tâm sớm hay muộn cũng chẳng hề trụ vào pháp nào của cõi Diêm Phù Đề nữa. Cách thức đây, phát khởi này là thiết yếu nhất’.*

Đoạn kinh này lại đặc biệt nói ‘*nhất niệm tịnh tín*’ và ‘*chí tâm nguyện sanh*’; đây đều là công đức tùy nguyện vãng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Sách Hội Sớ giảng chữ ‘*nhất niệm*’ như sau: ‘*Nghĩa là chánh nhân vãng sanh chỉ cốt ở tin trong mỗi niệm, chẳng nệ là niệm nhiều hay ít*’. Sách Giáo Hạnh Tín Chứng cũng nói: ‘*Một niệm có nghĩa là tin tâm không nhị tâm nên bảo là ‘nhất niệm’*’. Đây gọi là Nhất Tâm. Nhất tâm là cái nhân chơn chánh của thanh tịnh báo độ, đạt được kim cang chơn tâm, vượt ngang khỏi năm đường tám nạn, ắt đạt được mười thứ lợi ích ngay trong đời hiện tại: một là được quý thân, thánh chủng tử hộ, cho đến điều lợi ích thứ mười là nhập chánh định tự’.

Sách Di Đà Sớ Sao lại viết: ‘*Tín chính là tịnh tâm. Thành Duy Thức Luận nói: “Tín là thật đức có thể nhẫn được dục lạc một cách sâu xa. Tâm tịnh là tánh. Sao lại bảo là tịnh tâm? Là vì tâm thù thắng như thủy thanh châu lóng trong nước đục. Các nhiễm pháp lại đều có tự tướng. Chỉ do chẳng tin nên tự tướng bị vẩn đục, lại khiến cho tâm, tâm sở cũng bị vẩn đục như vật cực dơ đã tự khiến mình*

*dơ lại còn làm dở vật khác. Tín có thể chuyển biến điều ấy nên tịnh là tướng”. Nay tu Tịnh Độ thì tâm tịnh là điều cốt yếu nên tín là nhiệm vụ cấp bách thật đã quá rõ vậy’.*

Do đó, kinh A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà Ra Ni nói: *‘Thế giới An Lạc: tất cả Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, thần thông biến hóa, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Nếu tin được những việc như vậy thì nên biết là người ấy là chẳng thể nghĩ bàn, đạt được nghiệp báo cũng chẳng thể nghĩ bàn’.* Sách Yếu Giải cũng nói: *‘Chỉ có bậc đại trí mới có thể tin chắc thật’.*

Sách An Lạc Tập dựa theo sách Luận Chú lập ra ba tâm: một là Thuận Tâm tức là tín tâm sâu dày; hai là Nhất Tâm tức là tín tâm thuần nhất; ba là Tương Tục Tâm tức là tín tâm liên tục chẳng tạp các niệm khác, lại còn bảo: *‘Nếu có thể liên tục thì chính là nhất tâm. Nếu có thể nhất tâm thì chính là thuần tâm. Đủ cả ba tâm này mà lại chẳng sanh thì quyết chẳng có lẽ ấy’.*

Xét chung các kinh, luận: Sớ Sao bảo *‘tín chính là tịnh tâm’*, Cổ Âm kinh bảo tin được những việc như thế là chẳng thể nghĩ bàn; Yếu Giải bảo tín chính là đại trí; An Lạc Tập bảo *‘đủ cả ba tâm ấy mà lại chẳng sanh thì quyết chẳng có lẽ ấy’.* Các thuyết trên cùng chỉ rõ tín tâm thanh tịnh là quý nhất. Kinh này lại thêm hai chữ *‘nhất niệm’* thành

ra ‘*nhất niệm tịnh tín*’ đủ thấy tín tâm này chính là ‘*nơi đầu sào trăm thước tiến thêm bước nữa*’, há thể suy lường nổi ư! Câu: ‘*Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, ngôn ngữ bất dứt, chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai*’ trong sách Tín Tâm Minh của Tứ Tổ Thiên Tông thật có cùng một ý chỉ với kinh này.

Sách Hội Sớ bảo tâm tịnh tín là ‘*chánh nhân để vãng sanh*’; sách Giáo Hạnh Tín Chứng xưng tụng tín tâm là ‘*cái nhân chơn thật của thanh tịnh báo độ*’. Cả hai sách cùng bảo ‘*nhất niệm chính là nhất tâm*’ (Chỉ Quán, quyển 5 bảo: ‘*Nhất tâm có đủ cả mười pháp giới*’. Do đó, nhất tâm chính là thật thể của vạn hữu mà cũng chính là Chơn Như). Nhất tâm còn được gọi là kim cang tâm, có khả năng mở toang con mắt trí huệ trong tâm mỗi người.

Trong câu ‘*chí tâm hồi hướng nguyện sanh cõi kia*’, chí tâm chính là tâm chí thành được nói trong Quán kinh. Sách Tứ Thiếp Sớ (Quán kinh Sớ của tổ Thiện Đạo) nói: ‘*Chí là chơn, thành là thật. Ý nói: Hết thấy chúng sanh khi tu các hạnh giải nơi thân, khẩu, ý nghiệp thì đều phải thực hiện bằng tâm chơn thật; chẳng được bề ngoài làm ra vẻ hiền, thiện, tinh tấn, bên trong ôm lòng hư giả, tham, sân, tà ngụy, gian trá trăm chiều, ác tánh khó lay, sự như rắn rết. Tuy khởi tam nghiệp nhưng chỉ*

*đáng gọi là sự lành tạp độc, cũng gọi là hạnh hư giả, chẳng thể gọi là nghiệp chơn thật’.*

‘*Hồi hướng*’ là đem hết thầy thiện căn chính mình đã tu hướng đến chúng sanh cũng như hướng đến Phật đạo.

Tiếp đó, kinh nói: ‘*Nguyện sanh cõi kia*’ là hồi hướng tín hạnh của chính mình để cầu vãng sanh. Đây cũng chính là tâm hồi hướng phát nguyện trong ba tâm được nói trong Quán kinh. Kinh dạy: ‘*Một là tâm chí thành, hai là thâm tâm, ba là tâm hồi hướng phát nguyện. Đủ cả ba tâm thì ắt sanh cõi kia*’.

Sách Hội Sớ nói: ‘*Hồi hướng có tự lực hồi hướng và tha lực hồi hướng. Nếu đem nhân hạnh của chính mình để hồi hướng đến cái quả trong mai sau thì là tự lực. Chuyên cậy vào Phật nguyện, chẳng cậy đến sức lực của chính mình thì là tha lực; chẳng phải là phàm tình hồi hướng nên cũng gọi là bất hồi hướng*’ (Chẳng cậy vào tự lực, hoàn toàn dựa vào tha lực thì phàm tình chẳng hiểu biết được nỗi sự hồi hướng như thế nên gọi là ‘bất hồi hướng’). Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: ‘*Bồ Tát hồi hướng như vậy thì chẳng đọa vào tướng điên đảo, kiến điên đảo, tâm điên đảo, vì có sao? Vì Bồ Tát ấy chẳng tham đắm mà hồi hướng. Đó gọi là vô thượng hồi hướng*’ (Phàm tình gọi đó là bất hồi

hướng, nhưng thật ra chính là vô thượng hồi hướng).

Tịnh Độ là tha lực pháp môn, sáu chữ hồng danh Di Đà và Nhất Thừa nguyện hải đều là Tha Lực. Nương vào Phật nguyện hồi hướng vãng sanh chính là vô thượng hồi hướng. Vì vậy, sanh được một niệm tịnh tín, đem tất cả thiện căn chí thành hồi hướng thì *‘tùy nguyện đều sanh’* như sách Hội Sớ đã khai thị: *‘Chỉ cốt tin được trong một niệm, chẳng nệ niệm nhiều hay ít’*. Sách Yếu Giải cũng bảo: *‘Nếu tín nguyện kiên cố thì dầu lâm chung mười niệm hay một niệm cũng quyết định được vãng sanh. Nếu không tín nguyện thì dù có trì danh đến mức gió chẳng thổi lọt, mưa chẳng ướt nổi, khác nào tường đồng vách sắt thì cũng chẳng vãng sanh nổi’*.

Các bậc đại đức của Trung Hoa lẫn Nhật Bản đều xem tín nguyện là chánh nhân vãng sanh, đều xem tín nguyện là con mắt của cả trời lẫn người. Sách Di Đà Sớ Sao cũng nói: *‘Chỉ có nguyện thì không một người nào chẳng sanh. Đã biết là nguyện lực rộng lớn như thế thì há đâu chẳng tin, lẽ nào chẳng nguyện!’*. Người tu Tịnh nghiệp thật phải nên khắc cốt ghi tâm, chẳng chút tạm quên câu *‘phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm’* của kinh

này cũng như câu ‘*tín nguyện trì danh*’ trong kinh Tiểu Bản vậy.

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận cũng bảo ‘*nhất niệm*’ có cùng ý nghĩa với ‘*chí tâm hồi hướng*’. Luận bảo:

*‘Một niệm chí tâm hồi hướng liền được vãng sanh. Hành giả như có thể một niệm chơn thành tin nhận thì cần gì phải bận tâm đến những thứ phụ trợ khác. Hết thấy chúng sanh nổi trôi trong sanh tử chỉ nghĩ đến một niệm này, không nghĩ gì khác; dẫu cho đến lúc ngộ được Chơn Tánh, trở về nguồn gốc, thành Đẳng Chánh Giác vẫn chỉ có một niệm này không có niệm nào khác.*

Đại Trí Độ Luận nói: “*Hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thì trong một niệm có thể nghiền thành vi trần hết thấy đại địa, núi non trong các tam thiên đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng trong cả mười phương*”. Sức của nhất niệm chẳng thể nghĩ bàn. Niệm Phật như vậy thì tâm này chính là Phật, Phật chính là tâm, chẳng trong, chẳng ngoài, không trói buộc, không giải thoát, khắp cả núi, sông, đại địa, mười phương hư không chẳng một nơi nào dẫu nhỏ bằng hạt cải lại chẳng phải là chỗ đức Vô Lượng Thọ Phật hiện thân thuyết pháp, cho đến ly chính là phi ly, nhập ngay vào đại quang minh tạng của Như Lai’.

## 24. Ba bậc vãng sanh

### Chánh kinh:

**Phật bảo A Nan: Nói chung, chư thiên nhân dân trong mười phương thế giới chí tâm nguyện sanh về cõi kia gồm có ba bậc.**

### Giải:

Phẩm trước là mười phương chư Phật khen ngợi, đó chính là kết quả của nguyện ‘*chư Phật khen ngợi*’. Ấy là vì chư Phật muốn cho chúng sanh nghe danh hiệu phát tâm, ức niệm, thọ trì, thỏa nguyện được vãng sanh. Phẩm này bàn về các loại nhân hạnh để vãng sanh.

Phàm phu sau khi nghe danh hiệu Phật liền phát tâm. Do tín nguyện có sâu cạn nên phát tâm có lớn hay nhỏ, trì tụng nhiều hay ít, tu tập có siêng, lười nhiều nổi sai khác. Túc căn của chúng sanh có vô lượng sai biệt; phước đức, nhân duyên lại càng sai khác hơn nữa. Người người khác nhau, kẻ kẻ bất đồng. Do đó, đã có vô lượng chúng sanh trong mười phương vãng sanh thì phẩm loại của họ cũng phải vô lượng.

Đối với vô lượng phẩm loại sai khác như thế, đức Thế Tôn chỉ tạm phân chia một cách tổng quát nên trong phẩm này chỉ nói đến ba bậc: thượng,

trung, hạ. Đây là cách phân chia giản lược nhất. Mỗi bậc lại tách ra làm ba loại nhỏ nên thành ra chín loại; Quán kinh gọi là ‘chín phẩm’. Mỗi phẩm trong chín phẩm đó lại có chín phẩm, thành ra tám mươi một phẩm. Cứ lần lượt khai triển như thế đến vô lượng.

Trong vô lượng thứ bậc ấy, nói một cách tổng quát thì gồm có ba bậc. Đầu phẩm loại của những người vãng sanh thật khác xa nhau, nhưng khi luận đến cái nhân chủ yếu để vãng sanh thì chẳng gì khác hơn là *‘phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm A Di Đà Phật’*. Đây chính là cương tông của toàn bộ kinh này, là chìa khóa để vãng sanh Cực Lạc.

Ba bậc vãng sanh chính là để phân loại bọn phàm phu chúng ta sau khi đã vãng sanh về Tịnh Độ. Nguyên hạnh, công đức của từng bậc chính là khuôn phép để chúng ta noi theo hòng cầu được vãng sanh. Nếu lòng chơn thành cầu được vãng sanh thì phải nên tuân theo những khuôn phép đó, khác nào tấm gương sáng để ta luôn soi mình.

Nên nhớ rằng Tịnh tông được xưng tụng là Di Hành Đạo (đạo dễ hành) là vì so trong tám vạn bốn ngàn pháp môn mà nói thì chỉ có pháp môn này dễ dàng nhất nên mới gọi là ‘dị hành đạo’; chứ nếu xét theo những điều được dạy trong kinh này, ta thấy vãng sanh cũng chẳng phải là việc dễ. Nếu chẳng thật vì sanh tử phát tâm Bồ Đề, dùng tín nguyện



sâu một dạ chuyên niệm mà mong vãng sanh thì không thể nào được.

Kính mong những hành nhân trong hiện tại chớ đừng thoáng nghe Tịnh tông là dễ tu liền sanh khinh mạn, tín tâm hời hợt, chí nguyện lơ là, miệng bàn Tịnh nghiệp, tâm tiếc trần duyên; như vậy mà cầu sanh thì biết đến bao giờ mới được!

Khi phán định chín phẩm trong Quán kinh có tương đương với ba bậc trong kinh này hay không, cổ đức đã lập ra lắm thuyết bất nhất:

a. Trường phái coi những phẩm loại được nói trong hai kinh là giống nhau thì gồm những vị như Đàm Loan đại sư, Cảnh Hưng, Gia Tường, Liên Trì, Thiên Thai... Trong tác phẩm *Lược Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa*, ngài Đàm Loan nói: *‘Kinh Vô Lượng Thọ nói người sanh về An Lạc chỉ có ba bậc: thượng, trung, hạ; kinh Quán Vô Lượng Thọ nói mỗi phẩm lại chia ra làm thượng, trung, hạ. Ba lần ba thành chín, hợp thành chín phẩm’*. Tịnh Ảnh Sớ lại viết: *‘Phàm các nhân dân trong mười phương thế giới nguyện sanh cõi ấy thì có ba bậc. Gộp chung lại để nói thì như trong Quán kinh; nếu chia sơ lược thì có ba bậc, chia tỉ mỉ thì thành ra chín’*. Ngài Gia Tường cũng viết trong Quán Kinh Sớ như sau: *‘Kinh Vô Lượng Thọ chỉ nói ba bậc, còn trong kinh đây (chỉ kinh Quán Vô Lượng Thọ)*

*chia ba bậc thành chín bậc. Ba bậc là thượng, trung, hạ. Chín bậc là thượng phẩm có ba; trung, hạ cũng có ba nên thành chín bậc'. Ngài Cảnh Hưng cũng bảo: 'Do chín phẩm trong kinh kia (Quán kinh) gộp lại thành ba bậc trong kinh này nên giáo nghĩa dạy trong hai kinh chẳng khác nhau'. Ngài Liên Trì lại bảo: 'Ba bậc, chín phẩm phù hợp khít khao với nhau, nào còn ngờ chi!' Trong Quán Kinh Sớ, ngài Thiên Thai cũng bảo: 'Chín phẩm trong kinh này (Quán kinh) chỉ là để cho biết địa vị cao hay thấp, chúng chính là ba bậc trong Đại kinh'.*

b. Phái chủ trương các bậc, phẩm nói trong hai kinh là khác nhau thì có các vị như Linh Chi, Cô Sơn... Ngài Linh Chi bảo ba bậc trong Đại kinh chỉ tương ứng với thượng phẩm của Quán kinh chứ không dính dáng gì đến sáu phẩm kia vì trong trung phẩm và hạ phẩm không nói đến việc phát Bồ Đề tâm. Quan điểm của ngài Cô Sơn thoáng hơn; ngài cho rằng ba bậc trong kinh này chỉ tương ứng với thượng phẩm và trung phẩm, chứ chẳng thuộc ba phẩm hạ vị: người vãng sanh thuộc ba bậc trong kinh này đều là thiện nhân; còn người thuộc ba phẩm hạ trong Quán kinh đều là ác nhân, lúc lâm chung sám hối niệm Phật nên được vãng sanh. Vì vậy, các vị trên đều cho rằng chẳng thể phối hợp các phẩm loại của hai kinh này với nhau.

Trong tác phẩm Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã dung hội các thuyết trên như sau:

*‘Sách Thảo Am Phụ Chánh Giải bảo: “Ngài Thiên Thai coi chín phẩm giống với ba bậc là vì xét theo thứ bậc mà nói chứ chẳng xét trên nhân hạnh mà bàn. Ý các vị như Cô Sơn, Linh Chi chẳng trái nghịch ý ngài Thiên Thai, vì sao vậy? Do ngài Thiên Thai phán định trên phương diện thứ bậc nên ba bậc và chín phẩm tương đồng. Hai vị đại sư lại chỉ xét trên nhân hạnh nên ba bậc chỉ tương ứng với trung, thượng phẩm. Mỗi bên có cơ sở lập luận riêng nên giáo nghĩa chẳng đồng. Do vậy, ý kiến các ngài chẳng trái nghịch nhau”.*

*Dựa trên Thật Đế mà luận thì phiền não khác gì Bồ Đề, sự ác lúc ban đầu nào trở ngại sự lành lúc chung cục. Ác nhân đã thành thiện thì lẽ đâu chẳng xếp vào hàng hiền thánh. Ba bậc chín phẩm thật phù hợp khít khao với nhau, há còn ngờ chi’.*

Quan điểm dung thông của ngài thật khế hợp pháp yếu bởi vì chủ trương phối hợp hai kinh với nhau của những vị như Thiên Thai v.v... là chú trọng vào địa vị sau khi vãng sanh, chẳng luận đến sự hành trì khi còn tu nhân; các vị như ngài Linh Chi v.v... coi hai kinh khác nhau vì chú trọng về mặt hành trì khi tu nhân nên mới xét đến việc chưa từng phát Bồ Đề tâm lẫn hành vi thiện ác lúc bình

thời. Do vậy, [hai vị cho rằng] ba phẩm hạ trong Quán kinh chẳng tương ứng với bậc hạ nói trong kinh này.

Trong đoạn văn trên của ngài Liên Trì, câu cuối: *‘Sự ác lúc ban đầu nào trở ngại sự lành lúc chung cục’* khế hợp thánh tâm rất sâu xa. Kẻ ác lúc lâm chung nếu có thể sám hối phát tâm, chí tâm niệm Phật thì kẻ ác đã thành người lành nên cũng được Phật nhiếp thọ, tùy nguyện vãng sanh. Do vậy, Liên Trì đại sư mới bảo: *‘Lẽ đâu chẳng xếp vào hàng hiền thánh’* đồng lên Cực Lạc. Do những điều trên ta thấy: ba bậc trong kinh này và chín phẩm trong kinh kia thật tương ứng với nhau chẳng còn ngờ gì nữa.

Sách Báo Ân Luận cũng nói: *‘Bậc thượng trong kinh này tương ứng với người xuất gia, hai bậc trung, hạ tương ứng với người tại gia. Do có quá nhiều phẩm loại nên chỉ đại lược nêu lên một cách tổng quát: “Nói chung có ba bậc”. Với ba bậc ấy, Quán kinh cũng tạm tách sơ lược thành chín phẩm. Kinh lại nêu hạng cực ưu và cực giáng để bao quát vô lượng nhân hạnh sai khác’*.

Lời bàn này cực hay. Trong Quán kinh, có người chỉ trong khoảng búng ngón tay liền được vãng sanh, gặp Phật nghe pháp, liền ngộ Vô Sanh Pháp Nhẫn, trong khoảnh khắc đến phụng sự khắp các chư Phật, lần lượt được thọ ký, trở về nước



hạ.

Quán kinh nêu lên hạng tối ưu cũng như bậc tối hạ nên luận mới nói: *‘Nêu lên hạng cực ưu và cực giáng’*. Thoạt nhìn, dường như hai kinh khác nhau, nhưng thật ra ý chỉ của chúng lại tương đồng.

### **Chánh kinh:**

**Bậc thượng là hạng bỏ nhà, lia dục, làm sa môn, phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm A Di Đà Phật, tu các công đức nguyện sanh cõi kia. Những chúng sanh ấy lúc tuổi thọ sắp hết, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Trong khoảnh khắc liền theo đức Phật sanh về cõi kia, lại tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.**

**A Nan! Do vậy, nếu có chúng sanh nào muốn trong đời này được thấy A Di Đà Phật thì phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, lại nên chuyên nghĩ đến cõi nước Cực Lạc, thiện căn đã tích tập nên đem hồi hướng. Do đó, được thấy Phật, sanh trong cõi kia, đắc bất thoái chuyển cho đến thành Vô Thượng Bồ Đề.**

### **Giải:**

Phàm phu có được dự phần vào bậc thượng vãng sanh hay không là một vấn nạn lớn trong Tịnh tông.

Cổ đức có vị bảo đây là hạnh Bồ Tát (như có thuyết bảo thượng thượng phẩm phải là Bồ Tát từ Tứ Địa đến Thất Địa, thượng trung phẩm phải là từ Sơ Địa đến Tứ Địa Bồ Tát; các phẩm khác cứ theo đó mà suy. Phạm phu chỉ có thể đạt từ trung phẩm trung sanh trở xuống mà thôi!). Nếu thật như vậy thì đại nguyện vô thượng của Phật Di Đà, cõi sen Tây Phương độc diệu, pháp môn trì danh dễ hành, diệu pháp vãng sanh thù thắng đều thành hý luận, khiến cho diệu pháp Tịnh tông chẳng thể nghĩ bàn lại thành ra pháp có thể nghĩ bàn nổi ư! Vì vậy, đây chính là một điều cốt lõi của Tịnh Tông; trong phần khái yếu của bản chú giải này tôi đã tạm bàn đôi điều nhưng chưa giải bày hết nổi ý chỉ này, nên ở đây tôi lại thử trình bày rõ hơn.

Với cái sai lầm của cổ thuyết, chúng ta may mắn có được đại sư Thiện Đạo đời Đường. Ngài đã dẫn đủ các kinh luận để cực lực đả phá cựu thuyết. Trong Tứ Thiếp Sớ, đại sư đã luận như sau:

*‘Lại xem phần Định Thiện trong Quán kinh và ý nghĩa kinh văn ba bậc thượng, trung, hạ thì toàn là sau khi đức Phật nhập diệt, phạm phu ngũ trước chỉ do gặp duyên sai khác nên đến nỗi có chín phẩm sai biệt.*

*Vì sao? Người trong ba phẩm trên là phạm phu gặp duyên Đại Thừa. Người trong ba phẩm*

giữa là phàm phu gặp duyên Tiểu Thừa. Người trong ba phẩm hạ là phàm phu ngu ám, ác nghiệp, lúc lâm chung nhờ bạn lành, nương nguyện lực của Phật bèn được vãng sanh; đến khi hoa kia nở thì mới phát tâm, chứ phải đâu là người mới học Đại Thừa (cổ đức bảo bậc hạ là người mới học Đại Thừa). Nếu hiểu như thế thì mình làm, làm người khác làm, tai hại quá sức!'

Trong bản sơ giải, ngài còn dẫn mười đoạn Quán kinh để chứng minh luận thuyết ấy, ở đây tôi không trích dẫn đủ. Chín phẩm đài sen cõi Cực Lạc đều là nơi để phàm phu đời trước vãng sanh, chỉ do người đời gặp duyên có Đại Thừa, Tiểu Thừa sai khác nên sau khi vãng sanh bèn có bậc thượng, bậc trung, bậc hạ bất đồng.

Tịnh tông là giáo pháp tối cực viên đốn. Nếu phàm phu thuộc căn khí Đại Thừa tin nhận được rồi thì sẽ giải ngộ trọn vẹn, tu chứng trọn vẹn thì sẽ vượt xa thường nhân cả kiếp (người căn cơ viên đốn tu một ngày bằng thường nhân tu một kiếp). Do đó, họ có thể ngay trong một đời công hạnh viên mãn chứng ngay thượng phẩm.

Nay với bản kinh này, tôi dùng các luận khác để chứng minh ba bậc vãng sanh thật sự là vì phàm phu mà chỉ kiêm vì thánh nhân:



\* Phẩm Quyết Thành Chánh Giác trong kinh này có những câu kệ như sau:

*‘Khiến các quần sanh ấy, đêm dài không ưu não, xuất sanh các thiện căn, thành tựu Bồ Đề quả. Nếu tôi thành Chánh Giác, lập hiệu Vô Lượng Thọ. Chúng sanh nghe hiệu ấy, đều sanh trong nước tôi, thân sắc vàng như Phật, diệu tướng đều viên mãn’.*

Bốn câu đầu nói lên nguyên do phát khởi đại nguyện: muốn cho hết thảy chúng sanh trong đêm dài tăm tối được lìa các ưu bi khổ não, xuất sanh căn lành thành tựu Bồ Đề. Ta thấy rõ ngài thật sự muốn cứu tế khắp hết thảy những phàm phu đầy rẫy phiền não còn trong đêm dài tăm tối, khiến cho họ phát sanh thiện căn.

Bốn câu kệ kế tiếp nói đến pháp ngài dùng để phổ độ: *‘Chúng sanh nghe danh sanh trong nước ta’*. Các chúng sanh ấy cũng chính là quần sanh còn trong đêm dài ưu não. Bởi vậy, Thiện Đạo đại sư mới bảo: *‘Ba bậc chín phẩm toàn là vì bọn phàm phu ngũ trước sau khi Phật nhập diệt’*.

Hai câu kệ cuối cùng: *‘Thân sắc vàng như Phật, diệu tướng đều viên mãn’* cho thấy phàm phu ưu não một khi đã sanh cõi kia thì đều được chơn thân kim sắc, diệu tướng viên mãn đầy đủ giống như Phật.

Tiếp đó, kinh còn nói: *‘Cũng dùng tâm đại bi, lợi ích các quần phẩm. Ly dục, chánh niệm sâu, tịnh huệ tu phạm hạnh’*, ý nói: những người vãng sanh khi hoa nở thấy Phật, thân tâm thanh tịnh ngay, trí huệ bén nhạy, đại bi vô lượng, tự giác, giác tha thành tựu Bồ Đề. Đấy đều là do sức oai thần, sức bốn nguyện, nguyện trọn đủ, nguyện rõ ràng, kiên cố, rốt ráo của A Di Đà Phật, nên mới có thể khiến cho phàm phu trong đêm dài ưu não đắc trí huệ thanh tịnh, thân tâm như Phật.

Rõ ràng là phàm phu mang tâm Đại Thừa trong cõi này được Phật gia bị bèn vãng sanh trong thượng phẩm, đắc Vô Sanh Nhẫn thì có chi là lạ? Ngay câu đầu trong bài kệ tụng phát nguyện, tỳ kheo Pháp Tạng đã bảo: *‘Tôi lập siêu thế chí’*; những điều vừa nói trên chính là chỗ siêu thế, lẽ nào lại đem thói thường của mười phương để luận bàn phẩm vị cõi Cực Lạc ư?

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao còn bảo: *‘Ngài Cảnh Hưng bảo rõ ba bậc chín phẩm là phàm phu vãng sanh nên ngài giảng rằng: “Một là phàm tiểu vãng sanh, hai là đại thánh vãng sanh”. Chữ “phàm tiểu” chỉ ba bậc [vãng sanh]’*.

Sách Du Tâm An Lạc Đạo cũng viết: *‘Lại nữa, bốn mươi tám nguyện trước hết là vì hết thấy pháp phàm phu, rồi mới kiêm vì tam thừa thánh*

*nhân. Do vậy, phải biết ý chỉ của tông Tịnh Độ là “vốn vì phàm phu, kiêm vì thánh nhân”.*

Hơn nữa, ngay trong câu đầu của phẩm này đã bảo: *‘Nói chung, chư thiên, nhân dân trong mười phương thế giới chí tâm nguyện sanh cõi kia thì gồm có ba bậc’*. Kinh nói cả ba bậc chỉ là chư thiên, nhân dân trong mười phương, chẳng hề nói họ là Bồ Tát hay Thanh Văn. Như vậy, ba bậc được nêu trong kinh này trước hết là nhắm đến phàm phu, nhưng trong kinh cũng nói kèm đến thánh nhân như phẩm Bồ Tát Văn Sanh nói các hàng Bồ Tát trong mười phương thế giới *‘sẽ được vãng sanh; nếu chỉ nêu danh hiệu của họ thì hết cả kiếp cũng chẳng hết nổi’*.

*‘Bỏ nhà, lìa dục, làm sa môn’*: ‘Bỏ nhà’ là xuất gia, ‘lìa dục’ là trở thành Tăng. Tỳ Bà Sa Luận nói: *‘Nhà là nhân duyên phiền não. Xuất gia là để diệt cấu lụy nên phải xa lìa [nhà cửa]’*. Huyền Uẩn pháp sư cũng bảo: *‘Xuất gia tạo ác rất khó như thuyền lướt trên đất; tại gia gây lỗi thật dễ như thuyền buồm trôi trên biển. Lại nữa, xuất gia tu đạo dễ dàng như thuyền buồm bơi trên biển; tại gia tu phước thật khó như thuyền đi trên cạn. Nhưng có kẻ tâm xuất gia mà thân chẳng xuất gia, có kẻ thân xuất gia tâm chẳng xuất gia. Nay cả*

*thân lẫn tâm đều phải xuất gia nên mới bảo “bỏ nhà, lìa dục”.*

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận cũng bảo: *‘Hết thấy chúng sanh do khát ái nên có huyễn thân. Do huyễn thân nên có cõi nước. Bỏ nhà lìa dục thì khát ái thanh tịnh nên cõi nước cũng thanh tịnh.*

*Kinh Đại Bát Nhã nói: “[Nếu] Bồ Tát Ma Ha Tát lòng ham muốn mình sẽ đến được các cõi nước Phật thì phải nên viễn ly hạnh tại gia”’. Như vậy, xuất gia là chánh nhân Tịnh Độ vì viễn ly bất tịnh’.*

Trong sách Du Tâm An Lạc Đạo, đại sư Hải Đông Nguyên Hiếu đời Đường đã viết:

*‘Kinh Vô Lượng Thọ nói đến nhân [vãng sanh] của ba bậc. Bậc thượng gồm năm câu:*

*a. Một là “bỏ nhà lìa dục trở thành sa môn”. Câu này chỉ rõ phương tiện phát khởi chánh nhân.*

*b. Hai là “phát Bồ Đề tâm”, đây chính là chánh nhân.*

*c. Ba là «chuyên niệm đức Phật kia». Đây là tu quán.*

*d. Bốn là ‘làm các công đức’, đây là khởi hạnh. Quán và hạnh để trợ giúp cho nghiệp được viên mãn (Sư Nguyên Hiếu coi Niệm Phật là trợ*

ngiệp; thuyết này chưa ổn, trong phần bàn về tông thú kinh, chúng ta đã bàn, ở đây không nhắc lại).

*e. Năm là ‘nguyện sanh cõi kia’. Đây chính là nguyện, bốn điều trên là hạnh. Hạnh nguyện hòa hợp mới được vãng sanh’.*

Trong phần trên, Khởi Tín Luận đã bảo xuất gia là chánh nhân của Tịnh Độ, Nguyên Hiếu đại sư lại coi xuất gia chỉ là phương tiện để phát khởi chánh nhân. Hai thuyết hơi khác nhau, nhưng xét ra thuyết của ngài Nguyên Hiếu ổn đáng hơn!

Xét theo Quán kinh, trong cả ba phẩm thượng chẳng thấy nói phải xuất gia; riêng trong phần trung phẩm thượng sanh có bảo ‘*tu hành các giới*’, trung phẩm trung sanh có nói: ‘*Nếu một ngày một đêm trì giới Sa Di, hoặc một ngày một đêm trì Cụ Túc giới*’. Trong cả chín phẩm của kinh ấy, chỉ mỗi hai phẩm trên nói rõ là xuất gia. Riêng kinh này khác hẳn, trong bậc thượng bảo là xuất gia, trong bậc trung lại bảo ‘*chẳng thể hành hạnh sa môn*’. Ấy là do chúng sanh cơ duyên vô lượng sai khác, sự tu hành lúc còn tu nhân cũng thiên sai vạn biệt, mỗi người mỗi khác, chẳng ai giống nhau.

Tôi trộm nghĩ: kinh chỉ phân chia các phẩm vì một cách sơ lược để giảng sơ về thứ bậc; đây chỉ là

tùy bịnh cho thuốc, tùy cơ thuyết pháp nên chúng ta chẳng nên câu nệ một chiều, chết cứng nơi văn tự.

Tôi trộm đoán rằng trong pháp hội Vô Lượng Thọ, ngài A Nan là đương cơ, lại có một vạn hai ngàn vị đại tỳ kheo, năm trăm vị tỳ kheo ni hiện diện. Các bậc đại đức xuất gia như vậy đều đáng dự vào hạng vãng sanh bậc thượng.

Vả lại, kinh này chính là bộ kinh đệ nhất của Tịnh tông nên những điều dạy trong kinh này đều là khuôn phép chánh tông: Bậc xuất gia tu được vãng sanh bậc thượng là chuyện thường tình nên đức Phật thuận theo nhân duyên ấy mà nói người vãng sanh trong bậc thượng là bậc xuất gia, lìa dục, tu hạnh sa môn.

Quán kinh khác hẳn kinh này: Đương cơ trong pháp hội ấy là Vy Đề Hy phu nhân, A Nan và Mục Liên chỉ đứng hầu hai bên đức Phật; Thích, Phạm chú thiên đứng trên không đỡ mưa hoa [cúng dường]. Trong hội chỉ có hai vị A Nan và Mục Liên là bậc tỳ kheo đại quyền thị hiện, không có bậc xuất gia nào khác. Trong pháp hội, bậc đương cơ nghe pháp và hàng vãng sanh bậc thượng chủ yếu là những người tại gia như Vy Đề Hy phu nhân... nên Phật ứng theo cơ duyên ấy chẳng nói đến chuyện xuất gia trong phần giảng về thượng phẩm vãng sanh.

Quán kinh cũng dạy: ‘Vy Đề Hy và năm trăm thị nữ nghe lời Phật dạy, ngay lập tức thấy được tướng rộng lớn của thế giới Cực Lạc, được thấy thân Phật và thân hai vị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỉ, khen là chưa từng có, hốt nhiên đại ngộ, đạt Vô Sanh Nhân. Năm trăm thị nữ phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nguyện sanh cõi kia. Đức Thế Tôn đều thọ ký họ sẽ được vãng sanh. Sanh trong nước ấy rồi sẽ đắc Chư Phật Hiện Tiền tam muội. Vô lượng chư thiên phát Vô Thượng Đạo Tâm’.

Ta thấy rõ, trong pháp hội Quán kinh, bậc đương cơ toàn là căn khí Đại thừa, lại đều là hạng tại gia phát tâm. Những người như thế chắc chắn là hạng vãng sanh trong bậc thượng.

Vả lại, Vy Đề Hy phụ nhân chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân ngay trong hiện đời nên ắt phải thuộc bậc thượng phẩm thượng sanh nơi cõi Cực Lạc. Vy Đề Hy là phụ nữ tại gia lại chứng đắc pháp nhân ngay trong hiện đời, thượng phẩm vãng sanh; đủ chứng tỏ người vãng sanh trong bậc thượng chẳng phải chỉ hạn cuộc trong hạng xuất gia, cũng như chứng tỏ diệu pháp Tịnh tông phá

tan mọi quy cách, chí viên, cực đốn chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, sách Báo Ân Luận có nói: ‘Ông Lưu Di Dân ba lượt thấy Phật, [được ngài] dùng áo phủ lên, [được] tay ngài xoa đầu, tự thấy mình thuộc về thượng phẩm, nhưng ông chẳng phải là bậc xuất gia. Với chư tổ của Liên Tông và các vị Duy Ma, Hiền Hộ v.v... hết thấy các bậc vãng sanh danh đức tăng lần tục, ta đều có thể dựa theo đó mà suy vậy’. Đời Tấn, ông Lưu Di Dân hợp cùng ngài Huệ Viễn niệm Phật ở Lô Sơn, được vãng sanh trước cả ngài Huệ Viễn. Ngài Huệ Viễn lúc sắp tịch, vừa xuất định thấy A Di Đà Phật thân chật cả hư không. Trong viên quang của ngài có các hóa Phật, Quán Âm, Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy dòng nước tỏa quang minh chia làm mười bốn nhánh, cùng chảy lên rót xuống, diễn thuyết các âm khổ, không, vô thường, vô ngã. Phật bảo ngài Huệ Viễn: ‘Ta do bốn nguyện lực nên đến an ủi ông; sau bảy ngày nữa, ông sẽ sanh về cõi ta’. Tổ lại thấy, những vị trong Liên Xã đã vãng sanh trước như các vị: Phật Đà Da Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân v.v... đều đứng hầu bên Phật, bước đến bảo: ‘Su phất tâm sớm nhưng sao về muộn thế?’ Lúc còn sống, ông Lưu Di Dân ba lượt thấy Phật; sau khi tịch theo Phật đến đón ngài Huệ Viễn.



Đây là một chứng cứ chứng tỏ cư sĩ cũng có thể vãng sanh trong thượng phẩm.

Trong kinh Hoa Nghiêm, hàng tại gia chiếm đa số trong năm mươi ba vị thiện tri thức của Thiện Tài đồng tử. Trong Mật tông, tổ sư phái Cát Cư (Kargyupa) là cư sĩ (ngài Mã Nhĩ Ba (Marpa)). Do tổ sư là hàng bạch y nên phái ấy thường được gọi là Bạch giáo. Cư sĩ Duy Ma chính là Kim Túc Như Lai thị hiện. Mười sáu vị Hiền Hộ Chánh Sĩ đều là tại gia Bồ Tát, là thượng thủ hàng Bồ Tát trong hội này. Do vậy, ta chớ nên chấp vào tướng tại gia hay xuất gia mà sanh phân biệt!

Kinh này bảo thượng phẩm vãng sanh là hạng xuất gia, lià dục; Quán kinh chẳng hề nói thượng phẩm vãng sanh phải là xuất gia. Vy Đề Hy phu nhân là nữ nhân tại gia lại được thượng phẩm vãng sanh; năm trăm thị nữ cũng thượng phẩm vãng sanh.

Thật ra, hai kinh chẳng hề mâu thuẫn với nhau vì Vy Đề Hy phu nhân đã mang tâm xuất gia. Ví dụ như ở Trung Hoa, phương Nam coi gạo là thực phẩm chủ yếu, phương Bắc coi lúa mì là thực phẩm chính. Gạo, mì tuy khác nhưng đều có công dụng làm thực phẩm chủ yếu nên cũng như nhau. Vì vậy, người tại gia mang tâm xuất gia cũng có thể sanh trong thượng phẩm.

Trong Quán kinh, sau bậc thượng phẩm, trung phẩm là người xuất gia; kinh Vô Lượng Thọ dạy người tại gia cũng có thể sanh trong phẩm này. Phối hợp cả hai kinh ta mới dễ nhận ra ý nghĩa chơn thật. Vì vậy, phải nên khéo hiểu thánh tâm, chớ đừng chấp chết cứng vào văn tự. Nếu hiểu câu ‘*bỏ nhà, lìa dục*’ là chú trọng tại tâm xuất gia thì ý chỉ cả hai kinh thật chẳng sai khác.

Câu ‘*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm A Di Đà Phật*’ chính là cương lĩnh của toàn bộ kinh này. Câu này đã được bàn tỉ mỉ trong phần nói về tông thú. Sách Di Đà Yếu Giải coi ‘*tín, nguyện, trì danh*’ là tông của kinh Tiểu Bản; bản chú giải này lại dùng ‘*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*’ làm tông, nhưng vẫn cùng một ý chỉ. Tín - nguyện chính là một trong ba tâm nói trong Quán kinh: một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Theo Tứ Thiếp Sớ:

a. Chí thành tâm là chơn thật tâm,

b. Thâm tâm là thâm tín tâm. Thâm tín tâm có hai điều:

- Một là tin quyết định một cách sâu xa rằng thân mình hiện tại là phạm phu tội ác, từ bao kiếp đến nay thường chìm đắm, lưu chuyển chẳng có duyên gì để xuất ly.

- Hai là tin quyết định một cách sâu xa rằng bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà nhiếp thọ chúng sanh, không còn lo âu, ngờ vực gì. Nương theo nguyện lực của ngài, quyết định được vãng sanh.

c. Hồi hướng phát nguyện tâm là từ trong tâm tin tưởng sâu xa chơn thật, đem hết thầy thiện căn đã tu hồi hướng nguyện sanh cõi kia.

Do đó, ta thấy rằng ‘*tín nguyện*’ sách Yếu Giải nói đó chính là ba tâm của Quán kinh, mà ba tâm của Quán kinh lại chính là Bồ Đề tâm nói trong kinh này. ‘*Phát Bồ Đề tâm*’ nói trong kinh này chính là ‘*tín nguyện*’ nói trong Di Đà Yếu Giải. Hơn nữa, ‘*một bề chuyên niệm*’ chính là Trì Danh. Do hai bản Đại, Tiểu A Di Đà kinh nguyện lại chỉ là một kinh nên tông của hai kinh ắt phải đồng nhất.

Trong phần giảng về tông thú đã giảng kỹ về ‘*phát Bồ Đề tâm*’ nên ở đây chẳng bàn nhiều. Tôi chỉ trích vài đoạn trong phần luận về Bồ Đề tâm của An Lạc Tập để độc giả tham khảo thêm. An Lạc Tập do ngài Đạo Xước soạn, bản luận những điểm rất tinh yếu.

Dưới đây tôi sẽ trích nguyên văn, có chú giải đôi chút nhằm giảng rõ phần nào lời luận. Đạo

Xước đại sư đã lập ra bốn điều nghị luận quanh việc phát Bồ Đề tâm:

\* Một là bàn về công dụng của Bồ Đề tâm. Sách An Lạc Tập viết:

*‘Thứ nhất là nêu lên công dụng của Bồ Đề tâm. Đại Kinh bảo phàm muốn vãng sanh Tịnh Độ thì phải lấy Bồ Đề tâm làm gốc. Vì sao?’*

*Bồ Đề chính là tên gọi của Vô Thượng Phật Đạo. Nếu muốn phát tâm làm Phật thì tâm ấy rộng lớn trùm khắp pháp giới. Tâm ấy rất ráo, ngang với hư không. Tâm ấy lâu xa đến cùng tận đời vị lai. Tâm ấy trọn khắp, là nhị thừa chướng.*

*Nếu phát được tâm ấy thì khuynh đảo được sanh tử vô thi và trầm luân trong các cõi. Dem tất cả công đức hồi hướng Bồ Đề thì đều có thể đạt tới Phật quả, chẳng bị diệt mất’.*

Tôi xin tạm giải thích thô thiển như sau: Trước hết, luận dẫn Đại kinh để nói lên công dụng của Bồ Đề tâm. Đại kinh chính là kinh Vô Lượng Thọ. Các vị Tịnh Ảnh, Đạo Xước, Thiện Đạo đều gọi kinh Vô Lượng Thọ là Đại kinh; ngài Thiên Thai gọi là Đại Bản.

**Tâm Bồ Đề chính là cái gốc để vãng sanh Tịnh Độ.** Nếu chẳng phát được tâm này thì dầu cứ siêng tu nhưng cũng khác nào nước chẳng có

nguồn, cây không có cội nên trọn chẳng thể vắng sanh được. Từ chữ ‘*có sao*’ trở đi là lời giải nghĩa.

Bồ Đề nghĩa là Giác. Vô Thượng Giác chính là Phật. Vì vậy, Bồ Đề là danh xưng khác của Vô Thượng Phật Đạo. ‘*Phát tâm làm Phật*’ nghĩa là phát khởi cái tâm ‘*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*’.

Phát khởi được tâm như thế thì ta vốn đã là Phật, cái tâm ‘*làm Phật*’ này vốn sẵn đã là cái tâm ‘*là Phật*’ nên luận nói tiếp: tâm này ‘*rộng lớn*’; về chiều dọc thì suốt cả ba đời, về chiều ngang thì trọn khắp hư không. ‘*Rốt ráo*’ là chơn tể rốt ráo, là tột cùng của nguồn pháp. Chữ ‘*lâu xa*’ diễn tả tâm ấy sáng suốt, lặng lẽ, chơn thường, vĩnh viễn thoát khỏi sanh diệt. ‘*Trọn khắp*’ là đầy đủ hết thảy, không thiếu, không dư. Tâm như vậy có công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu phát được tâm ấy thì có thể dẹp sạch mối sanh tử từ vô thi đến nay cũng như sự trầm luân trong các cõi. Nếu lại có thể đem công đức hồi hướng Bồ Đề thì quyết định chứng được Phật quả. Tất cả công đức ấy nhất định chẳng luống uổng, cũng chẳng bị tổn thất hay diệt mất.

Lời dạy này của tổ Đạo Xước đã chỉ thẳng vào ngay công dụng của Bồ Đề tâm: vượt ra ngoài

khả năng suy lường, hiểu biết của chúng ta, thật là vi diệu khó nghĩ bàn.

Xin lại dẫn Bồ Đề Tâm Luận của Mật tông để chứng minh thêm; luận nói: *‘Tâm Bồ Đề này chứa đựng hết thấy công đức của Bồ Tát. Nếu tu chứng xuất hiện thì làm đạo sư cho hết thấy. Nếu quay trở về gốc thì chính là cõi nước Mật Nghiêm. Chẳng đứng dậy khỏi tòa mà có thể thành tựu hết thấy Phật sự’*. Công dụng của Bồ Đề tâm thật chẳng thể nghĩ bàn.

\* *‘Thứ hai là nêu lên danh và thể của Bồ Đề, nhưng Bồ Đề có đến ba thứ:*

*Một là Pháp Thân Bồ Đề, hai là báo thân Bồ Đề, ba là hóa thân Bồ Đề.*

*a. Pháp thân Bồ Đề chính là Chơn Như, Thật Tướng, Đệ Nhất Nghĩa Không, tự tánh thanh tịnh. Thể không uế nhiễm, lý xuất thiên chơn, chẳng cần phải tu thành nên gọi là Pháp Thân; là bản thể của Phật đạo nên gọi là Bồ Đề.*

*b. Báo thân Bồ Đề là tu đủ vạn hạnh, cảm được cái quả báo thân Phật. Do quả tương ứng cái nhân nên gọi là báo thân. Viên thông vô ngại nên gọi là Bồ Đề.*

*c. Hóa thân Bồ Đề là từ báo khởi dụng, hướng đến muôn vàn căn cơ nên gọi là hóa thân, lợi ích chúng sanh một cách viên thông nên gọi là Bồ Đề’.*

Xin giải thích: Thứ hai là bàn về danh và thể của BỒ ĐỀ, chia ra thành Pháp, Báo, Hóa ba thân để luận.

Pháp thân BỒ ĐỀ chính là Chơn Như, Thật Tướng, Đệ Nhất Nghĩa Không. Câu *‘tự tánh thanh tịnh, thể không nhiễm ố’* chính là như Lục Tổ bên Thiên Tông nghe câu *‘vô trụ sanh tâm’* chợt đại ngộ, bèn nói: *‘Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh’*. Ý nghĩa của câu *‘lý xuất thiên chơn, chẳng cần phải tu thành’* giống như câu *‘nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ’* (*‘lý xuất thiên chơn’* nghĩa là lý tự nhiên như vậy, khác nào những chơn lý hiển nhiên trong trời đất). Do vốn tự đầy đủ nên nào cần phải tu thành. Ngũ Tổ nghe nói như thế bèn trao y bát, lập ngài Huệ Năng làm Tổ thứ sáu. Ngài cũng nói: *‘Chẳng biết bốn tâm thì học pháp vô ích. Nếu biết rõ bốn tâm của chính mình, thấy tự tánh của chính mình thì đáng gọi là trượng phu, thiên nhân sư, Phật’*.

Lúc ấy, đại sư Huệ Năng còn chưa xuống tóc, vẫn còn là người làm công trong chùa; một phen phát ngộ tâm này bèn thẳng ngay lên địa vị tổ sư. Đây chính là như BỒ ĐỀ Tâm Luận nói: *‘Nếu tu chứng xuất hiện thì làm đạo sư cho hết thảy... Chẳng đứng dậy khỏi tòa mà có thể thành tựu hết thảy Phật sự’*.

Tâm Bồ Đề vượt thoát phàm tình, công dụng khó nghĩ tưởng. Tâm tánh như vậy được gọi là Pháp Thân. Tâm tánh ấy là bản thể của Phật đạo nên gọi là Bồ Đề.

Tiếp đó, ngài giảng về báo thân. Pháp thân vốn sẵn đủ chính là tánh đức. Có công tu đức thì tánh đức mới được hiển lộ. Vì vậy, phải tu đủ vạn hạnh, công đức trang nghiêm mới đắc báo thân Phật quả. Báo thân viên minh cụ đức, thông đạt vô ngại nên bảo là ‘*viên minh vô ngại*’, nên gọi là ‘*báo thân Bồ Đề*’. Từ báo thân hiện ra hóa thân, tùy căn cơ mà hóa hiện, diệu dụng vô cùng nên bảo là ‘*lợi ích chúng sanh một cách viên thông*’ và gọi là báo thân Bồ Đề.

\* *Thứ ba là chỉ rõ phát tâm có sai khác. Nay nói về hành giả tu nhân phát tâm thì phải có đủ ba điều:*

*a. Một là cần phải hiểu thấu hữu, vô, tự tánh thanh tịnh từ xưa đến giờ.*

*b. Hai là duyên tu vạn hạnh, tám vạn bốn ngàn ba la mật môn v.v...*

*c. Ba là đại từ bi làm gốc, luôn lấy việc độ sanh làm bản hoài*

*Ba nhân ấy tương ứng với Đại Bồ Đề nên gọi là phát tâm Bồ Đề.*



*Lại như Tịnh Độ Luận (tức là Vãng Sanh Luận) bảo: «Nay phát Bồ Đề tâm chính là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật chính là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh chính là tâm nhiếp thủ chúng sanh sanh vào cõi có Phật. Nay nguyện sanh Tịnh Độ thì trước hết cần phải phát Bồ Đề tâm».*

Xin giải thích: Phát tâm có sai khác nghĩa là có hai loại phát tâm:

- Trước hết, trong khi còn tu nhân cần phải phát khởi ba thứ tâm sau đây:

a. Một là cần phải hiểu thấu hữu, vô và tự tánh vốn sẵn thanh tịnh từ xưa đến nay.

Câu ‘*hiểu thấu có, không*’ chính là mấu chốt huyền nhiệm để giải ngộ cái tâm. ‘*Vô*’ chính là như những chữ ‘*vô*’ được nêu lên liên tục từ ‘*vô nhĩ căn*’ cho đến ‘*vô trí diệc vô đắc*’ trong Tâm kinh; và cũng giống như kinh Niết Bàn dạy: ‘*Lần lượt thuận, nghịch nhập siêu thiên định như thế, lại bảo đại chúng: «Ta dùng Phật nhãn xem khắp hết thấy các pháp trong tam giới, tánh của vô minh bốn tế vốn là giải thoát, tìm khắp mười phương trọn chẳng thể được. Do gốc là không, nên với cảnh là đều được giải thoát. Giải thoát khỏi vô minh cho đến với lão tử đều được giải thoát. Do nhân duyên*

ấy, ta nay an trú trong Thường Tịch Diệt Quang, gọi là Đại Niết Bàn». Đây chính là lời dạy từ bi tha thiết tối hậu của đức Thế Tôn. Đại sư Vĩnh Minh đã nguyện trong vô lượng kiếp sẽ lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, lấy máu làm mực biên chép đoạn văn trên để báo đáp từ ân.

Vô Minh vốn là không nên làm gì có cảnh lá; hiểu vọng vốn là không nên chơn tánh tự hiển lộ. Đó là hiểu biết nghĩa cốt yếu của chữ ‘VÔ’. Còn ‘biết hữu’ là như nhà Thiền thường bảo: ‘Cần phải biết hữu thì mới đắc’. Trong Tâm Vương Minh, ngài Phó Đại Sĩ cũng bảo: ‘Muối hòa trong nước, nước vẫn trong veo, quyết định là có, nhưng chẳng thấy hình dáng. Tâm vương cũng thế: ngụ trong thân thể, ứng dụng ra ngoài, thích ứng theo từng tình huống tự tại vô ngại, hoàn thành các việc’. Bài minh đã dùng thí dụ để chỉ rõ ai cũng tự có tâm vương. Tâm vương quyết định là có, tùy theo sự vật, tình huống phát huy diệu dụng, nhưng chẳng thấy được hình dáng của tâm vương.

Kinh Niết Bàn còn dạy: ‘Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh’. ‘Biết hữu’ là biết có Phật tánh vậy. Sách Tâm Đăng Lục bảo: ‘Do đó, cố đức đều muốn ai cũng phải biết hữu. Nếu chẳng biết hữu thì toàn là hư vọng’. Trên đây tôi đã giải thích thế nào là ‘biết hữu’ và ‘biết vô’ để giảng câu ‘thấu đạt hữu, vô’.

‘*Hiểu thấu*’ còn có nghĩa là hiểu rõ cái tâm, thấu đạt cái gốc, hiểu rõ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh từ xưa đến nay. Tánh ấy giống như trực tâm được nói trong Đại Thừa Khởi Tín Luận. Trực tâm là chánh niệm pháp Chơn Như.

b. Hai là ‘*duyên tu vạn hạnh*’, điều này tương đương với thâm tâm trong bộ luận trên: thích tu hết thảy các hạnh lành.

c. Ba là ‘*đại từ bi làm gốc*’ tương đương với đại bi tâm trong luận Khởi Tín: muốn dẹp tan hết nỗi khổ của chúng sanh.

Ba thứ phát tâm như vậy tương đương với ba tâm trong luận Khởi Tín nên bảo: ‘*Ba nhân ấy tương ứng với Đại Bồ Đề*’. Vì vậy, phát lên ba tâm ấy chính là phát Đại Bồ Đề tâm.

- Tiếp đó, ngài Đạo Xước dẫn Vãng Sanh Luận: Bồ Đề tâm chính là tâm nguyện thành Phật độ sanh, tâm nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi có Phật.

Thoạt nhìn, nếu so với tâm trước thì tâm này dễ phát khởi hơn, nhưng thật ra chẳng phải như vậy. Bởi vì pháp môn Vãng Sanh Tịnh Độ thật là pháp khó tin. Tín tâm chưa sanh làm sao phát tâm nổi? Trong kinh A Di Đà, mười phương chư Phật đã xưng tán đức Bổn Sư ở trong đời ngũ trước ‘*nói*

*pháp hết thấy thế gian khó tin được nổi*'. Phẩm 'Riêng lưu lại kinh này' của kinh Vô Lượng Thọ đây cũng bảo: *'Nếu nghe kinh này mà tin ưa, thọ trì được thì đó là điều khó nhất trong các điều khó, không có gì khó hơn nổi*'. Rõ ràng là tin nổi pháp môn Tịnh Độ đã là một điều khó khăn nhất trong các điều khó trong thế gian!

Tin được pháp khó tin này thì chính là đại trí. Thuận theo tín tâm ấy phát khởi chí nguyện thành Phật độ sanh cùng chúng Tịnh Độ; đó chính là tâm Bồ Đề. Chỉ cần chơn thật tin nhận thì tự nhiên phát nổi những tâm như trên đã nói. Đây lại chính là phương tiện thù thắng của Tịnh Tông.

Sách Di Đà Yếu Giải bảo: *'Tin sâu phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề*'. Bởi vậy, ***người niệm Phật cần phải sớm sanh tín, nguyện; vì đó chính là phát tâm Bồ Đề vậy.***

\* *'Thứ tư là vấn đáp, giải thích.*

*Hỏi: Nếu tu đủ muôn hạnh cảm được Bồ Đề, được thành Phật quả, thì sao kinh Chư Pháp Vô Hành lại bảo: «Nếu ai cầu Bồ Đề thì chẳng có Bồ Đề. Người ấy cách xa Bồ Đề như trời với đất!».*

Xin giải thích: Có kẻ dựa vào kinh Chư Pháp Vô Hành dạy: Nếu ai cầu Bồ Đề thì chẳng có Bồ Đề để đắc, sự mong cầu ấy càng cách xa Bồ Đề như trời cách xa đất. Nếu đã là như vậy, thì nay tại

sao lại bảo phải tu vạn hạnh để đạt được quả Bồ Đề ngũ hầu thành Phật? Dưới đây là lời đáp của tổ:

*‘Chánh thể của Bồ Đề là lý cầu vô tướng. Nay dùng tướng để cầu thì chẳng đúng với thật lý nên bảo là người ấy xa cách. Vì vậy, kinh dạy chẳng thể dùng tâm, chẳng thể dùng thân để đắc Bồ Đề’.*

Xin giải thích: Bản tánh chơn chánh của Bồ Đề khế hợp với lý nên không có hết thấy tướng. ‘Lý’ là thật tế lý thể, cũng chính là Chơn Như Thật Tướng. Hành nhân nếu dùng tướng để cầu, ý mong cầu quả Bồ Đề và có pháp để cầu Bồ Đề, thì đều là pháp chấp, đều là tạo tướng, nên tự xa lìa thật tế lý thể. Do vậy, mới bảo là ‘chẳng đúng với thật lý’. Vì vậy, người ấy xa cách Bồ Đề.

*‘Nay tuy biết tu hành cầu vãng sanh, hiểu biết rõ ràng lý thể là vô cầu, nhưng chẳng hoại giả danh nên tu đủ các hạnh. Do đó, sẽ cảm được Bồ Đề. Vì vậy, Trí Độ Luận bảo: «Nếu ai thấy Bát Nhã là bị trói buộc. Nếu ai chẳng thấy Bát Nhã thì cũng bị trói buộc. Nếu ai thấy Bát Nhã thì được giải thoát, nếu ai chẳng thấy Bát Nhã thì cũng được giải thoát». Long Thọ Bồ Tát giảng: «Nếu ở trong ấy mà chẳng lìa được tứ cú <sup>(4)</sup> thì bị trói buộc. Lìa tứ cú thì được giải thoát». Nay muốn cầu Bồ Đề thì chỉ nên tu hành như thế, ấy chính là chẳng hành*

*mà hành. Chẳng hành mà hành là chẳng trái nghịch đại đạo lý Nhị Đế’.*

Xin giải thích: ‘Chẳng hành mà hành’ chính là vô cầu mà cầu. Tuy biết lý thể là vô cầu, Bồ Đề chẳng thể đắc, nhưng vẫn tu đủ vạn hạnh để cảm Bồ Đề, khéo khéo hợp với Trung Đạo nên có thể cảm ứng, khéo hợp.

Tiếp đó, sách An Lạc Tập dựa vào Tịnh Độ Luận đề xướng: phạm muốn phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì trước hết phải xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn:

*‘Một là môn nương vào trí huệ, chẳng cầu tự vui do xa lìa ngã tâm, tham chấp tự thân.*

*Hai là môn nương vào từ bi, dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh do xa lìa tâm chẳng an lạc chúng sanh.*

*Ba là môn nương vào phương tiện, tâm thương xót hết thấy chúng sanh do xa lìa tâm cung kính, cúng dường thân mình.*

*Đó gọi là xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn’.*

Xin giải thích: Ba thứ pháp trái nghịch được nói trong luận chính là: một là ‘ngã tâm, tham chấp tự thân’, hai là ‘tâm không an lạc chúng sanh’, ba

là *‘tâm cung kính cúng dường tự thân’*. Cần phải xa lìa ba tâm này.

Sách An Lạc Tập viết tiếp: *‘Bồ Tát xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn như thế liền đắc ba pháp tùy thuận Bồ Đề môn. Những gì là ba?’*

a. Một là Vô Nhiễm Thanh Tịnh tâm do chẳng vì thân mình cầu các sự vui. Bồ Đề là chốn thanh tịnh vô nhiễm, nếu vì tự thân cầu sự vui thì trái nghịch với Bồ Đề môn. Do đó, tâm vô nhiễm thanh tịnh là tùy thuận Bồ Đề môn.

b. Hai là An Thanh Tịnh tâm vì dẹp trừ hết thấy khổ cho chúng sanh. Bồ Đề là chốn thanh tịnh an ổn hết thấy chúng sanh; nếu chẳng khởi tâm làm cho hết thấy chúng sanh được lìa cái khổ sanh tử thì trái nghịch với Bồ Đề môn. Do vậy, dẹp hết thấy nỗi khổ của chúng sanh là tùy thuận Bồ Đề môn.

c. Ba là Lạc Thanh Tịnh tâm vì muốn cho hết thấy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, vì để nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi Phật ấy. Bồ Đề là chốn thường vui một cách rốt ráo. Nếu chẳng làm cho hết thấy chúng sanh được hưởng cái vui rốt ráo thì trái nghịch với Bồ Đề môn.

Nương vào đâu để đạt được cái vui rốt ráo ấy? Cần phải nương vào Đại Nghĩa Môn. Đại Nghĩa Môn chính là cõi Phật An Lạc. Vì vậy, ta

*phải làm cho hết thấy chúng sanh chuyên chỉ nguyện sanh cõi kia, muốn cho họ chóng chứng Vô Thượng Bồ Đề’.*

Trên đây, trong lời luận về pháp trái nghịch và tùy thuận Bồ Đề môn, thật ra ngài Đạo Xước đã chỉ rõ sự sai khác giữa những pháp tùy thuận và trái nghịch với phát tâm. Hễ đã phát tâm thì phải tu Tịnh nghiệp, thường phải nên lãnh hội rất ráo, chớ tự trái nghịch Bồ Đề môn, trái nghịch bốn nguyện, tự mình chướng ngại việc vãng sanh của chính mình.

Với tông chỉ ‘*một bề chuyên niệm A Di Đà Phật*’, sách Di Đà Yếu Giải bảo: ‘*Trong hết thấy phương tiện, tìm lấy pháp thẳng chóng nhất, pháp viên đốn nhất, thì không có gì bằng pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lại trong hết thấy pháp niệm Phật, tìm lấy pháp giản dị nhất, pháp ổn đáng nhất, thì không gì bằng tín nguyện, chuyên trì danh hiệu*’.

Sách còn viết: ‘*A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh. Dùng danh hiệu để chiêu cảm vạn đức thì không công đức nào là chẳng đạt được. Do đó, chấp trì danh hiệu là chánh hạnh, chẳng cần phải tu các hạnh: quán tưởng, tham cứu v.v...thật rất giản dị, rất thẳng chóng*’.



Sách Viên Trung Sao cũng nói: *‘Kinh này dạy kẻ phàm phu sơ tâm chỉ cần có miệng xưng niệm được, có tâm để tưởng niệm được thì đều tu được. Vì vậy kinh này dạy ra pháp môn hết sức đơn giản, hết sức dễ dàng vậy’, ‘nếu chấp trì danh hiệu thì chẳng luận bận, rảnh, chẳng kể động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đều tu được cả. Do vậy kinh này dạy ra pháp môn hết sức thẳng tắt vậy’* và: *‘Pháp xưng danh chẳng lựa hiền, ngu, chẳng phân biệt nam, nữ, dù giàu hay nghèo, dẫu sang hay hèn cũng đều tu được. Vì vậy kinh này chỉ ra pháp môn nhiếp trọn các căn cơ hết sức rộng lớn vậy’*.

Sách Du Tâm An Lạc Đạo cũng nói: *‘Danh hiệu chư Phật do vạn đức chung đúc thành. Chỉ cần niệm được danh hiệu một đức Phật thì trong một niệm ấy đã niệm đủ vạn đức’* và: *‘Vô thì ác nghiệp từ vọng tâm sanh, công đức niệm Phật từ chơn tâm khởi. Chơn tâm như mặt trời, vọng tâm như bóng tối. Chơn tâm vừa khởi, vọng tâm liền mất như mặt trời vừa mọc, các sự tối tăm đều tiêu’*.

Sách An Lạc Tập còn dẫn kinh Quán Phật Tam Muội như sau:

*‘Phật khuyên phụ vương hành Niệm Phật tam muội. Phụ vương bạch Phật:*

- *Quả đức của Phật địa là Chơn Như Thật Tướng, Đệ Nhất Nghĩa Không, sao Phật chẳng dạy đệ tử hành theo?*

*Phật bảo phụ vương:*

- *Quả đức của chư Phật có vô lượng cảnh giới thâm diệu, thần thông giải thoát, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu hành nổi nên Phật khuyên phụ vương hành Niệm Phật tam muội.*

*Phụ vương bạch Phật: ‘Công năng của niệm Phật ra sao?’*

*Phật bảo: - Như giữa cánh rừng y lan rộng đến bốn mươi do tuần, có một cây ngưu đầu chiên đàn tuy đã bén rễ, nảy mầm, nhưng chưa trồi lên khỏi mặt đất, rừng y lan chỉ có mùi thối không thơm tho gì. Nếu có kẻ nào ăn phải hoa quả của cây y lan sẽ phát cuồng mà chết. Lúc sau, mầm cây chiên đàn dần dần tăng trưởng, vừa sắp mọc thành cây thì mùi thơm đã ngào ngạt, đủ sức biến đổi cả khu rừng đó thành ra thơm ngát cả. Chúng sanh trông thấy sanh lòng hy hữu.*

*Phật bảo phụ vương:*

- *Tâm niệm Phật của hết thảy chúng sanh trong sanh tử cũng giống như thế. Chỉ cần hệ niệm chẳng ngơi thì quyết sẽ sanh ở trước Phật. Một phen đã vãng sanh liền biến cải hết thảy các ác*

*thành đại từ bi như cây có mùi thơm kia biến cải cả rừng y lan’.*

Rừng y lan vừa nói ví cho tam độc, tam chương, vô biên các tội trong thân chúng sanh. Chiên đàn ví cho tâm niệm Phật của chúng sanh. ‘*Vừa sấp mọc thành cây*’ là hết thảy chúng sanh chỉ cần niệm liên tục chẳng ngơi thì đạo nghiệp sẽ hoàn thành.

Kinh Đại Bi cũng dạy: ‘*Xưng danh hiệu Phật một tiếng thì do căn lành ấy nhập vào Niết Bàn giới chẳng thể cùng tận*’.

Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức cũng nói: ‘*Nếu có kẻ được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật Như Lai mà nhất tâm tin ưa, trì, tụng<sup>(5)</sup> tụng niệm... kẻ ấy sẽ được vô lượng phước, sẽ vĩnh viễn xa lìa ách nạn tam đồ. Sau khi mạng chung đều được vãng sanh trong cõi đức Phật kia*’.

Kinh Văn Thù Bát Nhã cũng nói: ‘*Chúng sanh ngu độn tuy quán nhưng chẳng hiểu nổi, chỉ nên dạy họ [giữ được] tiếng niệm liên tục thì sẽ tự được vãng sanh*’.

Sách Tịnh Tu Tiếp Yếu còn khen ngợi pháp môn Niệm Phật như sau: ‘*Sáu chữ thống nhiếp vạn pháp, một môn chính là phổ môn. Toàn thể sự là lý, toàn thể vọng đều quy về chơn, hoàn toàn từ tánh*

*khởi tu, hoàn toàn tu nơi tánh. Học rộng vốn là thâm nhập, chuyên tu chính là tổng trì. Từng tiếng, từng tiếng đánh thức chính mình, từng niệm, từng niệm chẳng lìa bốn tôn’.*

Sách còn viết: *‘Vô Lượng Thọ Quang là Bốn Giác của ta. Khởi tâm niệm Phật gọi là Thi Giác. Mượn y báo, chánh báo của Phật để hiển lộ tự tâm của chính mình. Thi Giác, Bốn Giác chẳng rời nhau, thẳng tiến trên con đường giác ngộ. Mới hơi trái nghịch đã đọa vào vô minh’.*

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận cũng nói: *‘Cần phải biết rằng một pháp Trì Danh thật là giản yếu nhất. Hành giả lúc sơ phát tâm phải chú trọng định khóa: Mỗi ngày niệm ngàn tiếng hoặc vạn tiếng, hoặc mười ức tiếng, từ ít đến nhiều, từ tán nhập định, tùy theo niệm lực đều được vãng sanh’.*

Sách An Lạc Tập cũng bảo: *‘Xưng danh cũng như vậy, chỉ nên chuyên chí liên tục chẳng dứt thì quyết định sanh về trước Phật. Nay khuyên hàng hậu học nếu muốn lãnh hội Nhị Đế thì chỉ cần hiểu niệm niệm là bất khả đắc, đây chính là Trí Huệ Môn. [Tuy hiểu như vậy] nhưng vẫn hệ niệm liên tục chẳng ngơi thì chính là Công Đức Môn.*

*Vì vậy, kinh nói Bồ Tát Ma Ha Tát luôn dùng công đức và trí huệ để tu tâm mình. Nếu là kẻ mới*

*học chưa thể phá được tướng thì chỉ nên dựa theo tướng mà chuyên chí thì không ai chẳng được vắng sanh, chẳng còn ngờ gì nữa’.*

Những hành nhân hiện tại nên tin chắc lời dạy ấy, chẳng cần phải ly tướng trước làm gì, chỉ cần trì danh chăm chỉ, ròng rã, bền chắc: *‘Nương theo tướng mà chuyên chí thì không ai chẳng được vắng sanh’*. Đây chính thật là kim chỉ nam để dẫn chúng sanh vượt khỏi biển sanh tử vậy.

Trên đây, tôi đã dẫn rộng các kinh luận để chứng minh lợi ích thù thắng của pháp Trì Danh Niệm Phật.

Trì Danh phải chuyên chí, phải *‘một bề chuyên niệm’* như sách Quán Niệm Pháp Môn bảo: *‘Phật nói hết thấy chúng sanh căn tánh bất đồng, có: thượng, trung, hạ. Với mỗi căn tánh, Phật đều khuyên chuyên niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật.*

*Hỏi: Năm thứ nhân duyên (chỉ ngũ niệm môn) đều là Tịnh nghiệp, sao lại chỉ với pháp Niệm Phật bảo phải ‘nhất hướng’?*

*Đáp: Có ba nghĩa:*

*a. Một là do phé các hạnh [khác, chỉ] lập Niệm Phật mà nói như thế.*

b. Hai là để hỗ trợ chánh nghiệp Niệm Phật nên nói ra các hạnh trợ nghiệp.

c. Ba là do Niệm Phật là chánh, các hạnh là phụ nên bảo là *nhất hướng*’.

Xin giải thích như sau: Câu *‘nhất hướng chuyên niệm’* (một bề chuyên niệm) có đến ba nghĩa:

a. Một là phé bỏ các hạnh, chuyên lập hạnh Niệm Phật, chỉ đề xướng một câu Phật hiệu, thâm nhập một môn, chẳng lẫn tạp các pháp khác; phé hết các hạnh, chỉ lập một pháp niệm danh hiệu Phật. Đây gọi là *‘nhất hướng chuyên niệm’*.

b. Hai là chỉ lấy Niệm Phật làm chánh nghiệp. Để hỗ trợ chánh nghiệp này nên tu các hạnh khác. Niệm Phật là chánh, các hạnh khác là phụ trợ. Chánh nghiệp thống lãnh các trợ nghiệp, trợ nghiệp phụ thuộc chánh nghiệp. Chánh và trợ viên dung, cùng vào trong Di Đà Nhất Thừa nguyện hải nên bảo là *‘nhất hướng chuyên niệm’*.

c. Ba là Niệm Phật là chánh, các hạnh là phụ. Chánh, phụ khác nhau, thứ tự phân minh. Lấy nhất hướng chuyên niệm là chủ yếu tuy chẳng bỏ tu các hạnh khác thì vẫn gọi là *‘nhất hướng chuyên niệm’*.

Lời luận trên rất ổn đáng. Vì thế, người niệm Phật không ai chẳng kiêm tu các môn lễ bái, phát nguyện, hồi hướng v.v...

Theo như những thuyết trên thì người niệm Phật có thể kiêm trì các chú Vãng Sanh, Đại Bi, Chuẩn Đề... hoặc kiêm trì tụng các kinh như Tâm Kinh, Kim Cang v.v... nhưng phải phân định rạch ròi chánh hạnh, trợ hạnh, niệm Phật miên mật thì mới chẳng trái với ‘*nhất hướng chuyên niệm*’. Sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận đã giảng rõ ý chỉ ấy. Sách viết:

*‘Hành giả đã phát tâm Bồ Đề thì nên tu vạn hạnh Bồ Tát. Với tất cả điều thiện thế gian hay xuất thế gian dù là nhỏ như mảy lông cho đến vô biên công đức đều dùng tâm tâm, chỉ thành tâm hồi hướng Cực Lạc thì cũng gọi là ‘nhất hướng chuyên niệm’. Chẳng cần buông bỏ trăm việc mới gọi là chuyên niệm. Do Phật tánh hiện diện trọn khắp hết thấy chỗ nên còn có buông, có bỏ thì chẳng gọi là Niệm Phật’.*

Lời luận này thật khế hợp thời cơ, người đời hiện tại bận bịu lắm việc khó lòng buông bỏ tất cả để suốt ngày niệm Phật. Chỉ cần tin sâu, nguyện thiết cầu sanh Tịnh Độ. Gặp việc cứ làm, xong việc lại niệm Phật. Thế pháp vốn chẳng trở ngại Phật pháp; huống hồ là với hết thấy hạnh lành thế gian, xuất thế gian đều dùng cái tâm chí thành hồi hướng Cực Lạc. Làm được như vậy thì cũng gọi là ‘*nhất hướng chuyên niệm*’.

Theo Khởi Tín Luận, kiêm hành pháp thiện thế gian còn được gọi là *‘nhất hướng chuyên niệm’*, huông là kiêm tu các pháp xuất thế. Chẳng hạn như, trong cuốn Phạm Thất Ngẫu Đàm, Ngẫu Ích đại sư đã viết: *‘Lại nữa, thiên giả muốn sanh về Tây Phương thì chẳng cần phải đổi sang niệm Phật, chỉ đầy đủ tín, nguyện thì tham thiền chính là hạnh Tịnh Độ’*. Hơn nữa, đại sư từng bế quan kết đàn trì chú Vãng Sanh cầu sanh Tịnh Độ. Ngài lại còn viết những bài kệ để phát thế. Kệ rằng:

*‘Con dùng chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng tâm, đốt tay ba cây hương (dùng ba cây hương đốt cánh tay), kết một thất tịnh đàn (kết đàn nghiêm tịnh để tụng chú trong bảy ngày liền), chuyên trì chú Vãng Sanh, chỉ trừ lúc ăn ngủ. Nguyện đem công đức này, cầu quyết sanh An Dưỡng’*. Những việc ấy chứng tỏ chỉ cần đủ tín nguyện cầu vãng sanh thì dù tham thiền hay trì chú cũng đều là hạnh Tịnh Độ.

Tác giả của bộ Di Đà Viên Trung Sao là U Khê đại sư cả đời tu các pháp sám Pháp Hoa, Đại Bi, Kim Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm không sót ngày nào. Lâm chung biết trước thời khắc, tay viết năm chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, rồi cao giọng xướng tựa đề kinh vài lượt, an nhiên mà tịch.

Như vậy, tu sám, trì kinh đều là hạnh Tịnh Độ. Do đó, đã phát Bồ Đề tâm, trì danh hiệu Phật



thì dầu có kiêm tu các pháp khác cũng được coi là ‘*nhất hướng chuyên niệm*’, cũng được vãng sanh.

***Nhưng kiêm tu nhiều môn chẳng bằng thâm nhập một môn, nhất tâm chuyên chí xưng niệm Di Đà*** thì mới dễ khiến chỗ chín biến thành chỗ sống, chỗ sống biến thành chỗ chín. Ái nhiễm tham đắm là chỗ chín của chúng sanh. Bồ Đề chánh niệm là chỗ sống sót của chúng sanh. Chỗ sống sót biến thành chín rục thì lúc lâm chung, khi bị các khổ bức bách mới vẫn khởi lên được câu niệm Phật hòng cảm được Phật tiếp dẫn để được vãng sanh.

Vì vậy Thiện Đạo đại sư khai thị: ‘*Đại Thánh bi mẫn khuyên thẳng chuyên xưng danh hiệu chính là vì xưng danh là dễ. Xưng danh liên tục liền được vãng sanh. Nếu niệm được liên tục thì lấy cả đời làm hạn, mười người tu mười người được vãng sanh, trăm người tu trăm người được vãng sanh. Vì có sao? Vì không tạo nghiệp duyên nên được chánh niệm, vì được tương ứng với bốn nguyện của Phật, vì chẳng trái nghịch lời dạy, vì thuận theo lời Phật vậy. Nếu bỏ chuyên niệm đi tu tạp niệm thì trong trăm người tu chỉ được một hai kẻ vãng sanh, trong ngàn người tu chỉ mong được ba bốn người vãng sanh*’.

Nói tóm lại, ***Trì Danh Niệm Phật chính là bốn*** ***hoài***

*của chư Phật, là phương tiện rất ráo, là con đường tắt nhất trong các đường tắt.* Đây thật là lời luận muôn đời chẳng suy xuyên bởi vì người lúc lâm chung bị muôn khổ bức bách, ngoại trừ tri danh ra khó lòng khởi các hạnh khác nổi. Quán kinh nói: Kẻ ngu nghịch thập ác đáng đọa ác đạo, lúc lâm chung gặp thiện tri thức ‘*dạy cho niệm Phật nhưng người ấy bị khổ bức bách chẳng niệm Phật nổi, thiện hữu bảo rằng: «Nếu ông chẳng niệm đức Phật ấy nổi (tức là chẳng quán tưởng nổi) thì hãy nên xưng danh Vô Lượng Thọ Phật».* Chỉ tâm như thế chẳng để ngớt tiếng, đầy đủ mười niệm xưng Nam Mô A Di Đà Phật thì do xưng danh đức Phật ấy, trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Lúc lâm chung thấy hoa sen vàng giống như vàng mặt trời ở trước mặt người ấy, như trong một niệm liền được sanh về thế giới Cực Lạc’.

Kinh nói lâm chung chẳng thể quán Phật, chỉ có thể niệm danh hiệu Phật; rõ ràng là pháp Trì Danh rất dễ dàng. Lâm chung dễ niệm nên được vãng sanh thật là hết sức ôn đáng vậy. Câu ‘*trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử*’ chỉ rõ pháp này hết sức viên đốn. Kẻ ngu nghịch, thập ác lúc lâm chung mười niệm liền được vãng sanh. Phạm phu mang theo nghiệp được bằng ngay với bậc Bồ Xứ.

Pháp trì danh niệm Phật không những đã giản dị, ổn thỏa đến cùng cực mà còn là pháp tối cực viên đốn nên mười phương Như Lai cùng khen ngợi, ngàn kinh muôn luận cùng nêu. Các hành nhân thật phải nên mau phát đại tâm, một bề chuyên niệm A Di Đà Phật.

Kinh này lấy *‘phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm’* làm tông. Hai điều trên chẳng thể tách rời được vì ***phát Bồ Đề tâm là tín, nguyện; nhất hướng chuyên niệm là hạnh.*** Ba thứ tín, nguyện, hạnh chẳng thể thiếu một thứ.

Sách Di Đà Yêu Giải nói: *‘Tin sâu phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề, tín nguyện hợp lại chính là kim chỉ nam cho Tịnh Độ. Do vậy, chấp trì danh hiệu mới là chánh hạnh’*. Ý ngài nói: tâm Vô Thượng Bồ Đề là kim chỉ nam để tu Tịnh Độ. Nhà hàng hải dùng kim chỉ nam để xác định phương hướng. Nếu muốn vượt biển sanh tử về thẳng bờ kia Cực Lạc thì phải dùng Bồ Đề tâm để dẫn đường nên tu Tịnh nghiệp chẳng thể không phát Bồ Đề tâm! Lại do Bồ Đề tâm ấy mà trì danh hiệu thì mới là chánh hạnh. Nói cách khác: ***không có Bồ Đề tâm thì dầu có trì danh hiệu cũng chưa phải là chánh hạnh.***

Sách Di Đà Yêu Giải bảo: *‘Nếu không tín, nguyện thì dầu có trì danh hiệu đến mức gió lay*

*chẳng động, mưa chẳng thấm ướt khác nào tường đồng, vách sắt thì cũng chẳng đắc cái lý vãng sanh. Kẻ tu Tịnh nghiệp chẳng thể chẳng biết điều này*'. Nói cách khác, tuy phát Bồ Đề tâm nhưng chẳng có nguyện, hạnh cầu sanh Tịnh Độ, lại tu môn khác thì chẳng phải là căn cơ Tịnh Độ nên cũng chẳng được vãng sanh!

Vì vậy, trong cả ba bậc vãng sanh, kinh này đều bảo: *'Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm'*, nghĩa là đó là điều kiện phải có để vãng sanh của ba bậc.

*'Tu các công đức'*: xem trong lời nguyện thứ mười chín *'nghe danh phát tâm'* của đức Di Đà, ta thấy lời nguyện như sau: *'Nghe danh hiệu tôi phát tâm Bồ Đề, phụng hành sáu ba la mật'*. Bản Hán dịch còn ghi: *'Đối với vô vi đạo, bậc đệ nhất tối thượng sẽ hành Bồ Tát đạo, phụng hành sáu ba la mật, làm sa môn mà chẳng khuyết phạm kinh giới... chí tinh tấn muốn sanh trong cõi Phật Vô Lượng Thọ thì nên niệm chí tâm, chẳng để đoạn tuyệt'*. Tổng hợp ý nghĩa cả hai kinh, ta thấy rằng *'tu các công đức'* là phụng hành sáu ba la mật.

Phần nói về thượng phẩm thượng sanh trong Quán kinh cũng bảo *'nên đầy đủ giới hạnh'*, *'đọc tụng Đại thừa'* và *'tu hành sáu niệm'* (sáu niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm

thí, niệm thiên), *hồi hướng phát nguyện*'. Thật ra đó cũng chỉ là hành sáu ba la mật.

'*Nguyện sanh cõi ấy*' là như câu: '*Tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng nguyện sanh cõi ta*' trong nguyện thứ mười tám; câu '*lại đem thiện căn hồi hướng nguyện sanh cõi ta*' trong nguyện mười chín, câu '*chỉ tâm hồi hướng muốn sanh Cực Lạc thì không ai chẳng được toại ý*' và '*phát Bồ Đề tâm, chán ngán thân nữ nguyện sanh cõi ta*' trong nguyện hăm một. Những nguyện như vậy đều khuyên phát nguyện hồi hướng, cầu sanh Tịnh Độ. Kinh A Di Đà nói: '*Chúng sanh nghe vậy phải nên phát nguyện, nguyện sanh cõi kia*' và '*nếu có ai tin thì phải nên phát nguyện sanh về cõi kia*'. Kinh cũng bảo: '*Nếu có kẻ đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi nước Phật A Di Đà thì những người ấy đều đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*'. Rõ ràng '*nguyện sanh cõi ấy*' là điều trọng yếu để được vãng sanh Cực Lạc.

'*Lúc mạng sắp dứt, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước người ấy*' chính là nguyện thứ 20 '*lâm chung tiếp dẫn*' được thành tựu.

Di Đà nguyện hải chuyên ban cho cái lợi chơn thật. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ nói:

*‘Lúc các thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân ấy lâm chung thì Vô Lượng Thọ Phật và vô lượng Thanh Văn đệ tử của ngài, các vị Bồ Tát cùng vây quanh trước sau, đến đứng trước mặt, từ bi gia hựu khiến người ấy tâm chẳng loạn. Đã xả mạng rồi, liền theo Phật chúng hội sanh trong cõi Phật thanh tịnh Cực Lạc thế giới của Vô Lượng Thọ Phật’. Câu ‘từ bi gia hựu khiến người ấy tâm chẳng loạn’ là tâm tủy của Tịnh tông.*

Do Phật lực gia bị nên hành nhân tâm mới được chẳng loạn. Khi đó, mười niệm liên tục liền được vãng sanh. Vì vậy, Tịnh tông được xưng tụng là Quả Giáo, là tha lực pháp môn, là đạo dễ hành, là thuyền từ độ khắp muôn loài ; những lời khen ngợi như vậy đều bắt nguồn từ câu ấy. Kinh nói: *‘Kẻ trong bậc hạ lâm chung mộng thấy đức Phật ấy cũng được vãng sanh’* lại càng hiển thị rõ tha lực thật chẳng thể nghĩ bàn!

*‘Tự nhiên hóa sanh trong hoa sen bảy báu’:* Kinh nói tự nhiên hóa sanh nhằm chỉ rõ chẳng phải là cách hóa sanh như bốn cách sanh: noãn, thai, thấp, hóa, như sách Pháp Hoa Văn Cú nói: *‘Thai Kinh nói: ‘Sanh trong hoa sen chẳng phải là cách hóa sanh như trong bốn cách sanh: noãn, thai, thấp, hóa. Chẳng phải là hóa mà nói là hóa’;* lại cũng chẳng phải là thấp sanh như kinh Niết Bàn nói: *Cô gái Am La Thọ sanh từ bông hoa của cây*

ấy (cây Am La) nên gọi là thấp sanh. Do thảo mộc trong uế độ thường có khí ẩm, những kẻ như cô Am La Thọ nương theo hơi ẩm đó mà sanh ra. Trong Tịnh Độ, hoa sen cùng người cùng sanh trong một lúc, tự nhiên hóa hiện, chẳng nhờ đến khí ẩm mà sanh nên chẳng phải là thấp sanh vậy.

*‘Trí huệ dũng mãnh’* là trí huệ sáng suốt, nhạy bén, phá được quân giặc phiền não, kiêu mạn nên bảo là *‘dũng mãnh’*. Trí Độ Luận nói: *‘Mũi tên trí huệ cứng bén phá các giặc kiêu mạn’*. Kinh Duy Ma cũng bảo: *‘Dùng gươm trí huệ phá giặc phiền não’*. Kinh Tâm Địa Quán cũng nói: *‘Pháp bảo ví như gươm trí huệ bén nhọn chặt đứt sanh tử vì là khỏi hệ phược’*.

*‘Thần thông tự tại’* là thần thông vô ngại như kinh dạy: *‘Có thể cầm hết thủy thế giới trong lòng bàn tay’*.

Quán kinh đã giảng rõ ba phẩm thuộc bậc thượng, nay tôi xin lược trích vài đoạn trong cuốn Quán Kinh Nghĩa Sở của ngài Gia Tường:

*‘a. Thứ nhất là thượng phẩm thượng sanh: phát Bồ Đề tâm, tu hành suốt bảy ngày thì sanh về cõi ấy, thấy thân Phật ấy, nghe giảng diệu pháp liền ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn. Phải biết rằng đây là mức vô sanh của bậc Thất Địa.’*

*b. Thứ hai là thượng phẩm trung sanh: chẳng nhất thiết phải đọc tụng kinh Đại Thừa, chỉ khéo hiểu được nghĩa lý, tin sâu nhân quả, chẳng báng Đại thừa, đem công đức ấy nguyện sanh cõi kia thì sẽ được vãng sanh trong hoa sen lớn trong ao bảy báu nơi cõi đó. Qua một đêm hoa nở, trải qua một tiểu kiếp đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Đây chính là mức vô sanh của bậc Thất Địa. Trong phẩm trên, thấy Phật nghe pháp, đắc ngay vô sanh, còn trong trung phẩm phải qua một tiểu kiếp mới đắc vô sanh.*

*c. Thứ ba là thượng phẩm hạ sanh. Hạng này cũng tin nhân quả, chẳng báng Đại thừa, ở trong hoa sen cõi ấy qua một ngày một đêm hoa sen mới nở. Lại phải qua ba tiểu kiếp mới đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa. Do hạ phẩm đắc Sơ Địa vô sanh nên ta biết hai phẩm trên là Thất Địa vô sanh’.*

Sách Di Đà Sớ Sao lại bảo trong bậc thượng phẩm, cao nhất là bậc Bát Địa. Sách viết: ‘[Giai vị trong] trong thượng phẩm là từ Nhất Địa cho đến Bát Địa. Một phẩm đã gồm nhiều phẩm nên với các phẩm khác cứ suy ra mà biết’. Như vậy, bậc thượng vãng sanh thấy Phật nghe pháp liền ngộ vô sanh có thể đạt tới bậc Bát Địa, đủ chứng tỏ họ là bậc ‘trí huệ dũng mãnh’.



Câu ‘muốn trong đời này được thấy A Di Đà Phật’ ý nói: hết thấy chúng sanh trong hiện tại và tương lai muốn ngay trong một đời đích thân mắt thấy A Di Đà Phật. Quán kinh nói thượng phẩm thượng sanh thì ‘A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn tỷ kheo Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, cung điện bảy báu. Quán Thế Âm Bồ Tát tay cầm đài kim cang cùng Đại Thế Chí đến trước hành giả. A Di Đà Phật phóng đại quang minh chiếu thân hành giả, các đại Bồ Tát đưa tay nghênh tiếp. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và vô số Bồ Tát khen ngợi hành giả, khích lệ tâm hành giả. Hành giả nghe xong hoan hỷ hơn hở, tự thấy thân mình ngồi đài kim cang theo sau chân Phật như trong khoảng khảy ngón tay vãng sanh cõi kia’.

Thượng phẩm trung sanh thì ‘lúc mạng sắp hết, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng, quyến thuộc vây quanh, cầm đài tử kim đến trước hành giả, khen rằng: «Ông hành Đại thừa hiểu Đệ Nhất Nghĩa; vì vậy ta nay đến nghênh tiếp ông». Ngàn vị hóa Phật cùng xòe tay, hành giả tự thấy mình ngồi trên đài tử kim, chấp tay khen ngợi chư Phật, như trong khoảng một niệm liền sanh trong ao bảy báu nơi cõi nước kia’.

Còn thượng phẩm hạ sanh thì ‘hành giả lúc mạng sắp dứt, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và các Bồ Tát cầm hoa sen vàng hóa ra năm trăm vị Phật đến đón người ấy. Năm trăm vị hóa Phật cùng lúc đưa tay khen rằng: ‘Pháp tử! Nay ông thanh tịnh phát Vô Thượng Đạo tâm, ta đến đón ông’. Lúc thấy sự đó liền tự thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng. Ngồi xong chấp tay theo sau Thế Tôn, liền được vãng sanh trong ao bảy báu’.

Quán kinh và kinh này cùng bảo trước lúc hành giả chết thấy Phật đến đón; đó chính là ‘ngay trong đời này thấy Phật A Di Đà’. Đời ác ngũ trước hiện nay là lúc không có Phật mà lại thấy được đức Phật Di Đà thì thật là hy hữu, toàn là nhờ vào Nhất Thừa nguyện hải của Phật Di Đà, sức bất khả tư nghì của sáu chữ hồng danh. Lại cũng do vì hành giả phát tâm Bồ Đề, một dạ chuyên niệm, rộng tích công đức, phát nguyện hồi hướng, cầu sanh cõi kia nên tương ứng với lời nguyện của Phật. Do đó, có thể thấy đức Phật. Do thấy Phật nên liền được vãng sanh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, ắt chứng Vô Thượng Bồ Đề.

Cuối đoạn kinh này lại nhắc lại: ‘Phải nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, lại nên chuyên nghĩ đến cõi nước Cực Lạc’. Đây chính là chánh nhân vãng sanh, lại còn bảo thêm: ‘Nên hồi hướng thiện

*căn đã tích tập*'. Do nhân thù thắng nên ắt phải cảm được quả báo mầu nhiệm. Do đó, kinh bảo: *'Do vậy thấy Phật sanh trong cõi kia, được bất thoái chuyển cho đến thành Vô Thượng Bồ Đề'*.

Do lời giải thích này đề cao tha Phật sợ rằng sẽ có kẻ ngờ vực, hiểu lầm Tâm tông, nên ở đây tôi xin dẫn lời ba cuốn luận để chứng minh thêm.

a. Một là Linh Phong đại sư viết trong sách *Yếu Giải* rằng:

*'Hỏi: Tâm này đã làm Phật, tâm này đã là Phật thì sao lại chẳng nói đến tự Phật là rốt ráo mà cứ cho tha Phật hơn tự Phật là vì sao thế?*

*Đáp: Pháp môn này hoàn toàn ở chỗ hiểu rõ tha Phật chính là tự Phật. Nếu không nói đến tha Phật thì chính là tha kiến chưa hết. Nếu thiên trọng tự Phật lại là ngã kiến điên đảo.*

*Hơn nữa, trong bốn lợi ích tất đàn (6), ba thứ lợi ích cuối chẳng thể tự mình phát khởi. Nếu chẳng thể mừng tin sâu xa nơi thế giới [Cực Lạc] thì hai thứ lợi ích: vui [Tịnh Độ], chán [Sa Bà] còn chẳng phát sanh nổi, huống là ngộ nhập được đức Phật nơi lý tánh. Chỉ có thể dùng sự trì để thấu đạt lý trì. Bởi vậy, Di Đà và thánh chúng hiện tiền chính là bốn tánh hiện rõ. Vãng sanh cõi kia, thấy*

*Phật nghe pháp chính là thành tựu huệ thân, chẳng do người khác mà ngộ.*

*Pháp môn này thâm diệu phá tan hết thấy hý luận, chặt sạch hết thấy ý kiến, chỉ bậc như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả... mới có thể triệt để gánh vác, thực hiện nổi! Còn thì những kẻ thế trí biện thông, bộn tinh thông cả Thiên lẫn Nho tận sức suy lường thì càng suy nghĩ càng xa vời vợi, chẳng bằng bọn ông già bà lão dốt nát siêng ròng niệm Phật lại ngẫm thông được với Phật trí, thâm hợp đạo mâu'.*

b. Hai là như Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói:

*'Hỏi: Lâm chung thấy Phật thì Phật đó là tự Phật hay là tha Phật? Nếu là tha Phật thì thành ra nghiệp ma; nếu là tự Phật lại do tướng lực tạo thành, hư vọng chẳng thật, làm sao vắng sanh được?*

*Đáp: Tự Phật hay tha Phật cũng đều là hý luận.*

*Ta, người cùng mắt, tự - tha nào khác. Pháp thân chư Phật trạm nhiên thường tịch. Do bốn nguyện nên cảm ứng đạo giao, là tự mà cũng chính là tha, chẳng hư, chẳng thật, chỉ là một Chơn Như trọn khắp pháp giới.*

*Chúng sanh do nghiệp duyên nên có sanh tử phần đoạn một cách hư huyền, giống như người ru rú trong nhà chẳng thấy mặt trời. Niệm lực chơn thành, vững chắc thì huyền duyên hết sạch như thể mái nhà bị thủng, mặt trời chiếu sáng lò. Tùy ý vãng sanh nhưng vẫn thuộc trong cái vốn sẵn có’.*

Lời luận này quét sạch hết thảy phân biệt: từ hay tha, chúng sanh hay Phật đều thành hý luận. Chỉ có một Chơn Như không lay động, trọn khắp, tùy ý vãng sanh Cực Lạc nhưng vẫn không ngoài tự tâm.

c. Ba là như Di Đà Sớ Sao nói:

*‘Chấp sự mê lý thì khác nào trẻ nít, kẻ u mê đọc sách của bậc thánh nhân đời xưa; mê muội, ấu trĩ nên chỉ đọc mà chẳng hiểu rõ nghĩa. Bởi vậy suốt ngày niệm Phật mà chẳng biết Phật niệm gì.*

*Chấp lý mê sự thì khác nào kẻ nghèo vớ được bằng khoán của người giàu có liền tự bảo mình giàu to, chẳng biết là mình chỉ đếm của cải người ta, ăn nhằm gì đến mình!*

*Cũng thế, kẻ tuy biết tâm chính là Phật, Phật chính là tâm lại đi phán đoán tâm chẳng phải là Phật. Vì thế, ước về Lý thì không có gì để niệm được; ước theo Sự thì trong cái không có gì để niệm được, ta cứ khăng khít niệm. Do niệm tức là*

vô niệm nên sự lý song tu, bốn trí trở lại thấu đạt Phật trí. Có như vậy mới gọi là đại trí’.

Sách Sớ Sao còn nói: ‘Dẫu chấp sự mà niệm thì vẫn chẳng mất công lao, vẫn đạt được các phẩm; ngược lại, chấp lý mà tâm chưa tỏ ngộ thì bị mắc họa đọa lạc’.

Lời Sao viết: ‘Giả sử cuồng huệ phóng túng tham đắm ngoan hư (ngoan không), chưa từng tỏ ngộ bốn tâm mà lại khinh Tịnh Độ, miệt thị vãng sanh thì cái hại ấy chẳng nhỏ; tức là: mới hiểu loáng thoáng cái Không đã bác bỏ nhân quả, vội vội vàng vàng chiêu cảm họa ương’.

Xin độc giả hãy đọc những lời này hai ba lượt, chớ đừng chấp lý, phé sự, kiêng nói tha Phật, khinh rẻ Tịnh Độ để tự chiêu cảm ương họa.

### **Chánh kinh:**

**Bậc trung là [những người] tuy chẳng thể thực hành hạnh Sa Môn, tu các công đức lớn lao, nhưng phải phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm A Di Đà Phật. Tùy sức mình tu hành các công đức lành, phụng trì trai giới, tạo dựng tháp tượng, dãi cơm Sa Môn, treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương, đem những việc ấy hồi hướng nguyện sanh cõi kia. Lúc người ấy lâm chung, A Di Đà Phật hóa ra thân có đủ quang minh, tướng hảo như đức Phật thật cùng các đại Bồ**

**Tát vây quanh trước sau hiện ra trước người ấy nhiếp thọ, dẫn đạo. Người ấy liền theo hóa Phật vắng sanh nước kia, trụ bất thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề; công đức, trí huệ gần bằng bậc trên.**

Giải:

Sách Lược Luận nói: *‘Vãng sanh bậc trung có bảy nhân duyên: một là phát tâm Vô Thượng Bồ Đề; hai là một bề chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật; ba là tu các thiện nghiệp dù nhiều hay ít, phụng trì trai giới; bốn là tạo dựng tháp tượng; năm là dâng cơm cho sa môn; sáu là treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương; bảy là đem công đức ấy hồi hướng nguyện sanh cõi kia’*. Sách Hội Sở cũng nói giống thế.

Điều thứ nhất là phát Bồ Đề tâm và điều thứ hai là “một bề chuyên niệm” đã được giải thích trong phần trên nên ở đây chẳng nhắc lại.

Điều thứ ba là *‘tùy sức mình tu hành các công đức lành’*, nghĩa là: tùy theo sức mình làm nổi mà nỗ lực thực hiện các công đức lành.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương quyển mười hai giảng chữ *‘trai giới’* như sau: *‘Đề phòng, ngăn cấm nên gọi là Giới, khiết tịnh nên gọi là Trai’*. Sách Tứ Phần Luật Âm Nghĩa giảng chữ *‘giới’* như

sau: *‘Giới là tên gọi khác của luật. Tiếng Phạn là tam-ba-la, Tàu dịch là Cấm. Giới có nghĩa là ngăn cấm’*. *‘Trai’* có nghĩa là chẳng ăn quá ngộ, chánh ngộ là chánh thời, còn những lúc khác đều là phi thời. Đúng thời (chánh thời) thì ăn, phi thời chẳng ăn. Chẳng ăn quá ngộ thì gọi là *‘trì trai’*. Sách Nam Sơn Nghiệp Lưu cũng bảo: *‘Trai nghĩa là tề chỉnh, tề chỉnh cái tâm mình, hoặc có nghĩa là trong sạch’*. Như vậy, trì trai chính là trừ sạch những gì bất tịnh trong tâm.

Sách Hội Sớ lại bảo: *‘Trai giới chính là Bát Quan Trai Giới và những giới thuộc Tiểu thừa hay Đại thừa. Giới là thầy của con người, đạo lần lượt đều phải tuân thủ. Tâm làm nghiệp chủ, phạm lần thánh đều phải chế ngự tâm. Chánh pháp trụ hay diệt toàn là nhờ vào giới. Giới sáng ngời như mặt trời, mặt trăng, tôn quý tựa bảo châu. Thà chịu khát mà chết chẳng đành uống nước có trùng (nước chưa lọc sạch còn có trùng nhỏ mắt không thấy được). Thà bị trói đến chết chẳng nỡ làm thương tổn lá cỏ’*.

Lời sớ đã bàn đến tột cùng điểm trọng yếu của trai giới. Chánh pháp có tồn tại được trong đời hay không toàn là cậy vào hành nhân có giữ giới được hay không! Vì vậy, thà mất cả thân mạng chẳng trái nghịch giới mình đã thọ. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói: *‘Vì vậy, phải biết rằng tư lương Tịnh Độ toàn là*



*cậy vào công đức. Nền móng của công đức không gì hơn nổi trì giới. Đó là vì giới tịnh ắt tâm tịnh, tâm tịnh thì quốc độ tịnh’.*

Thứ tư là ‘*tạo lập tháp tượng*’: Tháp nói đủ là ‘*tốt đồ ba*’, dịch là Miếu, hoặc là Phương Phần (ngôi mộ vuông), là nơi an trí xá lợi của Phật. Sách Hội Sớ bảo:

*‘Dựng tháp có ba nghĩa: một là để biểu dương bậc thù thắng hơn người, hai là khiến người khác sanh lòng tin, ba là báo ân. Kinh Pháp Hoa nói: ‘Chư Phật đã diệt độ, để cúng dường xá lợi nên dựng vạn ức ngôi tháp bằng vàng, bạc, pha lê... Hoặc dựng miếu bằng đá, bằng chiên đàn, trầm thủy, mộc mật, vật liệu khác: ngói, gạch, hoặc bùn đất...Hoặc ở nơi đồng trống, đắp đất thành miếu Phật, cho đến trẻ nít giỡn vun cát thành tháp Phật, những người như thế ấy đều đã thành Phật đạo’.*

Chữ ‘*tượng*’ chỉ tượng Phật. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, Phật thăng lên trời Đạo Lợi, vua Ưu Điền nhớ Phật nên dùng gỗ ngu đầu chiên đàn khắc thành tượng Phật cao năm thước. Đây là tượng Phật đầu tiên được khắc trong thế gian này. Kinh Pháp Hoa nói: ‘*Nếu ai vì Phật kiến lập các hình tượng Phật, khắc trở thành các tướng thì đều đã thành Phật đạo*’. Kinh Tạo Tượng Công Đức

cũng nói: *‘Nếu ai lúc lâm chung mà sai người tạo tượng [Phật], thậm chí chỉ nhỏ bằng hạt lúa mạch thì trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử trong cả ba đời’.*

Thứ năm, ‘*đãi cơm Sa Môn*’ chính là Trai Tăng, nghĩa là đem cơm và thức ăn cúng dường chúng Tăng. Kinh Lục Ba La Mật Đa nói: *‘Thí thực là thí năm sự. Những gì là năm?’*

a. *Một là thí mạng: Nếu người không ăn thì khó lòng giữ mạng được.*

b. *Hai là thí sắc: do được ăn nên nhan sắc vui vẻ.*

c. *Ba là thí lực: do thức ăn ấy nên được tăng trưởng khí lực.*

d. *Bốn là thí thuốc: do thức ăn ấy nên thân tâm an lạc.*

e. *Năm là thí biện: Nếu người bị đói khát thì thân tâm khiếp nhược, nói năng ấp úng, chẳng lưu loát nói. Được ăn no đủ thì thân tâm mạnh mẽ, bén nhạy, đắc đại biện tài, trí huệ vô ngại’.*

Sách Hội Sớ cũng nói: *‘Đãi ăn Sa Môn là như kinh dạy: “Dù cho các báu đây ấp cả tứ thiên hạ vẫn chẳng bằng thỉnh một vị sa môn thanh tịnh đến nhà cúng dường, được lợi còn gấp mấy lần”’.*

Thứ sáu, ‘treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương’.

‘Tăng’ nguyên là tên gọi chung các loại lưạ. ‘Huyền tăng’ (tạm dịch là ‘treo phan’) tức là dùng lưạ tạo thành các lá phan nhiều màu treo trong điện Phật. Kinh Bách DUYÊN nói: ‘Lúc Phật tại thế, có ông Bà Đa Ca trong quá khứ từng làm một lá phan dài treo nơi tháp của Phật Tỳ Bà Thi. Từ đấy trở đi, trong chín mươi một kiếp ông thường có tấm phan phủ quanh thân, hưởng phước khoái lạc. Sau đây xuất gia thành A La Hán’.

Chữ ‘đèn’ chỉ chung các loại đèn đuốc thắp sáng. Kinh Thí ĐĂNG Công ĐỨC dạy: ‘Phật bảo Xá Lợi Phất: «Hoặc có người để cúng dường tháp miếu, hình tượng của Phật nên phụng thí đèn sáng, thậm chí một ngọn đèn, một cây đuốc nhỏ, hoặc dùng dầu tô thắp lên để cúng thí. Dầu ánh đèn chỉ tỏa ánh sáng soi được một bậc thềm [của tháp miếu] thì này Xá Lợi Phất! Công đức như vậy hết thảy Thanh Văn, Duyên Giác chẳng biết nói, chỉ đức Phật Như Lai mới biết nói thôi!’.

‘Rải hoa’ (tán hoa) là rải rắc hoa tươi để cúng dường. Sách Hội Sớ nói: ‘Tán hoa là hoa nở thanh tịnh, diệu sắc, diệu hương rải khắp các cõi Phật. Nếu có hoa nở chư Phật sẽ đến ngự trên ấy. Vì vậy, hạ giới dùng hoa làm Tịnh Độ. Các hàng quỷ thần

*thấy sắc, ngửi mùi hoa đâm ghét, khác nào thấy sắc, hương của phân dơ* (nghĩa là các hàng quý thần coi sắc và hương hoa giống như phân dơ nên ghét bỏ).

Đà Ra Ni Tập kinh nói: *‘Nếu bốn bộ chúng dùng các thứ hoa rải lên Phật A Di Đà, phát nguyện, tụng chú thì được mười thứ công đức. Những gì là mười?’*

*Một là tự phát thiện tâm, hai là làm cho người khác phát sanh thiện tâm, ba là chư thiên hoan hỷ, bốn là thân mình đoan chánh, sáu căn đầy đủ chẳng bị tổn hoại; năm là chết đi sanh trong ao báu, sáu là đời đời kiếp kiếp thường sanh nơi chính giữa đất nước và sanh trong nhà quý tộc, sanh ra gặp Phật nghe pháp, chẳng sanh nơi biên địa hoặc sanh trong dòng họ hèn kém; bảy là thành Chuyển Luân Vương vua bốn cõi thiên hạ; tám là đời đời kiếp kiếp thường làm thân nam; chín là được sanh về cõi Phật A Di Đà, ngồi xếp bằng trên hoa sen bảy báu, thành bậc a bệ bát trí; mười là thành A Nậu Bồ Đề, ngồi trên tòa sư tử bảy báu, phóng quang minh lớn giống như đức Phật A Di Đà không khác’.*

*‘Đốt hương’ là thấp nhang để cúng dường. Vãng Sanh Tập Yếu ghi: ‘Tùy sức sắm sửa hoa hương cúng dường’. Sách Hội Sớ nói: ‘Nếu có ai đốt hương thơm, bọn ma sẽ bỏ chạy sang chỗ khác,*

*Phật, thần hoan hỷ thủ hộ, tu việc lành ắt được thành tựu. Như đại vương nước Na Càn Ha La hướng vọng về nơi đức Phật sanh mà đốt hương, làm lễ. Khói hương bay thẳng đến tinh xá của Phật như mây lưu ly trắng, nhiều quanh Phật bảy vòng, hóa thành đài vàng. Trong kinh Quán Phật có kể rõ chuyện này’.*

Đại Nhật Kinh Sớ cũng ghi: ‘*Thieu hương [để biểu thị] ý nghĩa trọn khắp pháp giới, như lúc thọ vương trên cõi trời nở hoa, mùi thơm thuận chiều gió hay ngược chiều gió tự nhiên tỏa khắp. Bồ Đề hương cũng vậy, mỗi một công đức được lửa trí huệ thieu, được gió giải thoát thổi, theo bi nguyện lực tự tại lan truyền, thơm khắp hết thảy. Vì vậy bảo là thieu hương’.* Tiếp đó, bản sớ này còn luận về lý lẫn sự của việc thieu hương nghĩa lý càng sâu sắc hơn nữa!

Điều thứ bảy là ‘*đem những việc ấy hồi hướng nguyện sanh cõi kia’.* Sự khẩn yếu của việc phát nguyện trong phần giải thích về bậc thượng vãng sanh đã bàn qua; ở đây tôi lại trích dẫn bài kệ khuyên người phát nguyện của ngài Từ Chiếu Tông Chủ: ‘*Trì giới chẳng tin, nguyện thì chẳng được sanh Tịnh Độ, chỉ hưởng phước trời, người. Phước hết chịu luân hồi... Do sức phát nguyện trì giới, hồi hướng nên sanh Lạc quốc. Cùng hành trì như thế*

*thì ngàn người chẳng mất một (ngàn người không sót người nào là không được vãng sanh).’*

Sách Hội Sớ lại bảo: *‘Hồi hướng nguyện sanh là khéo hồi hướng các điều thiện như trên thì tạo thành cái nhân được vãng sanh. Nếu chẳng hồi hướng thì chẳng thành cái nhân vãng sanh’*. Những câu trên cùng chỉ rõ hồi hướng phát nguyện là điều không thể thiếu được.

*‘Lúc người ấy lâm chung, A Di Đà Phật hóa ra thân có đủ tướng hảo, quang minh như đức Phật thật’*. Sách Viên Trung Sao nói: *‘Chữ “đức Phật thật” chỉ Ứng Thân của Phật Di Đà. Hóa Thân từ Ứng Thân biến ra, ngài lại biến hóa ra thân ấy để đến tiếp dẫn’*. Sách Hội Sớ nói: *‘Đủ các tướng hảo, quang minh như đức Phật thật’ là như trong Quán kinh nói ba phẩm bậc thượng lúc lâm chung đều thấy A Di Đà Phật và hóa Phật đến đón người ấy. Vì vậy, “đức Phật thật” là đức Phật được bậc thượng phẩm trông thấy, các phẩm khác cứ căn cứ theo đó mà biết’*.

Người bậc trung lúc lâm chung được thấy Hóa Phật cũng nhất định được vãng sanh vì các thân của Phật chẳng một, chẳng khác, nên người ấy đi theo Hóa Phật vãng sanh An Lạc, trụ bất thoái chuyển, nhưng *‘công đức trí huệ kém hơn bậc thượng’*.

Ngoài ra, đối với ba phẩm vãng sanh bậc trung, Quán kinh chẳng nói là đã phát Bồ Đề tâm. Sau khi sanh về Cực Lạc, họ đều chứng quả vị trong Thanh Văn thừa. Chẳng hạn như, trung phẩm thượng sanh khi hoa nở liền đắc quả A La Hán; trung phẩm trung sanh bảy ngày hoa nở, đắc Tu Đà Hoàn, sau nửa kiếp thành A La Hán; trung phẩm hạ sanh cũng sau bảy ngày mới đắc Tu Đà Hoàn, phải hết một tiểu kiếp mới thành A La Hán. Đấy đều là thánh quả Tiểu thừa vậy.

Thiện Đạo đại sư bảo trung phẩm thượng sanh là hạng phàm phu thượng thiện căn tánh Tiểu thừa; trung phẩm trung sanh là hạng phàm phu Tiểu thừa hạ thiện; trung phẩm hạ sanh là hạng phàm phu làm điều lành thế gian, phước lớn. Các kinh, luận vừa dẫn dường như mâu thuẫn với kinh này vì những người thuộc bậc trung đều là hành nhân Đại Thừa đã phát Bồ Đề tâm, hễ sanh về đó đều bất thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề.

Sách Vãng Sanh Luận nói: '*Nhị Thừa chủng chẳng sanh*' nghĩa là hạng chủng tánh Nhị Thừa chẳng thể vãng sanh, thật khế hợp với kinh này, nhưng lại mâu thuẫn những kinh, luận nói trên. Với những điểm mâu thuẫn ấy, ngài Tịnh Ảnh đã giải thích thật khéo léo. Ngài viết như sau:

‘Ngài Thiên Thân viết trong *Vãng Sanh* kể rằng chúng tánh Nhị Thừa đều chẳng được vãng sanh, Quán kinh lại bảo chúng sanh Nhị Thừa cũng được vãng, nghĩa là làm sao?’

*Xin giải thích: Nói Nhị Thừa chẳng được vãng sanh là nói về lúc đã vãng sanh trong cõi ấy rồi. Chúng sanh Tiểu Thừa là [người] trước đã từng quen tu tập [Tiểu Thừa], nhưng đến khi lâm chung phải phát tâm Đại thừa thì mới được vãng sanh. Nếu dùng tâm Tiểu thừa cầu sanh cõi ấy thì không khi nào được vãng sanh. Vì vậy ngài Thiên Thân bảo chúng tánh Nhị Thừa chẳng được vãng sanh!*

*Hỏi: Nếu bảo là đã dùng tâm Đại Thừa để vãng sanh thì tại sao sanh cõi kia xong lại chứng Tiểu quả?*

*Đáp: Do người ấy vốn đã tu tập Tiểu Thừa lâu ngày nên quen học cách quán sát Khổ, Vô Thường v.v... nơi những pháp ấy. Sanh qua cõi kia, nghe nói Khổ, Vô Thường v.v... liền ngộ giải nên chứng Tiểu quả. Vốn do lúc lâm chung phát tâm Đại Thừa cầu vãng sanh cõi kia nên khi đã đắc quả La Hán trong cõi kia liền sẽ cầu Đại thừa (hồi Tiểu hướng Đại).*

### **Chánh kinh:**

**Bậc hạ là [những người] giả sử chẳng thể làm các công đức thì nên phát tâm Bồ Đề, một**



**dạ chuyên niệm A Di Đà Phật, hoan hỷ tin ưa, chẳng sanh ngờ vực, dùng tâm chí thành nguyện sanh cõi kia. Người ấy lâm chung mộng thấy đức Phật đó cũng được vãng sanh. Công đức trí huệ kém hơn bậc trung.**

Giải:

Bậc hạ vãng sanh có ba nhân duyên: Một là phát Bồ Đề tâm, hai là một dạ chuyên niệm, ba là chí thành nguyện sanh. So với bậc trung, bậc này chỉ chẳng thể làm các công đức.

*‘Hoan hỷ tin ưa, chẳng sanh ngờ vực’* chính là *‘chí tâm tin ưa’* đã nói trong đại nguyện *‘mười niệm ắt được vãng sanh’*.

*‘Dùng tâm chí thành nguyện sanh cõi kia’* chính là tâm chí thành và tâm hồi hướng phát nguyện được nói trong Quán kinh.

Hơn nữa, do ba bậc vãng sanh đều nói *‘phải phát Bồ Đề tâm’* nên Tịnh Ảnh Sớ mới viết: *‘Trong ba bậc này, địa vị tuy sai khác, nhưng muốn được vãng sanh thì phải phát tâm cầu Đại Bồ Đề, chuyên niệm đức Phật ấy, hồi hướng phát nguyện thì mới được vãng sanh’*.

Về câu *‘mộng thấy đức Phật ấy’* có đến hai cách giải thích hơi khác nhau:

a. Một là như ngài Vọng Tây cho rằng trước hết là mộng thấy, lúc lâm chung chính mắt thấy. Ngài viết:

*‘Do vì ba bậc đều có mộng thấy, mắt thấy. Giác kinh nói về bậc thượng như sau: “Trong lúc ngủ nghỉ, mộng thấy Vô Lượng Thanh Tịnh Phật và các Bồ Tát, A La Hán. Người ấy lúc mạng sắp hết thì đích thân Vô Lượng Thanh Tịnh Phật và các Bồ Tát, A La Hán bay đến đón tiếp”’.*

*Bậc trung cũng mộng thấy đức Phật. [Đó là] điềm báo trước được vãng sanh, lúc lâm chung đến đón. Do bốn nguyện lợi ích thù thắng nên phải có đủ hết. Nếu Phật chẳng đến đón, hóa ra là bốn nguyện dối bày. Còn trong kinh vẫn chẳng nói đến đón là chỉ để phân biệt sự sai khác giữa ba bậc, nghĩa là: bậc thượng là báo Phật [đến đón], bậc trung là hóa Phật, bậc hạ là mộng Phật.*

*Thật ra, sau khi mộng thấy Phật, ắt thấy Phật đến đón. Do đó, Quán kinh nói hóa Phật đến đón. Ác nhân còn được như thế huống là thiện nhân?’*

Lời biện luận trên đây có ba điểm chính:

\* Đức Phật Di Đà có bốn nguyện lâm chung tiếp dẫn nên nếu với bậc hạ, ngài chẳng đến nghênh tiếp thì

trái nghịch với bốn nguyên.

\* Theo Quán kinh, bậc hạ đều là kẻ ác mà Phật còn đến tiếp đón, bậc hạ trong kinh này đều là người lành lẽ nào Phật lại chẳng đón!

\* Trong hai bậc thượng và trung được nói trong hai bản dịch đời Hán và Ngô đều bảo trước mộng thấy Phật, sau đấy lúc lâm chung mới thấy Phật nên bậc hạ cũng phải hưởng tương tự. Vì vậy, kinh này bảo là ‘mộng thấy’ là nói về điều trước khi lâm chung. Quán kinh bảo thấy Phật là nói lúc lâm chung. Đây là thuyết thứ nhất.

b. Riêng Hội Sớ bảo rằng đích thật là Phật đến đón nhưng phảng phất như trong giấc mộng. Sách viết:

*“Mộng thấy đức Phật ấy”: Quán kinh nói người trong ba phẩm hạ trong khoảnh khắc lâm chung, lửa địa ngục hiện đến, tuy Phật có đến đón, nhưng thấy mơ hồ chẳng rõ, tựa hồ như trong giấc mộng. Nếu chẳng phải vậy thì làm sao thần thức an nhàn vãng sanh nói?”*

Ý nói: Như Quán kinh dạy người thuộc hạ phẩm lúc lâm chung các ngọn lửa từ địa ngục cùng lúc hiện tới, các khổ chen nhau bức bách, tuy Phật hiện tiền nhưng thần thức chẳng thanh tịnh, chẳng thật rõ ràng, nên chỉ thấy Phật một cách phảng phất

như trong giấc mộng; nên bảo là ‘*mộng thấy đức Phật ấy*’. Nếu thật chẳng có Phật đến đón thì làm sao có thể an nhàn mười niệm để thần thức theo chân Phật sanh về Cực Lạc?

Hai cách giải thích này tuy hơi khác nhau nhưng cùng chia sẻ quan điểm: người bậc hạ vãng sanh cũng có Phật đến đón. Đường dẫn khác nhưng cùng dẫn về một chốn nên tôi trích dẫn cả hai để chứng minh ý chỉ đoạn kinh này.

Người trong ba phẩm hạ của Quán kinh đều là kẻ ác. Thiện Đạo đại sư bảo hạ phẩm thượng sanh là kẻ phạm phu tạo tội thập ác nhẹ, hạ phẩm trung sanh là kẻ phá giới phạm tội bậc thứ, hạ phẩm hạ sanh là kẻ phạm phu trọng tội tạo đủ: ngũ nghịch, thập ác v.v... Người thuộc hạ phẩm trong Quán kinh đều là ác nhân chẳng giống với người bậc hạ nói trong kinh này, vì sao vậy?

Ngài Vọng Tây giải thích: ‘*Là vì trong bậc hạ có nhiều loại. Quán kinh nói về kẻ ác, kinh này bàn về người thiện. Vì thế, Giác kinh (tức là kinh Vô Lượng Thọ, bản Hán dịch) bảo: “[Ba bậc ấy] phải đoạn ái dục, không tham đắm gì, Từ tâm, tinh tấn, chẳng nên sân hận, trai giới thanh tịnh. Thanh tịnh như thế rồi nhất tâm niệm, muốn được sanh trong cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh”*’.

Do các phẩm loại vãng sanh muôn vàn sai khác nên ba bậc chín phẩm đều chỉ là cách phân định phẩm loại một cách thô sơ. Ngay trong một bậc hạ đã phân ra vô số loại, kinh kia (Quán kinh) nói về kẻ ác, kinh này nói về người lành. Những người bậc hạ được nói trong bản Hán dịch đích thực là người tu thiện.

Hơn nữa, người vãng sanh thuộc hạ phẩm của Quán kinh lúc sanh tiền tuy là người ác, nhưng sau khi hoa nở lại đều là người Đại Thừa. Hạ phẩm thượng sanh sau bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở, qua mười tiểu kiếp mới nhập Sơ Địa. Hạ phẩm trung sanh phải sau sáu tiểu kiếp hoa sen mới nở, nghe nói kinh điển Đại Thừa rất sâu liền lập tức phát Vô Thượng Đạo Tâm. Hạ phẩm hạ sanh phải đủ cả mười hai đại kiếp hoa sen mới nở, nghe pháp hoan hỷ, ngay lập tức phát tâm Bồ Đề.

Ngài Gia Tường viết trong Quán Kinh Nghĩa Sớ như sau: *‘Do thượng phẩm tu nhân Đại Thừa nên đắc quả Đại Thừa. Trung phẩm do tu nhân Tiểu Thừa nên lại đắc quả Tiểu Thừa. Hạ phẩm tuy trong hiện tại chẳng tu điều lành Đại Thừa lẫn điều lành Tiểu Thừa, nhưng lúc lâm chung gặp thiện tri thức giảng cho diệu pháp Đại Thừa. Do nghe pháp Đại Thừa nên đắc quả Đại Thừa’.*

Kinh A Di Đà bảo những thiện nam tử, thiện nữ nhân chấp trì danh hiệu được sanh về Tịnh Độ thì *‘người ấy lúc lâm chung, A Di Đà Phật cùng các thánh chúng hiện ở trước mặt’* rất phù hợp với thuyết ba bậc vãng sanh được thấy Phật của kinh này.

Kinh Xung Dương Chư Phật Công Đức cũng nói: *‘Nếu có kẻ được nghe danh hiệu của Vô Lượng Thọ Như Lai... lúc lâm chung nhất tâm tin ưa, chẳng phé bỏ niệm thì A Di Đà Phật dẫn chúng tăng đứng trước người ấy, ma trợn chẳng phá hoại nổi tâm chánh giác của người đó’*.

Kinh Cổ Âm Vương cũng bảo: *‘Nếu có tứ chúng có thể thọ trì danh hiệu đức Phật ấy một cách chơn chánh thì lúc lâm chung, A Di Đà Phật liền cùng đại chúng đến chỗ người ấy, khiến cho người ấy được thấy’*.

Kinh Hoa Nghiêm lại dạy: *‘Như Lai có mười thứ Phật sự. Một là nếu có chúng sanh chuyên tâm nghĩ nhớ ngài thì Phật sẽ hiện ra trước mặt’*. Những đoạn kinh vừa dẫn đều là những chúng có hiển nhiên cho lời dạy trong kinh này.

Thế nhưng Như Lai vốn chẳng đến đi, sao lại bảo Phật hiện trước mặt? Ba vị đại sư Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích đã giảng nghĩa điều này rất sâu xa.

Những lời giảng ấy rất tinh diệu, khế hợp bốn hoài đức Phật nên tôi cung kính chép ra như sau:

\* Trong quyển Sớ Sao, ngài Liên Trì bảo:

*‘Cổ đức bảo Phật chẳng đến đi thì làm sao lại có chuyện Phật hiện ở trước mặt?’*

*Đáp: Cảm ứng đạo giao chẳng trở ngại chuyện đến hay đi! Chẳng thấy mà lại thấy nên ngài Vĩnh Minh bảo: “Biết huyền chẳng phải là thật thì tâm lẫn Phật đều mất. Chẳng phải là vô huyền tướng nên chẳng hoại tâm và Phật”. Ngài lại bảo: “Pháp thân chơn Phật vốn chẳng sanh diệt, từ chơn thật mà hóa hiện ra như vậy để tiếp dẫn căn cơ còn mê”.*

*Đây chính là bốn nguyện công đức của Như Lai khiến cho chúng sanh hữu duyên chuyên tâm tưởng niệm, ngay trong tự tâm thấy được Phật đến đón, chẳng phải là chơn Phật thật sự sai hóa thân đến đón tiếp. Thân Phật trạm nhiên thường tịch mà chúng sanh thấy có đến, đi như ảnh hiện trong gương, chẳng phải ở trong, chẳng phải là bên ngoài, như chuyện trong mộng chẳng có, chẳng không.*

*Lại như kinh dạy: “Cần phải do Phật thân mới được độ thì ngài liền hiện thân Phật để thuyết pháp” cũng chính là ý này. Vì vậy, nước trong thì*

*trăng tự hiện, tâm tịnh thì Phật tự hiện, nên mới bảo cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn’.*

\* Trong tác phẩm Viên Trung Sao, đại sư U Khê viết:

*‘Phàm là thấy Phật thì phải bàn đến cảm ứng.*

*Nếu bình thời tu tham Thiên hoặc tu Không quán, đã quét sạch tất cả, ngay cả Phật còn chẳng có; nếu bỗng thấy Phật thì ắt là cảnh ma hoặc do công dụng hiển hiện khiến cho đức Phật trong tâm tự hiện, nhưng cũng phải quán Không, chớ chấp vào tướng.*

*Còn như niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, lâm chung thấy Phật thì đó là do cái nhân này cảm ứng một cách nhiệm mầu. Lại do chúng sanh và Phật vốn cùng một thể, cảm ứng đạo giao, pháp vốn là như vậy. Nếu chẳng hiểu rõ điều này lại vọng luận, tà đàm thì chẳng những tự chướng mà còn làm chướng người, với pháp môn này sanh tội lỗi lớn!’.*

\* Trong sách Yếu Giải, tổ Ngẫu Ích viết:

*‘Mười vạn ức cõi chẳng ra ngoài tánh của một niệm tâm hiện tiền của ta, vì tâm tánh vốn không có bên ngoài. Lại nương nhờ vào sức tiếp dẫn của đức Phật ngay trong tự tâm nên khó gì mà chẳng được sanh ngay. Như tấm gương chiếu mấy mươi tầng núi, sông, lầu gác, tầng nào lớp nấy*



*rành rành, thật chẳng có xa gần. Cứ một phen soi đến là đều hiện rõ cả, chẳng có trước, sau!*

*Câu “từ đây đi qua Tây phương khỏi mười vạn ức cõi Phật, có thể giới tên là Cực Lạc” cũng có ý nghĩa giống thế. Câu “cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà nay hiện còn thuyết pháp” cũng nghĩa như thế. Câu “người ấy lúc lâm chung A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc chết tâm chẳng điên đảo liền được vãng sanh cõi nước A Di Đà Phật” cũng nghĩa như thế. Cần biết rằng mỗi chữ đều là lời văn thiêng liêng về Hải Ấn tam muội, Đại Viên Kính Trí’.*

Quả thật như lời đại sư Linh Phong tán thán, từng chữ trong kinh này đều là lời văn thiêng liêng diễn tả Hải Ấn tam muội, Đại Viên Kính Trí.

Cả ba lời luận bàn trên đều ‘thở cùng một lỗ mũi’ với các tổ Thiên lẫn Tịnh, chính là từ trong Đại Quang Minh tạng tự nhiên biến hiện:

Do tự và tha chẳng hai nên tự lẫn tha đều hết như nhau. Do tự và tha chẳng hai nên vị Phật đến đón đó chính là đức Phật trong tâm mình. Lại do tự và tha giống hết nhau nên ngay nơi Phật thật sự chẳng đến, người cũng chẳng đi ấy, lúc lâm chung lại rành rành hiển hiện việc có Phật đến đón vãng

sanh Cực Lạc. Sự, lý viên dung tự tại vô ngại, chỉ tin được nổi đã đạt lợi ích vô lượng.

Ngoài ba loại vãng sanh trên đây, đoạn kinh tiếp theo đây sẽ nói đến loại ‘nhất niệm tịnh tâm, thập niệm, nhất niệm vãng sanh’. Loại này còn được gọi là ‘nhất tâm tam bối’.

Khái niệm ‘nhất tâm tam bối’ do lão pháp sư Từ Châu, một vị đại đức bên Luật Tông, ở chùa Tịnh Liên, Bắc kinh đề xướng trong tác phẩm Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Khoa Phán. Pháp sư chính là một trong ba vị đại cao tăng hiện đại của miền Hoa Bắc. Ngài từng chuyên giảng kinh này ở Tế Nam và Bắc Kinh và từng soạn khoa phán cho kinh này (tác phẩm khoa phán ấy được ấn hành năm Kỷ Mão – 1939).

Khái niệm ‘nhất tâm tam bối’ của ngài đã hiển lộ chơn lý mẫu nhiệm của Tịnh tông đã bị ẩn kín bấy lâu nay. Ý chỉ Thiền Tịnh bất nhị cũng nhờ phán định này của ngài mà càng được bày tỏ rõ ràng.

### **Chánh kinh:**

**Nếu có chúng sanh trụ trong Đại Thừa, dùng tâm thanh tịnh hướng về Vô Lượng Thọ Phật dẫu chỉ mười niệm nguyện sanh cõi kia, nghe pháp thậm thâm liền sanh tin hiểu; thậm**

**chí đạt được một niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm niệm đức Phật kia thì người ấy lúc mạng sắp dứt, giống như ở trong mộng thấy A Di Đà Phật, quyết định sanh trong cõi ấy, được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề.**

Giải:

Cả đoạn kinh trên hoàn toàn trích từ bản Đường dịch. Cả hai bản Ngụy dịch và Đường dịch dường như xuất phát từ cùng một Phạn bản, nhưng lời kinh trong bản Đường dịch mạch lạc phân minh hơn, lời văn phong phú, ý nghĩa sâu sắc vượt xa bản Ngụy dịch.

Bản Ngụy dịch ghi chép những ý này tản mác ở đầu phẩm đầu lẫn cuối phẩm. Trước phần nói về bậc thượng vãng sanh, bản Ngụy dịch chép: ‘*Có các chúng sanh nghe danh hiệu ngài lòng tin hoan hỷ thậm chí một niệm chí tâm hồi hướng nguyện sanh cõi ấy thì liền được vãng sanh*’; kế đó, trong phần nói về bậc hạ vãng sanh lại bảo:

*‘Có kẻ chí tâm muốn sanh cõi ấy nhưng giả sử chẳng thể làm các công đức thì phải nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, một bề chuyên niệm, dầu chỉ mười niệm, niệm Vô Lượng Thọ Phật nguyện sanh cõi ngài. Nếu nghe pháp sâu mà hoan hỷ, tin ưa chẳng sanh ngờ vực thậm chí trong một niệm, niệm*

*đức Phật ấy, dùng tâm nguyện sanh cõi ngài thì người ấy lúc lâm chung mộng thấy đức Phật đó cũng được vãng sanh. Công đức, trí huệ kém hơn bậc trung’.*

Đại sư Hải Đông Nguyên Hiểu đời Đường dựa theo bản Nguyên dịch đã viết trong tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu như sau:

*‘Trong bậc hạ, [kinh] nói đến hai hạng người. Trong hai hạng người đó, [với mỗi hạng] đều có ba câu. Ba câu của hạng đầu là:*

*a. Một là giả sử chẳng thể làm các công đức thì phải phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, đây là chánh nhân.*

*b. Hai là dấu chỉ mười niệm chuyên niệm đức Phật kia, đây là duyên để trợ giúp cho nghiệp được viên mãn.*

*c. Ba là nguyện sanh cõi kia, nguyện này hợp với những điều trên tạo thành chánh nhân.*

*Đây là nói về hạng người bất định tánh.*

*Ba câu của hạng thứ hai là:*

*a. Một là nghe pháp thậm thâm, hoan hỷ tin ưa. Câu này nói rõ thêm về chánh nhân phát tâm: hạng này chỉ khác với hạng trên ở chỗ có lòng tin sâu xa.*

*b. Hai là thậm chí trong một niệm, niệm đức Phật kia. Đây là duyên để trợ giúp cho nghiệp được viên mãn. Câu này chỉ rõ: hạng trên do không có lòng tin sâu xa nên cần phải có mười niệm, còn hạng này do lòng tin sâu xa nên chẳng cần phải đủ cả mười niệm (trộm nghĩ: ngài Nguyên Hiểu đưa ra thuyết này vì chỉ dựa trên bản Ngụy dịch. Nếu xét theo hội bản, một niệm mà được vãng sanh thì toàn là do đạt được một niệm tịnh tâm. Từ trong nhất tâm, niệm danh hiệu Phật một tiếng thì ngay lập tức tương ứng với bốn nguyện của Phật Di Đà, vì vậy khi lâm chung liền được vãng sanh).*

*c. Ba là dùng tâm chí thành nguyện sanh cõi kia. Nguyện này hợp với những điều trên tạo thành nhân.*

*Đây là nói về hạng người thuộc chủng tánh Bồ Tát (Đây là như bản Ngụy dịch chép là ‘trụ trong Đại Thừa’).*

Ý ngài bảo: Trong bậc hạ vãng sanh có đến hai hạng:

a. Một là hạng phát Bồ Đề tâm, mười niệm thánh hiệu nguyện sanh cõi kia liền được vãng sanh. Đó là hạng Bất Định Tánh.

b. Hai là nghe pháp sanh lòng tin sâu xa, thậm chí trong một niệm nguyện sanh cõi kia liền được vãng sanh. Đây là hạng chúng tánh Bồ Tát.

Ngài Nguyên Hiểu thật đã xét tường tận trong phần kinh văn nói về bậc hạ vãng sanh nên nhận thấy rằng trong bậc hạ có các phẩm loại khác nhau. Thử hỏi *‘nghe pháp thậm thâm, hoan hỷ tin ưa, chẳng sanh ngờ vực’* là cảnh giới của hạng người nào? Vì vậy, ngài Nguyên Hiểu mới gọi họ là *‘hạng người chúng tánh Bồ Tát’*. Phải là chúng tánh Bồ Tát mới có thể tin sâu, mới khởi tâm niệm Phật, *‘dùng tâm chí thành nguyện sanh cõi ngài’*. Những người như vậy thật chẳng thể coi là thuộc trong hạng người bậc hạ được.

Báo Ân Luận cũng bảo: *‘Xét kỹ ra, đoạn kinh nói về mười niệm vãng sanh đây là chuyên bàn về hạng người trụ trong Đại Thừa. Xét trong Đại Thừa, người giải ngộ trong Thiên Tông và người giải ngộ do đọc hết thấy kinh điển Đại Thừa đều thuộc về hạng này (tức là hạng ‘trụ trong Đại Thừa, mười niệm vãng sanh’). Những người ấy chẳng chuyên tu Tịnh Độ, chẳng hạn như các vị Trí Giả, Vĩnh Minh v.v...’*

Kiến giải này so với lời bàn định của ngài Nguyên Hiểu càng cao hơn một bậc nữa (chỉ tiếc là dùng Vĩnh Minh đại sư làm thí dụ thì chưa ổn thỏa mấy vì ngài ngày đêm niệm Phật đến cả mười vạn

tiếng). Kinh nói người trụ trong Đại Thừa, tâm thanh tịnh, nghe pháp thâm thâm liền sanh tin hiểu. Hạng người trí huệ nhạy bén, tín nguyện kiên cố như vậy thì chỉ có các bậc đại lão như Trí Giả, Vĩnh Minh, Trung Phong mà thôi. Những vị căn cơ ngang với các ngài Trí Giả, Vĩnh Minh, Trung Phong thì lẽ đâu thuộc bậc hạ?

Bởi vậy, trong Hội Bản, sau phần nói về bậc hạ, cụ Hạ Liên Cư đã chép nguyên bản Đường dịch thành một đoạn riêng với thâm ý: ngoài ba bậc vãng sanh còn có riêng một loại, tức là như pháp sư Từ Châu đã phán định là hạng ‘*nhất tâm tam bối*’.

Hạng nhất tâm tam bối này có riêng cách tu giản lược của bậc đại nhân, vượt khỏi quy cách vãng sanh thông thường. Cách tu giản lược đó chính là ‘*nhất tâm*’. Chữ ‘*nhất niệm tịnh tâm*’ nói trong phẩm này chính là chữ ‘*nhất niệm tịnh tín*’ nói trong phẩm ‘Mười Phương Phật Khen Ngợi’. Trong phẩm đó đã nói:

*‘Thậm chí có thể phát niệm tịnh tín đem tất cả thiện căn chí tâm hồi hướng nguyện sanh cõi kia đều tùy nguyện vãng sanh’*; phẩm này lại dạy: *‘Thậm chí đạt được một niệm tịnh tâm, phát một niệm tâm, niệm đức Phật kia... quyết định sanh về cõi ấy’*.

Tiền hậu hô ứng cùng hiển hiện ý chỉ nhất tâm, nhất niệm. Đây thật là diệu thể của pháp môn Tịnh Độ. Bản hội tập của cụ Hạ và lời khoa phán của Từ Châu lão pháp sư đều khế hợp bốn hoài của chư Phật, diễn bày sâu xa ý chỉ Thiền, Tịnh bất nhị, thật là có công lớn với Thánh giáo.

Nhất tâm và nhất niệm tuy dùng chữ khác nhau, nhưng ý nghĩa chỉ là một. Sách Giáo Hạnh Tín Chứng nói: *‘Nhất niệm là tín tâm không có nhị tâm nên bảo là nhất tâm; đấy gọi là nhất tâm. Nhất tâm chính là cái nhân chơn thật của cõi báo độ thanh tịnh’*. Nghĩa là: lòng tin không có tâm nào khác xen vào thì gọi là nhất tâm, mà cũng chính là nhất niệm. Đó cũng gọi là cái nhân chơn thật của thanh tịnh báo độ, tức là người vãng sanh ắt sẽ chứng cõi Thật Báo Trang Nghiêm để thành bậc địa thượng Đại Sĩ (bậc Bồ Tát thuộc địa vị Thập Địa). Do đây ta thấy công đức của nhất tâm thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.

Sách Tín Tâm Minh có câu: *‘Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm. Ngôn ngữ bất dứt, chẳng có quá khứ, vị lai, hiện tại’*. Câu này cũng nhằm minh thị tín tâm bất nhị chính là nhất tâm chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, một niệm tín tâm thì tùy nguyện được vãng sanh.

Sách Viên Trung Sao lại bảo: *‘Trì danh nhất tâm bất loạn là nhân. Đắc nhất niệm là nói về hạnh*



*được thành tựu. Sức của nhất niệm có công năng điều phục hoặc chướng. Lâm chung chánh niệm tự nhiên hiện tiền, tất yếu được vãng sanh Tịnh Độ’.*

Ý nói: trì danh tâm chẳng tán loạn là nhân hạnh, đạt được ‘*nhất niệm*’ chính là quả thành tựu của hạnh. Nếu đạt được nhất niệm thì lúc lâm chung dẹp tan được các hoặc, chánh niệm tự nhiên hiện tiền; đây là cái nhân quyết định vãng sanh. Do vậy, kinh này dạy: ‘*Phát nhất niệm tâm, niệm đức Phật ấy, quyết định sanh về cõi kia*’.

Tuy sách Di Đà Yêu Giải còn bảo mười niệm cho đến một niệm vãng sanh là nói về lúc lâm chung, nhưng thuyết ấy chẳng mâu thuẫn điều chúng ta đang bàn ở đây. Nếu bình thời phát khởi được nhất niệm thanh tịnh tâm, ngầm khế hợp lý, nhập được nhất niệm thì do sức của nhất niệm, lúc lâm chung sẽ thành tựu mười niệm hay một niệm như Viên Trung Sao bảo: ‘*Sức của một niệm này có công năng điều phục được các hoặc chướng, lâm chung chánh niệm tự nhiên hiện tiền*’.

Trong nhất tâm lại có sự lẫn lộn:

a. **Sự nhất tâm** là như Di Đà Sớ Sao nói: ‘*Nghe danh hiệu Phật thường nhớ, thường niệm, tâm duyên theo từng chữ phân minh. Câu trước, câu sau liên tục chẳng dứt. Đi, đứng, nằm, ngồi chỉ*

*có một niệm này, không còn có niệm thứ hai, chẳng bị tham, sân, si phiền não tạp loạn. Về mặt sự đã đắc, nhưng chưa thấu triệt mặt lý. Chỉ được tín lực nhưng chưa thấy đạo nên gọi là sự nhất tâm’.*

Sách Di Đà Yếu Giải lại bảo: ‘*Chẳng luận là sự lý hay lý trì, trì đến mức dẹp trừ được phiền não, thậm chí kiến hoặc lần tư hoặc đều hết sạch cả, thì đều là sự nhất tâm’.*

**b. Lý nhất tâm** là như sách Di Đà Sớ Sao nói: ‘*Nghe danh hiệu Phật chẳng những chỉ ức niệm mà ngay nơi niệm đó, quán trở lại soi xét tường tận, truy đến tận căn nguyên, suy xét đến tận cùng cực, đột nhiên khế hợp bốn tâm của chính mình. Do thấy được Chơn Đế nên gọi là lý nhất tâm’.*

Sách Di Đà Yếu Giải bảo: ‘*Chẳng luận là sự trì hay lý trì, trì đến mức tâm khai ngộ thấy được vị Phật nơi bản tánh thì đều là lý nhất tâm’.*

Trong hai thứ nhất tâm, lý nhất tâm là tối thượng.

Sách Di Đà Sớ Sao lại bảo: ‘*Chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng đến vãng sanh chính là sự nhất tâm. Chấp trì danh hiệu, trở về tự tâm chính là lý nhất tâm’.*

Kinh Na Tiên nói: ‘*Trong các điều thiện chỉ có nhất tâm là cao tột nhất. Nhất tâm rồi thì các điều thiện đều có’.* Sách Di Đà Sớ Sao nói: ‘*Toàn*

*thể của nhất tâm này là Phật. Nhất tâm này lại chính là định bậc nhất trong các thứ định, nó chính là Niệm Phật Tam Muội của Bồ Tát, chính là Thiên Trục Chỉ của Đạt Ma’.*

Theo những kinh, luận vừa dẫn trên, nhất niệm chính là nhất tâm, mà cái nhất niệm ấy lại chính là tự tánh bốn giác linh tri.

Ông Hạnh Tây Thị người Nhật bảo: *‘Nhất thừa chính là hoằng nguyện, hoằng nguyện chính là Phật trí, Phật trí chính là nhất niệm’.* Ông Hạnh Tây lập ra nghĩa nhất niệm như sau: nếu tín tâm phàm phu tương ứng được với nhất niệm Phật trí thì sự nghiệp vãng sanh tự nhiên hoàn thành, chẳng cần phải miệng chăm chăm niệm danh hiệu Phật cho nhiều.

Thuyết này tương tự như thuyết của Báo Ân Luận: Người tu Thiên tông ngộ điều mình tham cứu hay người đọc kinh mà giải ngộ rồi chuyên tu Tịnh Độ, nếu như đạt được một niệm tịnh tín thì được tương ứng với Phật trí, xưng danh hiệu Phật một tiếng liền được vãng sanh.

Nhưng trong Tịnh tông, chữ *‘một niệm’* hay *‘mười niệm’* lại chỉ việc phàm phu xưng niệm Phật hiệu một tiếng hay mười tiếng. Chẳng hạn như trong Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, ngài Nghĩa Tịch

giảng: *‘Niệm chính là xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Vừa hết sáu chữ ấy là một niệm’*, nghĩa là: niệm tụng Phật hiệu một tiếng là một niệm.

Quán kinh bảo hạ phẩm hạ sanh *‘chí tâm như thế khiến cho chẳng ngớt tiếng, đầy đủ mười niệm xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật nên trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Lúc mạng chung thấy hoa sen vàng to như bánh xe. Như trong khoảng một niệm liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới’*. Do vậy, ta thấy rằng mười niệm chính là mười tiếng.

Mười niệm thậm chí một niệm lúc lâm chung như vậy đều được vãng sanh như ông Bành Tế Thanh nói: *‘Như thật hồi hướng, một niệm niệm Phật thì không ai chẳng vãng sanh; đó là do sức bốn nguyện của Phật vậy’*.

So với cái tâm nhất niệm vừa bàn ở trên, mười niệm lúc lâm chung được giảng trong Quán kinh vừa tương đồng, vừa dị biệt. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã luận điều này rất mực tinh xác. Ngài viết:

*‘Nên biết rằng chí tâm niệm A Di Đà Phật một tiếng thì diệt được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử; đây chính là nói về lý nhất tâm. Ất có kẻ ngờ rằng: tội đã nhiều kiếp, nghiệp nặng chướng sâu, phải siêng năng sám hối lâu ngày, tích tập*

*công đức dần dần mới có thể tiêu hết nổi, còn như niệm Phật một tiếng lại diệt được tội nhiều kiếp: nhân bé quả to, làm sao tin nổi?*

*Nay bảo rằng: chí tâm chính là nhất tâm. Nếu là sự nhất tâm thì đâu có thể diệt tội, nhưng do sức nó thưa mỏng, tội sẽ hiện trở lại. Niệm thật nhiều chỉ có thể tiêu diệt chút ít tội khiên.*

*Chí tâm ở đây chính là thuộc về lý nhất tâm. Nhất tâm đã sáng tỏ thì bao điều vọng chứa chất liền tiêu ngay giống như nhà tối ngàn năm, đem một ngọn đèn sáng vào chẳng lẽ bóng tối chẳng bị mất ngay hay sao? Vì vậy, lý lẽ ‘xưng Nam Mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo’ chẳng phải mình kinh Diệu Pháp Liên Hoa mới có!*

*Kinh Pháp Hoa Tam Muội Quán nói: ‘Mười phương chúng sanh một phen xưng Nam Mô Phật đều sẽ thành Phật, chỉ có một Đại Thừa, chẳng có hai hay ba. Hết thấy các pháp là nhất tướng nhất môn nghĩa là vô sanh, vô diệt, là tướng rốt ráo không’. Những lời như trên chẳng phải là [nói về] lý nhất tâm hay sao?’*

Liên Trì đại sư bảo ‘chí tâm’ nói trong Quán kinh chính là lý nhất tâm. Đó là vì khi lâm chung chính mắt thấy lửa địa ngục liền sanh lòng tin thật sự nên có thể nhanh chóng dứt muôn duyên, chỉ tập

trung vào một niệm; niệm niệm ly niệm, niệm niệm chính là niệm, niệm niệm khế hợp Chơn Như, niệm niệm là Phật. Mười niệm lâm chung như vậy đã khế hợp lý nhất tâm nên được diệt tội vãng sanh.

Thế nào là chí tâm? Sách Vô Lượng Thọ Tông Yếu dùng ngay thí dụ của ngài La Thập: Thí như có người gặp phải ác tặc đuổi theo toan giết. Người ấy rảo chạy, phải vượt sông mới thoát. Lúc ấy, chỉ nghĩ cách vượt sông:

*‘Chỉ có niệm ấy chẳng có niệm khác. Cái ý niệm vượt sông khi ấy chính là nhất niệm. Thập niệm đây chẳng xen lẫn niệm nào khác. Hành giả cũng thế: hoặc niệm danh hiệu Phật hoặc niệm tướng hảo của Phật v.v... niệm Phật không gián đoạn cho đến mười niệm. Chí tâm như thế thì gọi là mười niệm’.*

Nghĩa là: hành giả niệm Phật như người muốn vượt sông trong thí dụ nói trên, chỉ có ý niệm muốn vượt sông, không còn nghĩ gì khác, thì gọi là chí tâm. Niệm liên tục như thế cho đến mười niệm thì chính là thập niệm. Lúc lâm chung mà làm được như thế thì quyết định vãng sanh, thậm chí chỉ một niệm (xem Niệm Phật Bảo Vương Luận) nhưng niệm tâm thuần nhất, kiên cố thì cũng được vãng sanh. Đó là vì thâm hợp diệu đạo, khéo nhập vô sanh. Vì thế, ngũ nghịch, thập ác lâm chung niệm Phật, thậm chí một niệm cũng được vãng sanh.

Điều này hiển lộ Di Đà bốn nguyện chẳng thể nghĩ bàn. Cái quả do Bồ Tát Pháp Tạng tư duy tạo thành chính là ở chỗ này.

Ngũ nghịch, thập ác lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, các ngọn lửa cùng hiện ra mà xưng nổi danh hiệu Phật thì sẽ nhanh chóng lìa được vọng hoặc, nhập lý nhất tâm. Do khế hợp với lý nên các tội tiêu diệt liền sanh về Cực Lạc, chứng ngay ba thứ bất thoái.

Nếu chẳng phải là phương tiện rất ráo nhất trong các phương tiện, là tối cực viên đốn trong các thứ viên đốn thì lẽ nào đạt được như thế? Pháp môn Tịnh Độ này có thể làm cho phàm phu ác nghịch thâm hợp nhất tâm cho nên Phật A Di Đà được gọi là đấng Nguyện Vương thật cũng chẳng ngoa!

Trong An Lạc Tập, đại sư Đạo Xước cũng luận về thập niệm vãng sanh như sau:

*‘Ông bảo ác nghiệp trong một đời là nặng, coi điều thiện mười niệm của hạng hạ phẩm là nhẹ thì tôi nay sẽ dùng nghĩa lý để so sánh. Nghĩa của nặng hay nhẹ rõ ràng là cốt tại tâm, tại duyên, tại quyết định, chứ chẳng phải tại nơi thời tiết lâu gần, nhiều, ít.*

*a. Một, thế nào là tại tâm? Lúc người ấy tạo ác tự nương dựa vào tâm hư vọng điên đảo để sanh*

khởi. Còn thập niệm đây lại dựa vào thiện tri thức phương tiện an ủi, do nghe pháp Thật Tướng mà sanh (dựa vào Thật Tướng mà sanh). Một đấng thật, một đấng hư, lẽ nào so sánh được?

Vì sao? Ví như nhà tối ngàn năm, nếu ánh sáng tạm chiếu vào thì liền sáng tỏ. Há có dám bảo bóng tối ngàn năm trong nhà chẳng bị mất đi hay sao?

Vì vậy kinh Di Nhật Ma Ni Bảo nói: ‘Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: ‘Chúng sanh tuy trong mấy ngàn cự ức vạn kiếp ở trong ái dục bị tội che lấp nhưng nếu khi nghe kinh Phật mà một phen nghĩ đến điều lành thì tội liền tiêu diệt hết’. Đây gọi là tại tâm.

b. Hai, thế nào là tại duyên? Người ấy lúc tạo ác tự dựa vào vọng tưởng, dựa vào phiền não, quả báo, chúng sanh mà sanh; còn mười niệm đây y chỉ tín tâm vô thượng, nương vào danh hiệu thanh tịnh chơn thật vô lượng công đức của Phật A Di Đà mà sanh.

Ví như có người bị trúng tên độc đứt gân, gãy xương, nếu nghe âm thanh của cái trống thuốc Diệt Trừ thì mũi tên độc liền rút ra, độc liền trừ, há dám bảo rằng mũi tên ấy ngập sâu, thuốc độc ấy quá mạnh dù có nghe tiếng trống cũng chẳng thể nhổ tên, khử độc được hay sao? Đây gọi là tại duyên.



*c. Ba, thế nào là tại quyết định? Người ấy lúc tạo tội thì tự nương dựa vào cái tâm hữu hậu, tâm hữu gián mà sanh; còn thập niệm đây y chỉ vào tâm vô hậu, tâm vô gián mà khởi. Đây gọi là quyết định.*

*Trí Độ Luận lại bảo: “Hết thấy chúng sanh lúc lâm chung bị đao phong cắt thân hình, tử khổ đến bức bách, sanh lòng hoảng sợ lớn lao”. Vì vậy, gặp thiện tri thức liền phát đại dũng mãnh, tâm tâm liên tục; mười niệm chính là thiện căn tăng thượng nên liền được vãng sanh. Lại cũng giống như kẻ đối địch phá trận, cùng lúc tận dụng hết sức lực nơi thân mình. Điều lành thập niệm cũng giống như vậy’.*

Lại có kẻ nghĩ lâm chung thập niệm quá dễ dàng nên toan tính đợi lúc lâm chung mới chuyên tu niệm. Sách An Lạc Tập đã phá quan điểm ấy như sau:

*‘Thập niệm liên tục tựa hồ chẳng khó, nhưng các kẻ phàm phu tâm như ngựa hoang, thức quá khỉ vượn, rong ruổi sáu trần chưa từng tạm dừng. Ai nấy phải nên phát lòng tin, tự hạn định tu niệm trước để tích tập thành thói quen cho thiện căn kiên cố như Phật đã bảo đại vương: “Người tích hạnh lành chết không ác niệm. Như cây trước đã nghiêng về hướng nào thì khi đổ sẽ ngã theo phía*

đó''. Một phen đao phong xảy đến, trăm nổi khổ quấy thân, nếu trước đã chẳng từng quen tu tập thì [lúc ấy] niệm làm sao nổi?

Ai nấy nên cùng với năm ba người cùng chỉ hướng kết thệ sẵn để lúc lâm chung thay phiên đến giảng giải, vì mình xưng danh hiệu Di Đà, nguyện sanh cõi An Lạc, tiếng niệm tiếp nối cho thành mười niệm. Ví như ấn sáp ấn xuống đất bùn, ấn dẫu hoại nhưng các đường khắc trên ấn đã in xuống. Lúc mạng này dứt chính là lúc vãng sanh An Lạc quốc. Một khi đã nhập vào chánh định tu thì còn lo lắng gì. Ai nấy đều nên suy nghĩ cái lợi lớn này, sao còn chưa định sẵn số hạn để niệm đi'.

Sách Di Đà Yếu Giải cũng nói:

'Nếu lúc bình thời chẳng có công phu bảy ngày thì làm sao lúc lâm chung đạt được mười niệm hay một niệm. Vả lại, kẻ ngu nghịch thập ác trong hạ hạ phẩm đều là do túc nghiệp chín mươi nên lúc lâm chung mới gặp thiện hữu khai ngộ liền tin hiểu. Điều này trong muôn trường hợp chưa có được một, há nên cầu may như thế u?'

Do vậy, ta thấy rằng cảnh giới nhất tâm thật là sâu xa, u huyền. Bởi thế, kinh này đề cao chuyên niệm. Ngẫu Ích đại sư bảo:

'Đức Phật trong một câu niệm hiện tiền cũng vốn đã siêu tình ly kiến, sao lại còn mất công bàn

*huyền, luận diệu, chỉ cốt tin cho chắc, giữ cho bền, cứ thẳng thét mà niệm. Suốt ngày đêm hoặc là mười vạn tiếng, hoặc năm vạn, ba vạn làm số nhất định hoặc chẳng định số làm chuẩn. Trọn cả một đời này thế chẳng biến đổi. Nếu chẳng được vãng sanh thì tam thế chư Phật thành ra nói dối hay sao?’*

Ngài còn viết:

*‘Muốn đạt đến cảnh giới nhất tâm bất loạn thì cũng chẳng có thuật gì khác. Bước đầu tu tập thì dùng sâu chuỗi để nhớ số cho rành rẽ nhằm ấn định công khóa quyết định chẳng thiếu. Lâu ngày thuần thục chẳng niệm mà tự niệm. Lúc đấy, nhớ số cũng được, chẳng nhớ số cũng được!’*

*Nếu là kẻ sơ tâm mà lại toan nói chỉ ưa học khán thoại đầu, chẳng nên chấp tướng, muốn học viên dung tự tại, thì đó chỉ toàn là kẻ tin chẳng sâu, hành chẳng tận sức vậy’.*

Ngài Đạo Xước cũng dạy: *‘Nếu người mới học chưa phá được tướng thì cứ nương vào tướng mà chuyên chí, không ai chẳng được vãng sanh, đừng nghi ngờ gì!’* Do vậy, kinh này chỉ dùng *‘phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm’* làm tông.

Trong đời mạt, kẻ trì danh tuy lắm mà người vãng sanh chẳng bao nhiêu nên sách An Lạc Tập cũng nêu lời vấn đáp như sau:

*‘Nếu xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật sẽ trừ được vô minh hắc ám của mười phương chúng sanh và được vãng sanh thì sao lại có chúng sanh xưng danh, ức niệm mà vô minh vẫn còn, chẳng được mãn nguyện, nghĩa là làm sao?’*

*Đáp: Do chẳng tu hành đúng như thật, do chẳng tương ứng với danh nghĩa. Vì có sao thế? Vì chẳng biết Như Lai là thân Thật Tướng mà lại cho là thân vật chất. Lại có ba điều chẳng tương ứng:*

- Một là tín tâm chẳng thuần, lúc còn lúc mất.*
- Hai là tín tâm bất nhất, nghĩa là chẳng quyết định.*
- Ba là tín tâm chẳng liên tục, nghĩa là có các niệm khác xen lẫn vào...*

*Nếu tâm liên tục thì là nhất tâm. Chỉ giữ được nhất tâm thì đó chính là tâm thuần. Có đủ ba tâm ấy mà lại chẳng được vãng sanh thì chẳng bao giờ có lẽ ấy!’*

Lời luận này đã chỉ đúng ngay căn bệnh của hành nhân tu Tịnh nghiệp hiện đời: Niệm Phật mà chẳng được đắc quả vãng sanh. Đó là do chẳng biết Như Lai là thân Thật Tướng, nhận lầm thân ngài là

thân vật chất, chấp trước vào tướng, vọng sanh so đo, khuyết thiếu trí huệ, hiểu sai nghĩa Trung Đạo. Lại còn mắc ba thứ chẳng tương ưng. Ba thứ chẳng tương ưng đó có thể dùng một câu để bao quát cả, đó là: tín tâm chẳng đủ. Tư lương để vãng sanh là tín, nguyện, hạnh, khuyết một chẳng thể được. Theo sách Yếu Giải: ***nếu thiếu tín, nguyện thì dầu trì danh như tường đồng, vách sắt, mưa gió chẳng lọt cũng chẳng được vãng sanh.***

‘Trụ trong Đại Thừa’ là như phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa có nói: ‘*Nếu có chúng sanh nghe pháp từ đức Thế Tôn mà tin nhận, siêng tu tinh tấn, cầu Nhất Thiết Trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, Như Lai trí kiến, lực vô sở úy, thương xót, an vui vô lượng chúng sanh, lợi ích trời, người, độ thoát hết thảy, thì gọi là Đại Thừa*’.

Sách Thập Nhị Môn Luận cũng nói: ‘*Ma Ha Diễn cao hơn Nhị Thừa nên gọi là Đại Thừa. Chư Phật lớn nhất mà thừa này đạt đến được nên gọi là Đại. Chư Phật đại nhân dùng thừa này nên gọi là Đại. Đại Thừa lại có thể diệt trừ nỗi khổ lớn của chúng sanh, ban cho sự đại lợi ích nên gọi là Đại. Lại dùng thừa này có thể thấu triệt đến tận nguồn cội hết thảy các pháp nên gọi là Đại*’.

Quyển 28 kinh Đại Bảo Tích có nói: *‘Đạo chánh chơn, chánh giác của chư Phật Như Lai hành, thừa ấy gọi là Đại Thừa’*.

*‘Kẻ trụ trong Đại Thừa’* tức là người thường trụ trong pháp Đại Thừa như vừa nói trên. Nên biết rằng kẻ ấy nào phải là phàm phu, Tiểu Thừa; tuy mang nhục thân nhưng vẫn gọi là Bồ Tát.

*‘Tâm thanh tịnh’* là tâm vô ngại, vô cấu, tịnh tín. Kinh A Hàm, quyển bốn mươi một bảo: *‘Tâm thanh tịnh [là tâm] hoàn toàn hết sạch dâm, nộ, si, thành tựu tam minh’*. Tâm thanh tịnh như thế công đức khó nghĩ bàn. Vì vậy, phẩm Thập Phương Chư Phật Khen Ngợi có nói: *‘Thậm chí có thể phát được một niệm tịnh tín... tùy nguyện vãng sanh’*. Dùng tâm thanh tịnh như trên để quy hướng Vô Lượng Thọ Phật nên bảo: *‘Dùng tâm thanh tịnh hướng đến Vô Lượng Thọ Phật’*.

*‘Dẫu chỉ mười niệm’*: Chữ *‘dẫu chỉ’* là so với số nhiều để nói lên số ít như ta hay nói *‘tối thiểu’*. Tín, nguyện, trì danh quy hướng Tịnh Độ như trên thì dẫu chỉ giữ được mười niệm liên tục cũng quyết định được sanh về cõi ấy. Mười niệm này gồm cả niệm lúc bình thời lẫn khi lâm chung.

a. Ngay trong lúc bình thời, mười niệm cũng có hai thứ:

a.1. Một là như thập niệm đức Phật giảng trong kinh Di Lạc Phát Vân như phần trên đã dẫn: chẳng tạp kiết sử cho đến Bồ Tát niệm, chẳng phải là phàm phu niệm. Còn như kinh này dạy: *‘Dùng tâm thanh tịnh hướng về Vô Lượng Thọ Phật, dầu chỉ mười niệm’* chính là nói đến cái tâm đã hết sạch ba độc dâm, nộ, si, thành tựu cả trí đức tam minh. Dùng cái tâm như thế để trì danh hiệu Phật. Niệm Phật như vậy công đức khó nghĩ nổi. Dùng đây làm nhân thì khi lâm chung quyết định được vãng sanh, nhưng đây chỉ là thập niệm của Bồ Tát.

a.2. Hai là pháp Thập Niệm buổi sáng của ngài Từ Vân Sám Chủ: Mỗi ngày vào lúc sáng sớm, xúc miệng, đốt hương, hướng về phía Tây chắp tay, niệm Phật đủ mười hơi. Trong mỗi hơi, tận lực niệm Phật hiệu, cứ hết một hơi là một niệm. Cách này để tiếp dẫn người bận rộn công chuyện hoặc siêng tu pháp khác chẳng có nhiều thời gian để tu Tịnh nghiệp. Trọn đời tu như vậy thì được Phật bổn nguyện gia oai nên cũng được vãng sanh.

b. Mười niệm trong lúc lâm chung là như Quán kinh dạy, thâm hợp với lý nhất tâm nên chắc chắn được vãng sanh.

Nói chung lại, các thứ mười niệm vãng sanh đều là do đại nguyện *‘mười niệm ắt được vãng sanh’* của Di Đà hồng thệ tạo thành.

*‘Nhất niệm tịnh tâm’, ‘phát một niệm tâm’* cũng như *‘một niệm tịnh tín’* trong đoạn văn trước đều là *‘nhất niệm’* cả. Nhất tâm này là bản thể của mười pháp giới, là tên gọi khác của Chơn Thật Tướng, cũng chính là cái mà kinh Na Tiên gọi là *‘thật là bậc nhất’* hay Di Đà Sớ Sao bảo: *‘Toàn thể là Phật’*.

*‘Phát một niệm tâm, niệm đức Phật ấy’* thì *‘quyết định được sanh về cõi ấy’* chính là giáo nghĩa nhất niệm của ngài Hạnh Tây Thị người Nhật đã đề xướng. Phạm phu nếu có thể dùng tín tâm tương ứng với Phật trí trong một niệm thì sẽ được vãng sanh.

Hơn nữa, một niệm ấy toàn thể là Phật, mà cái toàn thể ấy cũng chính là đức Phật trong một niệm. Do niệm đức Phật ấy nên trong một niệm liền được tương ứng. Vì vậy, *‘quyết định sanh về cõi kia, được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề’*.

*‘Người ấy lúc mạng sắp dứt như trong giấc mộng’*: Do nhất niệm vãng sanh cũng chia ra ba bậc nên có nhiều phẩm loại. Do đó, ảnh tượng lúc lâm chung cũng trở thành sai khác:

a. Đối với bậc thượng, ý tưởng sanh tử đã hết, thể của phàm hay thánh đều là không, hiểu rõ Phật chẳng đến, đi, nhưng thấy Phật hiện đến, hiểu rõ sanh tử vốn là không mà hóa hiện có vãng sanh; bỏ



cõi này sanh về cõi kia đều như huyễn mộng. Vì vậy bảo là *‘như trong giấc mộng’*.

b. Bạc trung hiểu rõ thế gian đều như mộng, huyễn, bọt nước, hình bóng thoáng qua, nên lúc lâm chung chẳng lưu luyến gì, coi hết như giấc mộng.

c. Còn người bậc hạ lúc lâm chung phảng phất tựa hồ trong mộng được thấy đức Phật ấy nên cũng được vãng sanh (chỉ có bậc hạ trong ba bậc của nhất tâm tam bối là chẳng giống với bậc hạ vãng sanh nói trong phần chánh tông, còn hai bậc thượng và trung thì giống. Đây là do nhất tâm tam bối là một loại riêng chẳng giống với thói thường).

Do những điều trên ta thấy rằng phẩm loại của những người niệm Phật mà đạt được nhất tâm, được vãng sanh thật khác xa nhau lắm:

\* Bậc thượng là thánh hiền, bậc hạ là phàm phu. Niệm Phật đạt đến nhất tâm, thậm chí *‘phát được một niệm tịnh tín’* *‘đạt được một niệm tịnh tâm, phát một niệm tâm niệm đức Phật kia’* thì đều được vãng sanh.

\* Thấp nhất là kẻ ngu nghịch, thập ác lúc lâm chung phát nguyện, chí tâm niệm Phật mười tiếng liên tục, thậm chí chỉ niệm được một tiếng, do ngầm khế hợp với lý nhất tâm nên cũng được vãng

sanh. Điều này thể hiện rõ ràng công đức của nhất tâm thật là bậc nhất.

Pháp môn trì danh của Tịnh Độ vi diệu khó nghĩ nổi: Ngũ nghịch, thập ác lúc lâm chung niệm Phật còn thâm hợp diệu đạo, khế hợp lý nhất tâm liền vượt khỏi sanh tử, chứng lên Bất thoái. Rõ ràng là pháp môn Trì Danh là phương tiện rất ráo chẳng thể nghĩ bàn.

Trong hai loại vãng sanh vừa nói trên:

- Một là tam bối vãng sanh đều do *‘phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm’*, đây chính là điều được kinh này đề cao.

- Hai là một niệm tịnh tín, nhất niệm vãng sanh đều do *‘nhất niệm’*.

*‘Nhất niệm’* là Thật Tướng, đó chính là bản thể của kinh này. Và lại, toàn thể của một niệm tịnh tâm là Bồ Đề tâm, *‘niệm đức Phật ấy’* chính là chuyên niệm. Như vậy, nhất tâm tam bối cũng chẳng ra ngoài tông chỉ của kinh này.

Hơn nữa, Quán kinh bảo ngũ nghịch, thập ác được vãng sanh; kinh này dạy *‘chỉ trừ kẻ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp’* thì chẳng được vãng sanh. Trong Quán Kinh Nghĩa Sớ, ngài Gia Tường đã giải thích vấn nạn ấy như sau:

*‘Phẩm thứ ba nói về ba hạng người ác.’*

*Trước hết, bàn về người tạo thập ác, tiếp đó bàn đến kẻ tạo tội tứ trọng, cuối cùng bàn về kẻ ngũ nghịch, chẳng bàn đến Báng Pháp Xiển Đề (kẻ báng pháp gọi là ‘xiển đề’) nên gọi là ‘ác chẳng tận’.*

*Thập ác, tứ trọng, ngũ nghịch đều được vãng sanh Tây phương. Nếu là kẻ báng pháp xiển đề thì chẳng được vãng sanh! Xiển đề chẳng tin pháp, khi lâm chung dầu nói có đức Vô Lượng Thọ Phật thì vẫn hoàn toàn chẳng tin nên chẳng được vãng sanh’.*

Sách An Lạc Tập đã bàn về vấn đề này rất tường tận. Phần trên đã dẫn nên ở đây tôi không nhắc lại.

Riêng tác phẩm Tứ Thiếp Sớ có quan điểm khác hẳn. Ngài Thiện Đạo viết: *‘Nhu trong bốn mươi tám nguyện lại loại trừ kẻ báng pháp, ngũ nghịch... Đức Như Lai sợ chúng sanh tạo hai tội lỗi ấy nên phương tiện nói ngăn ngừa là chẳng được vãng sanh, chứ chẳng phải là không tiếp độ... Nếu trót tạo tội (rồi sám hối, phát nguyện, trì danh hiệu Phật) thì lại được vãng sanh’.*

Hai bản sớ tuy giải thích khác nhau, nhưng thật sự chẳng mâu thuẫn nhau. Ngài Gia Tường bảo kẻ xiển đề báng pháp chẳng thể khởi lòng tin nên

chẳng được vãng sanh. Ngài Thiện Đạo bảo tuy họ là kẻ báng pháp ngũ nghịch, nhưng lúc lâm chung, nghe pháp sanh nổi lòng tin, sám hối, hồi tâm, chí tâm tin ưa, nguyện sanh cõi kia, dầu chỉ mười niệm, thì Phật rủ lòng đại từ, nên cũng được tiếp độ vãng sanh Cực Lạc. Do xiển đề cũng có khả năng thành Phật nên lúc lâm chung nếu họ sanh chánh tín thì chẳng còn là xiển đề nữa. Vì thế, đức Phật rủ lòng từ tiếp dẫn.

Nhưng kẻ xiển đề lúc lâm chung sanh được lòng tin thì thật là một điều khó nhất trong những điều khó. Lâm chung mười niệm vãng sanh như Quán kinh dạy đã là trong vạn vạn người mới có được một người. Còn nếu như Tứ Thiếp Sớ bảo kẻ báng pháp ngũ nghịch lâm chung chí tâm tin ưa niệm Phật vãng sanh thì trong ức ức người mới có được một người.

Kinh Pháp Cỗ lại bảo: *‘Nếu lúc lâm chung chẳng thể niệm nổi, chỉ biết là phương kia có Phật liền khởi ý vãng sanh thì cũng được vãng sanh’*. Như Lai từ đức vi diệu khó nghĩ bàn! Vì thế, sách An Lạc Tập bảo: *‘Phải biết rằng Như Lai có phương tiện thù thắng, nhiếp hộ tín tâm, chính là: dùng việc chuyên nhớ tưởng Phật làm nhân duyên để tùy nguyện vãng sanh’*.

Sách còn khen ngợi: *‘Nếu nghe đức hiệu của Phật A Di Đà mà hoan hỷ, khen ngợi, ngưỡng mộ,*

*tâm quy y dấu chỉ trong một niệm, liền được đại lợi, đầy đủ báu công đức. Giả sử lửa dậy khắp cõi Đại Thiên cũng phải xông thẳng vào nghe danh hiệu Phật. Nghe danh A Di Đà Phật thì chẳng thoái chuyển. Vì vậy nên chỉ tâm dập đầu lễ’.*

## **25. Chánh nhân vãng sanh:**

Trong phẩm trước, kinh chú trọng phẩm vị sau khi vãng sanh chứ chưa bàn chi tiết về những nhân hạnh để được vãng sanh. Vì vậy, phẩm này lại bàn rộng thêm về chánh nhân vãng sanh và được đặt tên là ‘Chánh nhân vãng sanh’. Hai phẩm này cùng tạo thành cái cốt lõi của kinh, hỗ trợ lẫn nhau: Phẩm trên tuy chỉ nói đến sở hạnh của ba bậc vãng sanh, nhưng đó cũng là một phần của chánh nhân vãng sanh. Ba bậc vãng sanh chính là quả của những chánh nhân sẽ được nói đến trong phẩm này.

Đa số các chánh nhân được nói trong phẩm này đều giống với các Tịnh nghiệp được dạy trong Quán kinh. Quán kinh dạy:

*‘[Muốn] sanh về nước ấy thì nên tu ba phước:*

*a. Một là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp.*

*b. Hai là thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.*

*c. Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, siêng năng tinh tấn tu hành. Ba sự ấy gọi là Tịnh nghiệp.*

*Phật bảo Vy Đề Hy:*

*- Người biết hay chăng? Ba thứ nghiệp ấy chính là chánh nhân tịnh nghiệp của quá khứ, hiện tại, vị lai tam thế chư Phật’.*

*Kinh còn dạy: ‘Lại có ba hạng chúng sanh sẽ được vãng sanh. Những gì là ba?’*

*- Một là từ tâm chẳng giết, đủ các giới hạnh.*

*- Hai là đọc tụng kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa.*

*- Ba là tu hành sáu niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh cõi ấy.*

*Đây đủ các công đức đó trong một ngày cho đến bảy ngày thì được vãng sanh’.*

So với nội dung phẩm này, Quán kinh dạy nhiều điểm thật giống hệt.

### **Chánh kinh:**

**Lại này A Nan! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh điển này, thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường liên tục ngày đêm, cầu sanh cõi kia, phát Bồ Đề tâm, trì các cấm giới, giữ kiên cố chẳng phạm, lợi lạc hữu tình, các**

**thiện căn đã làm đều đem thí cho [hữu tình] khiến họ được an lạc, ức niệm Phật A Di Đà ở phương Tây và cõi nước kia thì người ấy lúc mạng chung sẽ đặc sắc tướng như Phật, các thứ trang nghiêm, sanh trong cõi báu, chóng được nghe pháp, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.**

Giải:

Đoạn văn mở đầu phẩm này nói về chánh nhân thứ nhất: phát tâm niệm Phật và thọ trì kinh, giới, làm lợi mình lẫn người thì được vãng sanh (trọn đoạn văn trên trích từ bản Tổng dịch).

Chánh nhân thứ nhất gồm có sáu điều: thọ trì kinh này, cầu sanh Tịnh Độ, phát tâm Bồ Đề, nghiêm trì các giới, lợi lạc hữu tình, nhớ Phật niệm Phật.

a. Quán kinh nói: *‘Đọc tụng Đại thừa’, Quán Kinh Ước Luận bảo: ‘Chẳng đọc Đại Thừa chẳng hiểu nỗi tâm Phật. Chẳng hiểu Phật tâm thì chẳng khéo hợp Phật trí. Chẳng khéo hợp Phật trí thì dù có sanh cõi kia cũng chẳng thấy được Phật’.*

Trong kinh đây, ngay đầu phẩm này đã dạy: *‘Nghe kinh điển này thọ trì, đọc tụng’.* *‘Kinh điển này’* chính là kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Kinh này chính là kinh Tịnh Độ bậc nhất mà

cũng chính là Trung Bản Hoa Nghiêm. Kinh này cũng chính là kinh đức Thế Tôn riêng lưu lại tồn tại một trăm năm nữa vào lúc kinh đạo diệt tận trong thời tương lai để làm phương tiện cứu vớt chúng sanh đời mạt.

Chữ *‘kinh điển này’* cũng chỉ tất cả các bản dịch Hán, Đường, Ngô, Ngụy, Tống của kinh Vô Lượng Thọ lẫn các hội bản, tiết bản của các ông Vương Nhật Hưu, Bành Tế Thanh, Ngụy Thừa Quán. Chỉ cần thọ trì nổi các bản ấy thì đều là chánh nhân; nhưng riêng hội bản này được xưng tụng là bản hoàn thiện nhất nên trì tụng bản này công đức càng thù thắng hơn nữa. Chữ *‘Ngày đêm liên tục’* biểu thị sự dũng mãnh, tinh tấn, chẳng hề gián đoạn.

b. *‘Câu sanh cõi kia’*: Dem các công đức thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường hồi hướng Tịnh Độ.

c. *‘Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm’*: Đây là tông của cả bộ kinh này, là khuôn phép chánh của ba bậc vãng sanh nên được nhắc lại trong phẩm này.

d. *‘Trì các cấm giới, giữ kiên cố chẳng phạm’*: Đây chính là như Quán kinh dạy *‘đủ các giới hạnh’* hoặc *‘đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi’*. Đó là



vì không có giới hạnh thì khác nào đồ đựng bị lủng, dầu siêng niệm Phật cũng khó bền viên mãn.

e. *‘Lợi lạc hữu tình’* là hạnh lợi tha của Bồ Tát như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có dạy: *‘Bồ Tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh thì là tùy thuận chư Phật. Nếu tôn trọng, thừa sự chúng sanh thì chính là tôn trọng, thừa sự Như Lai’*. Vì vậy, hành nhân Tịnh nghiệp nên rộng hành hạnh lợi lạc chúng sanh. *‘Các thiện căn đã làm đều đem thí cho [hữu tình]’* nghĩa là: hết thấy công đức và thiện căn tự mình đã làm đều đem thí cho hết thấy chúng sanh. Hết thấy tội khổ của chúng sanh ta đều chịu thay.

f. Nhớ Phật, niệm Phật: *‘Ưc niệm đức A Di Đà Phật ở phương Tây và cõi nước kia’*. Diệu hạnh Niệm Phật là vua của các điều thiện, là mẫu nhiệm nhất trong các sự mẫu nhiệm. Trong các chánh nhân, phát tâm niệm Phật thật là điều quan trọng hàng đầu.

Những điều trên là Nhân, tiếp đây sẽ nói về Quả. Nhân quả phụ thuộc vào nhau như bóng theo hình: *‘Người ấy lúc lâm chung, được sắc tướng như Phật’*. Người ấy giống như Phật, [nghĩa là] thân sắc vàng ròng, đủ bả hai tướng, lại đầy đủ các thứ công đức trang nghiêm như Phật. *‘Sanh trong cõi báu, chóng được nghe pháp’*: người ấy mạng chung

rồi sắc tướng giống như Phật, lại chóng được nghe pháp.

### **Chánh kinh:**

Lại này A Nan! Nếu có chúng sanh muốn sanh cõi ấy, nhưng chẳng thể đại tinh tấn thiên định, giữ trọn kinh giới, thì phải nên làm lành, nghĩa là: một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng dâm dục, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng nói thêu dệt, sáu là chẳng ác khẩu, bảy là chẳng nói đôi chiều, tám là chẳng tham, chín là chẳng sân, mười là chẳng si.

Ngày đêm tư duy như sau: các thứ công đức, các thứ trang nghiêm của Cực Lạc thế giới và của A Di Đà Phật, chí tâm quy y, đánh lễ cúng dường. Người ấy lâm chung chẳng kinh, chẳng sợ, tâm chẳng điên đảo liền được vãng sanh cõi nước Phật kia.

### **Giải:**

Đây là chánh nhân thứ hai. Trong loại chánh nhân này có ba điều: tu hành Thập Thiện; ngày đêm niệm Phật; chí tâm quy y, đánh lễ cúng dường.

**a. Tu hành Thập Thiện:** Theo sách Pháp Giới Thứ Đệ, Thập Thiện là để dứt ác. Dứt những điều ác như trên thì chẳng nào loạn người khác. Nay ta thực hành điều thiện để lợi lạc hết thảy.

a.1. Chẳng sát sanh: dứt ác hạnh sát sanh khi trước, phải nên thực hành điều lành phóng sanh.

a.2. Chẳng trộm cắp: dứt ác hạnh trộm cắp tài vật của người, nên hành điều lành bố thí.

a.3. Chẳng dâm dục (chẳng tà dâm): Dứt ác hạnh hành dâm với người chẳng phải là thê, thiếp của mình, nên hành điều lành cung kính.

a.4. Chẳng nói dối: dứt ác hạnh dối gạt người, nên hành điều lành nói lời chơn thật.

a.5. Chẳng nói thù dật: dứt ác hạnh nói lời ác, thù dật, điên đảo lý lẽ, nên hành hạnh lành nói lời có nghĩa lợi ích người khác.

a.6. Chẳng ác khẩu: dứt ác hạnh nói năng ác nghiệt hại người, nên hành điều lành nói năng mềm mỏng.

a.7. Chẳng nói đôi chiều: dứt ác hạnh nói xúc xiểm, khuấy rối cả hai bên, nên hành hạnh lành: nói lời hòa hợp.

a.8. Chẳng tham: Đối với các ác hạnh chẳng chán nhàm vừa kể trên nên hành hạnh lành bất tịnh quán,

quán cả sáu trần đều là lừa dối, chẳng sạch.

a.9. Chẳng sân: Dứt những ác hạnh sân nộ trước đây, nên hành hạnh lành từ bi, nhẫn nhục.

a.10. Chẳng si (chẳng tà kiến): dứt các hạnh bác không nhân quả, tà tâm, nói bậy, nên hành hạnh lành chánh tín, tâm quay về chánh đạo, sanh tâm lành trí huệ.

Mười thứ thiện kể trên đều là hạnh lành thế gian. Báo Ân Luận bảo: *‘Hễ là thiện hạnh đều có thể vãng sanh; nhưng cần phải thường niệm Phật hồi hướng thì chuyển được việc lành thế gian thành cái nhân Tịnh Độ. Vì vậy, Phật giảng các kinh đều nói kèm thêm hạnh lành thế gian; nhưng riêng với mười điều thiện này Phật giảng riêng một kinh (kinh Thập Thiện Giới). Tịnh ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng, ba nghiệp nơi ý chính là căn bản của việc tu trì vậy’.*

**b. Ngày đêm niệm Phật:** Kinh nói: *‘Ngày đêm tư duy các thứ công đức, các thứ trang nghiêm của Cực Lạc thế giới và của Phật A Di Đà’.*

Trong Vãng Sanh Luận, Thiên Thân Bồ Tát đã lập ra ngũ niệm môn: Lễ Bái môn, Tán Thán môn, Tác Nguyện môn, Quán Sát môn, và Hồi Hướng môn. Luận viết: *‘Thế nào là tán thán? Khẩu nghiệp tán thán xưng danh đức Như Lai kia’.*

Và: *‘Quán sát có ba thứ, những gì là ba? Một là quán sát công đức trang nghiêm của cõi nước Phật ấy; hai là quán sát công đức trang nghiêm của Phật A Di Đà; ba là quán sát công đức trang nghiêm của các Bồ Tát trong cõi ấy’.*

Điều được nói trong kinh này chính là môn thứ tư: Quán Sát môn. Nêu kèm cả miệng niệm thì gồm cả môn thứ hai là Tán Thán môn. Quán sát hoặc tán thán như thế liên tục ngày đêm nên kinh nói: *‘Ngày đêm tư duy’.*

*c. ‘Chí tâm quy y, đánh lễ cúng dường’* là môn thứ nhất: Lễ Bái môn. Luận viết: *‘Thế nào là lễ bái? Thân nghiệp lễ bái A Di Đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, ý mong sanh về cõi kia’.*

*‘Quy y’* chính là quy mạng, Vãng Sanh Luận nói: *‘Nên biết rằng quy mạng chính là lễ bái, nhưng lễ bái chỉ là cung kính, chứ chưa ắt là quy mạng. Quy mạng tất nhiên là lễ bái. Nếu suy như vậy thì quy mạng đáng trọng hơn’.* Nay kinh dạy quy y đánh lễ, lại khuyên chí tâm và kiêm cả cúng dường thì thật đã thể hiện lòng thành tinh chuyên rất mực.

Vãng Sanh Luận nói: *‘Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu thành tựu ngũ niệm môn thì rất ráo được vãng sanh cõi nước An Lạc, gặp đức Phật A*

*Di Đà kia*'. Diệu nhân cảm quả cho nên lúc lâm chung được Phật bốn nguyện gia oai 'tù bi gia hộ khiến tâm chẳng loạn'. Vì vậy, 'chẳng kinh, chẳng sợ, tâm chẳng điên đảo'. 'Chẳng kinh' là chẳng kinh hoàng, hoảng hốt. 'Chẳng sợ' là chẳng hãi sợ, khiếp đảm; 'chẳng điên đảo' là tâm chẳng lầm loạn, chánh niệm tương nhớ đến Phật vẫn hiện tiền như thường cho nên được vãng sanh.

Kinh văn trong phẩm này chẳng nói lâm chung thấy Phật, nhưng đã được vãng sanh thì tất nhiên Phật sẽ đến đón vì bốn nguyện của Phật là lâm chung đến tiếp dẫn. Nếu Phật chẳng đến đón thì chỉ với tự lực, phàm phu làm sao vãng sanh nổi? Bởi vậy, kinh văn chẳng nói đến. Hơn nữa, phẩm này chuyên giảng nhân hạnh vãng sanh nên chẳng bàn nhiều đến quả cảnh vãng sanh.

### Chánh kinh:

**Nếu [người] lảm sự vật chẳng lia nhà nôi, chẳng rảnh để rộng tu trai giới, nhất tâm thanh tịnh thì hễ có lúc rảnh rồi liền đoạn chánh thân tâm, tuyệt dục bỏ lo, từ tâm tinh tấn, chẳng nên sân nộ, ghen ghét, chẳng được tham ăn, keo tiếc, chẳng nên giữa chừng hối hận, chẳng nên hồ nghi, phải nên hiểu thuận, chí thành, trung tín, nên tin lời kinh Phật sâu xa, nên tin làm lành được phước. Phụng trì những pháp như vậy chẳng được thiếu sót, suy nghĩ kỹ càng, muốn**

**được độ thoát. Ngày đêm thường niệm, nguyện muốn vãng sanh cõi Phật thanh tịnh của A Di Đà Phật. Trong mười ngày mười đêm cho đến một ngày một đêm chẳng đoạn tuyệt thì lúc tuổi thọ hết đều được vãng sanh cõi ấy.**

Giải:

Chánh nhân vãng sanh thứ ba này gồm hai điều: một là tu hành các điều lành thế gian, hai là chỘp ngay lúc rảnh trong khi bận rộn để chánh niệm hầu được vãng sanh.

Loại chánh nhân này dành cho kẻ bận rộn trăm công nghìn việc, thời gian rảnh rỗi rất ít nên chưa thể tu trai giới đầy đủ cũng như khó lòng giữ nhất tâm thanh tịnh được. Những người như vậy nên nỗ lực làm lành, nên chỘp ngay lúc rảnh giữa cơn bận rộn, khéo giành thời cơ: hễ gặp duyên liền tu chẳng để lỡ uổng thì cũng quyết định được vãng sanh. Điểm kỳ diệu của Tịnh tông là *‘chẳng lìa Phật pháp mà hành thế pháp, chẳng phé thế pháp mà chứng Phật pháp’* (xem Báo Ân Luận).

Câu *‘hễ có lúc rảnh rỗi’* là câu thừa tiếp ý trên: bận bịu công việc nên chưa thể thân nhàn, tâm tịnh để tu rộng các trai giới. Vậy thì nên giành thời cơ, hễ rảnh liền tu: trừ khử những nỗi lo lắng việc đời, dững mảnh chuyên tu. Ý này xuyên suốt từ chữ

‘hễ có lúc rảnh’ cho đến chữ ‘một ngày một đêm chẳng đoạn tuyệt’.

‘Đoan thân chánh tâm’ là thân giữ trang nghiêm, tâm ý ngay chánh. Phạm Trược Thê Ác Khổ ghi: ‘Các ông nếu có thể trong đời này đoạn tâm chánh ý, chẳng làm các điều ác thì thật có đức lớn’.

Phạm Bao Lân Khuyên Lon cũng chép: ‘Nếu muốn làm lành thì thế nào là bậc nhất? Nên tự đoạn nghiêm tâm, nên tự đoạn chánh thân, đều thường nên tự đoạn chánh cả tai, mắt, mũi, miệng’. Vì vậy gặp lúc rảnh rồi thì trước hết phải đoạn thân, chánh ý.

‘Tuyệt dục’ là trong lúc tu tập như vậy, phải dứt hết những ý tưởng ái dục nam nữ. ‘Bỏ lo’ là buông bỏ hết thấy những điều lo nghĩ việc đời. ‘Tự tâm’ là tâm ban vui cho chúng sanh, tu trì như vậy nhằm lợi lạc hữu tình.

‘Tinh tấn’ là dũng mãnh tu thiện, đoạn ác. Sách Phụ Hành, quyển hai nói: ‘Chẳng nhiễm pháp là Tinh, niệm niệm cầu hướng đến là Tấn’. Hoa Nghiêm Đại Sớ, quyển 5 ghi: ‘Tâm chuyên nơi pháp thì gọi là Tinh; chuyên tâm thực hành để đạt bốn thì gọi là Tấn’. Ý nói: Tinh là dốc một tâm lòng nơi Phật pháp. Dùng cái tâm tinh chuyên ấy để hoàn thành nhiệm vụ thấu hiểu bốn tâm thì gọi là



Tán. Hiểu thấu bốn tâm, sáng tỏ bốn tánh của mình thì gọi là ‘*đạt bốn*’. Ý nghĩa chữ ‘*tin tán*’ do Đại Số giảng có phần thù thắng hơn.

Từ chữ ‘*chẳng nên sân nộ*’ cho đến ‘*chỉ thành trung tín*’ là nguyên một câu nói về điều lành thế gian của người tu Đại Thừa.

‘*Ganh ghét*’ là ghen ty điều hay tốt của người khác; làm hại người hiền cũng gọi là ‘*ganh*’.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng chữ ‘*keo tiếc*’ như sau: ‘*Tiếc rẻ cả tài lẫn pháp thì gọi là keo*’, tức là cái tâm tham đắm tài lẫn pháp, chẳng thể đem tài và pháp làm lợi cho người khác.

‘*Giữa chừng hối hận*’ là lòng tin chẳng vững chắc, trước tin sau ngờ nên bảo là ‘*giữa chừng hối hận*’.

‘*Hồ nghi*’ là do tánh con cáo hay nghi ngờ nên gọi là ‘*hồ nghi*’. Do dự chẳng quyết định nên gọi là ‘*nghi*’. Do nghi niệm làm hại căn lành giống như gai độc nên sách Vạn Thiện Đồng Quy Tập ghi: ‘*Vững tin căn để nhổ gai ngờ*’.

‘*Phải nên hiếu thuận*’ chính là ý ‘*hiếu dưỡng phụ mẫu*’ đã dạy trong Quán kinh; đây chính là phước đầu tiên trong ba thứ phước được dạy trong kinh ấy, đó chính là một trong những chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật.

Trong cụm chữ ‘*chí thành trung tín*’, ‘*thành*’ là chơn tâm, chơn thật chẳng dối; ‘*chí*’ là đến mức cùng tột nhất. Lòng thành đạt đến mức tột cùng nên bảo là ‘*chí thành*’. ‘*Trung*’ là tận tâm, kiệt lực trung với nước nhà. Hai chữ trung hiếu chính là gốc của mọi mỹ đức thế gian. Chữ ‘*tín*’ ở đây chỉ về pháp thế gian, tức là chơn thật chẳng dối.

Hai câu kinh tiếp theo đó nói về cách thức niệm Phật trong khi bận rộn.

‘*Nên tin lời kinh Phật sâu xa*’: chữ ‘*tín*’ ở đây lại chỉ pháp xuất thế, nghĩa là chữ tín ở đây chỉ cho thật thể của các pháp, là tịnh đức của Tam Bảo. Tin ưa sâu xa căn lành thế gian và xuất thế gian khiến cho tâm trong lặng thì gọi là ‘*tín*’.

Duy Thức Luận nói: ‘*Thế nào là Tín? Là có thể nhẫn chịu dục lạc một cách sâu xa, tâm tịnh thành tánh*’. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại bảo: ‘*Đối với Tam Bảo tịnh tâm chẳng nghi thì gọi là Tín*’. Câu Xá Luận lại bảo: ‘*Tín khiến cho [tâm] nguời trong lặng*’.

Nay nghe kinh Phật liền tin tưởng sâu xa vào lời kinh. Đại Luận nói: ‘*Có tin mới chứng nhập nôi*’. Do đó, mới có thể từ nhân thừa tiến thẳng vào Đại thừa viên môn, niệm Phật cầu sanh.

Lại do tin nhân quả chẳng hư vọng nên tin ‘*làm lành được phước*’ để tinh tấn hướng thiện.

*‘Phụng trì các pháp như vậy’* là vâng giữ các điều lành như trên vừa nói *‘chẳng được thiếu sót’*; thiếu sót là tổn giảm.

Những câu kinh vừa trên đều cùng nói về việc từ nhân thừa tiến thẳng vào Cực Lạc Nhất Thừa.

Tiếp đó, kinh nói đến cách tìm cái nhân trong khi bận rộn để tinh tấn niệm Phật:

*‘Suy nghĩ kỹ càng muốn được độ thoát’* chính là suy nghĩ chín chắn, sâu xa mong được thoát khỏi sanh tử. *‘Nguyện muốn vãng sanh’* là xả uế cầu tịnh, đem hết thầy công đức hồi hướng vãng sanh. *‘Ngày đêm thường niệm cõi nước thanh tịnh của A Di Đà Phật’*. Đây chính là chánh hạnh nhớ Phật, niệm Phật để vãng sanh.

Liên tục như thế trong mười ngày mười đêm là công hạnh phải có của hết thầy hành nhân; còn thực hành được như thế trong một ngày một đêm là công hạnh phải có của bậc nhiều thiện căn. Cứ tùy theo thiện căn mà thực hành chẳng đoạn tuyệt trong mười ngày mười đêm hoặc trong một ngày một đêm thì khi mạng chung đều được vãng sanh. Do đó, kinh nói: *‘Khi tuổi thọ hết đều được sanh về cõi ấy’*. Đây là chánh nhân vãng sanh của hành nhân thuộc loại thứ ba, công đức kém hơn hai loại trước.

Đoạn kinh tiếp theo đây giảng rõ: Các hạng người vãng sanh, nhân hạnh tuy khác nhau nhưng về cõi ấy rồi thì đều là Đại Thừa cả, đều thành cùng một loại.

### **Chánh kinh:**

**Hành Bồ Tát đạo, những người vãng sanh đều đắc A Duy Việt Trí, đều đầy đủ sắc vàng ba mươi hai tướng, đều sẽ thành Phật. Muốn làm Phật ở cõi nước Phật phương nào đều như sở nguyện, tùy theo người ấy tinh tấn sớm hay chậm. Cầu đạo chẳng ngại thì sẽ đạt được, chẳng bị thất vọng.**

**Này A Nan! Do nghĩa lợi này, vô lượng vô số bất khả tư nghị vô hữu đẳng đẳng vô biên thế giới chư Phật Như Lai đều cùng khen ngợi tất cả công đức của Vô Lượng Thọ Phật.**

### **Giải:**

Câu ‘*hành Bồ Tát đạo*’ ngụ ý những người đã vãng sanh đều là Đại Thừa.

Tiếp đó, kinh nói đến cái quả nhân hạnh. Nhân đâu thiên sai vạn biệt, nhưng quả chỉ một vị: Hành nhân Đại Thừa chết đi sanh về cõi kia đều ‘*đắc A Duy Việt Trí*’, đều đạt thân sắc vàng tía, đều đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu; chẳng những thân tướng giống như đức Phật mà còn ‘*đều sẽ thành Phật*’.

Những người vãng sanh nguyện làm Phật ở phương nào thì không ai lại chẳng được thành tựu xứng với tâm nguyện; bởi vậy, kinh nói: *‘Điều như sở nguyện’*. Còn lúc nào sẽ thành Phật lại tùy thuộc vào hành nhân *‘tinh tấn chậm hay mau’*. Sớm tinh tấn thì sớm thành Phật; đây chính là điều sai biệt trong lẽ bình đẳng. Bình đẳng mà có sai biệt nên có thành Phật sớm hay chậm. Điều bình đẳng trong sai biệt chính là điều sẽ thành Phật, nên kinh nói: *‘Cầu đạo chẳng ngại thì sẽ đạt được, chẳng bị thất vọng’*. Nghĩa là: cái tâm cầu đạo tinh tấn chẳng ngại thì đều sẽ thành Phật, quyết định chẳng trái nghịch với bản nguyện được thành Phật.

Câu *‘Phật bảo A Nan’* diễn tả sự kiện đức Thế Tôn muốn nhắc hội chúng chú tâm nên Phật kêu tên vị đương cơ của pháp hội là ngài A Nan để dạy: *‘Do nghĩa lợi này’*. Ở đây, chữ *‘lợi’* có đến hai nghĩa:

a. Một là cứng bén như kim cang phá hoại được hết thảy mà chẳng bị hết thảy phá hoại.

b. Hai là lợi ích do pháp môn này có thể ban bố cái lợi chơn thật cho hết thảy chúng sanh.

Nói cách khác: Toàn thể nghĩa lý pháp môn vãng sanh là kim cang trí huệ nên bảo là lợi (kiên lợi: cứng bén). Đồng thời, *‘lợi’* còn có nghĩa là do

đại từ đại bi lưu xuất phổ độ chúng sanh bằng cái lợi chơn thật rõ ràng nên bảo là ‘*lợi*’. Vì vậy, chư Phật trong vô lượng, vô biên không thể tính kể thế giới ‘*đều cùng khen ngợi tất cả công đức của Vô Lượng Thọ Phật*’. Phạm phu vãng sanh đều là bất thoải chuyển, địa vị ngang với Bồ Xứ Bồ Tát. Đây chính là điều cả mười phương thế giới không nơi nào có nổi. Do đó, mười phương Như Lai cùng khen ngợi Vô Lượng Thọ Phật.

## 26. Lễ Cúng Thỉnh Pháp

Phẩm này mang tên Lễ Cúng Thỉnh Pháp vì ‘*lễ cúng*’ là các đại Bồ Tát trong mười phương thế giới đều đến thế giới Cực Lạc lễ bái, cúng dường A Di Đà Phật; ‘*thỉnh pháp*’ là đức A Di Đà Phật nghĩ thương những vị đó nên tuyên dương diệu pháp; mười phương Đại Sĩ hoan hỷ nghe nhận.

Việc Phật A Di Đà thuyết pháp nói trong phẩm này chính là do đức Thích Tôn kể lại, nhưng bậc đạo sư hai cõi chẳng hai, chẳng khác. Lời đức Thích Ca nói nào khác chính miệng Phật A Di Đà dạy! Vì thế, nay chúng ta đọc kinh này nào khác với người được đích thân dự pháp hội nghe pháp. Cuối phẩm này, đức Thích Ca lại khen các Đại Sĩ đến nghe pháp đã tự lợi mình, lợi người, thọ ký họ sẽ thành Phật.

### **Chánh kinh:**

**Lại này A Nan! Các hàng Bồ Tát trong mười phương thế giới vì muốn chiêm lễ Vô Lượng Thọ Phật của thế giới Cực Lạc nên đều dùng hương, hoa, tràng phan, lọng báu đi qua chỗ Phật cung kính, cúng dường, nghe nhận kinh pháp, diễn nói, lưu truyền đạo hóa, khen ngợi công đức trang nghiêm của cõi Phật. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ tụng rằng:**

### **Giải:**

‘Chiêm’ là nhìn hướng lên trên hoặc hướng về phía trước; ở đây có nghĩa là chiêm ngưỡng.

Câu ‘*nghe nhận kinh pháp, tuyên nói, lưu truyền đạo hóa*’ được sách Hội Sớ giảng như sau: ‘*Lắng nghe, thọ trì kinh pháp do đức A Di Đà nói, tuyên truyền giáo pháp của ngài để làm lợi ích*’. Nghĩa là: Mười phương Đại Sĩ nghe nhận kinh pháp do đức Đạo Sư cõi Cực Lạc giảng, rồi lại đi đến mười phương lần lượt giảng nói những pháp mà đấng Đạo Sư đã giảng.

Tiếp đó, kinh bảo: ‘*Khen ngợi công đức trang nghiêm của cõi Phật*’, đó chính là mười phương Đại Sĩ khen ngợi cõi Cực Lạc công đức trang nghiêm.

### **Chánh kinh:**

**Các cõi Phật phương Đông,  
 Số như cát sông Hằng  
 Hằng sa Bồ Tát chúng  
 Đến lễ Vô Lượng Thọ  
 Nam, Tây, Bắc, bốn góc  
 Thượng, hạ cũng như vậy  
 Đều dùng tâm tôn trọng  
 Dâng diệu vật cúng Phật**

Giải:

Trước hết nói phương Đông, tiếp theo nói về hằng sa thế giới trong các phương khác. Trong mỗi thế giới ấy, đều có Bồ Tát thánh chúng số đông như cát sông Hằng cùng đến cõi Cực Lạc lễ kính Vô Lượng Thọ Phật, cùng dùng tâm thành kính dâng hiến các thứ phẩm vật trân quý, vi diệu, thù thắng như bản Ngụy dịch chép: *‘Mỗi người cầm hoa trời, hương báu, y vô giá’* v.v... Đó là tài cúng dường. Tiếp theo đây là pháp cúng dường.

**Chánh kinh:**

**Vang trợn tiếng hòa nhã  
 Ca tụng đáng Vô Thắng  
 Thấu suốt thần thông huệ,**



**Du nhập pháp môn sâu  
Nghe Phật thánh đức danh  
An ổn đắc đại lợi  
Trong các thứ cúng dường  
Siêng tu không lười mỗi  
Quán cõi thù thắng kia  
Vi diệu khó nghĩ bàn  
Công đức trang nghiêm khắp  
Các cõi Phật khó sánh  
Nên phát tâm Vô Thượng  
Nguyện chóng thành Bồ Đề.**

Giải:

Bài kệ này ý nói những lời tán thán ca tụng đức Phật Di Đà cùng cõi nước của ngài đều từ lòng chơn thành mà phát xuất nên bảo là ‘*vang trọn*’. Những tiếng tán thán ấy âm điệu hòa nhã nên bảo là ‘*tiếng hòa nhã*’. Sách Hội Sớ nói: ‘*Ngũ âm hòa hợp, thanh điệu chẳng tà nên bảo là “hòa nhã”*’. Ca là ca vịnh, thán là xưng thán’ (trong lời kệ, tạm dịch chữ ‘ca thán’ thành ca tụng).

Chữ ‘*đấng Tối Thắng*’ chỉ đức A Di Đà Phật. Do ngài là vua của các đức Phật nên xưng tụng là ‘*Tối Thắng*’. Những lời tán thán gồm:

a. Tán thán Phật đức: ‘*Thấu suốt thân thông huệ*’.

‘*Suốt*’ có nghĩa là rốt ráo, ‘*thấu*’ là thông đạt, hiểu rõ; ‘*thần thông huệ*’ là thần thông và trí huệ.

Kinh Lục Ba La Mật bảo: ‘*Di Lạc bạch Phật rằng: “Thế nào gọi là thần thông và trí huệ?” Phật dạy:*

- *Thần thông là dùng thông lực thấy được sắc cực vi, đó là thần thông. Do tịnh pháp nhãn biết được tánh của sắc là không, cũng chẳng chấp lấy thì gọi là trí huệ.*

*Hơn nữa, nghe được tiếng cực nhỏ của thế gian thì gọi là thần thông. Hiểu được trong các âm thanh chẳng có ngôn thuyết, lìa các thí dụ thì gọi là trí huệ.*

*Lại nữa, biết được tâm hạnh của hết thấy hữu tình thì gọi là thần thông. Biết rõ các vọng tâm của hữu tình chẳng phải là tâm thì gọi là trí huệ.*

*Lại nữa, với đời quá khứ đều nghĩ nhớ được thì gọi là thần thông. Hiểu cõi Phật là không thì gọi là trí huệ.*

*Lại nữa, biết rõ tướng trạng sai biệt của căn tánh thì gọi là thần thông. Hiểu Thắng Nghĩa Không thì gọi là trí huệ.*

*Biết các pháp thì gọi là thần thông. Biết rõ thể tục như huyễn thì gọi là trí huệ’.*

Phật đều hiểu thấu rành rẽ những loại thần thông, trí huệ như trên nên khen ngợi ngài ‘thấu suốt thần thông huệ’.

Ngài Tịnh Ảnh nói: ‘Các trí huệ thần thông ấy đều do pháp tạo thành’ nên tiếp đó, kinh nói đến ‘du nhập trong pháp môn sâu’.

Trong bản chú giải kinh Duy Ma, ngài Tăng Triệu đã giảng chữ ‘pháp môn’ như sau: ‘Làm khuôn mẫu cho đời là Pháp, là nguyên do dẫn dắt thánh chúng thì gọi là Môn’. Lời đức Phật dạy là khuôn phép cho thế gian nên gọi là ‘pháp’; pháp ấy là nguyên do dẫn dắt thánh chúng nhập đạo nên gọi là ‘môn’.

Hoa Nghiêm Đại Sớ viết: ‘[Là cửa ngõ để] nhập vào trong thần thông trí huệ của Như Lai nên gọi là Môn’. Sách Hội Sớ bảo: ‘Xuất nhập vô ngại là Du, thấu suốt đến chỗ uyên áo là Nhập’. Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: ‘Cùng tột tận cội gốc gọi là Nhập’. Nghĩa là: thấu hiểu rất ráo đến tận cội nguồn thì gọi là Nhập.

Ở đây, các Bồ Tát tán thán A Di Đà Phật đã cùng tột cội nguồn Thật Tướng của các pháp, xuất nhập vô ngại, nên mới nói: *‘Du nhập pháp môn sâu’*. Thấu hiểu tột cùng đến tận cội rễ thì rất là sâu xa nên mới bảo là *‘pháp môn sâu’*.

b. Khen ngợi công đức của Phật hiệu: *‘Nghe Phật thánh đức danh’*.

Trong bốn nguyện của Phật A Di Đà, mười nguyện kể từ nguyện mười tám đến nguyện hăm bảy và năm nguyện từ nguyện bốn mươi bốn đến nguyện bốn mươi tám đều diễn tả ý tưởng: do nghe danh hiệu Phật nên sẽ vĩnh viễn lìa các ác khổ, trọn được hưởng sự vui rất ráo; mười phương chúng sanh nghe danh đều được an ổn, được các thứ lợi chơn thật. Do đó kinh nói: *‘An ổn được đại lợi’*. Thập phương Đại Sĩ nghe danh hiệu Phật được hưởng ích lợi, cảm tạ thâm ân, mong muốn đáp đền nên rộng tu cúng dường chẳng hề lười mỏi.

Câu *‘trong các thứ cúng dường’* hàm ý hai thứ tài cúng dường và pháp cúng dường. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói:

*‘Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là cao nhất, nghĩa là: tu hành đúng như lời dạy để cúng dường, lợi ích chúng sanh để cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường, chịu khổ thay cho chúng sanh để cúng dường, siêng tu các căn*

*lành để cúng dường, chẳng xả Bồ Tát nghiệp để cúng dường, chẳng rời Bồ Đề tâm để cúng dường’*

Và: *‘Tu hành như thế là cúng dường một cách chơn thật’.*

Bồ Tát do nghe danh hiệu Phật nên với những thứ cúng dường như vừa nói trên đều siêng gắng tu trì chẳng hề sanh lòng lười biếng, mệt mỏi. Vì thế kinh nói: *‘Siêng tu không lười mỏi’*. Những điều như trên đều là do danh hiệu Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn.

c. Khen ngợi cõi nước Phật:

Trong Cực Lạc thế giới *‘vạn vật nghiêm tịnh, sáng đẹp, hình sắc lạ lùng, đặc biệt, cùng vi cực diệu’*. Hình sắc, quang tướng, danh số của muôn vật đều chẳng thể kể nói nổi, cũng chẳng thể biện định rành rẽ nổi. Đó là vì cõi ấy thù thắng vi diệu, không thể dùng ngôn ngữ, tư duy để lãnh hội nổi. Do đó, kinh nói: *‘Quán cõi thù thắng kia, vi diệu khó nghĩ bàn’*.

Các thứ trang nghiêm nhập vào trong một pháp cú tức là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là chơn thật trí huệ vô vi Pháp Thân. Y báo, chánh báo cõi Cực Lạc đều trang nghiêm bằng công đức của Thật Tướng nên bình đẳng hiện khắp. Vì thế, kinh mới nói: *‘Công đức trang nghiêm khắp’*. Cõi nước màu